



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN**

**GƯƠNG
ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN
CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC**



**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



**NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC**

GU'ONG
DIEN HINH TIEN TIEN
CUA DONG BAO DAN TOC THIEU SO
TRONG PHONG TRAO THI DUA YEU NUOC

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS. TS. PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

NHIỀU TÁC GIẢ

**GUỜNG
ĐIỂN HÌNH TIỀN TIẾN
CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC**

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC**

HÀ NỘI - 2016

TUYỂN CHỌN

**MAI LINH NHÂM
NGUYỄN HẢI ANH
VŨ THỊ PHƯƠNG**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bác Hồ đã dạy: “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”, “Thi đua ái quốc là ích lợi cho mình, ích lợi cho gia đình mình và ích lợi cho làng, cho nước, cho dân tộc”.

Thực hiện lời dạy của Bác, đồng bào dân tộc thiểu số đoàn kết, sáng tạo, chung sức, đồng lòng thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với nhiều hình thức, nội dung phong phú, các phong trào thi đua yêu nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phát động, đã và đang đi vào cuộc sống, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, chương trình trọng tâm, trọng điểm của từng địa phương, đơn vị; hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra như: phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, văn hóa vùng đồng bào dân tộc phát triển; các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy, từng bước đẩy lùi hủ tục; an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt nhiều thành tích; khối đại đoàn kết giữa các dân tộc không ngừng được củng cố và tăng cường.

Mặt khác, các phong trào thi đua đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư tưởng, đột phá trong cách nghĩ cách làm và ý chí tự chủ vươn lên, góp phần khơi dậy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ các phong trào thi đua, xuất hiện ngày càng nhiều tập thể, cá nhân, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất, kinh doanh giỏi; không ít già làng, trưởng bản, người có uy tín trở thành tấm gương đoàn kết, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng đời sống văn hóa mới ở cơ sở; nhiều cá nhân, tập thể làm công tác dân tộc đã có nhiều thành tích trong triển khai và thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước.

Cuốn sách ***Gương điển hình tiên tiến của đồng bào dân tộc thiểu số trong phong trào thi đua yêu nước*** được tuyển chọn trên cơ sở tham luận của các đại biểu trong Đại hội Thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban Dân tộc tổ chức. Cuốn sách góp phần tôn vinh, biểu dương các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, nhân tố tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số trong phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hy vọng, những kinh nghiệm, mô hình, cách làm hay, bài học bổ ích của các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến sẽ lan tỏa và nhân rộng trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LAI CHÂU CHÚ TRỌNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Lai Châu là một tỉnh miền núi biên giới xa xôi của khu vực Tây Bắc với gần 265,095km đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, địa hình đồi núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, thời tiết khắc nghiệt. Lai Châu là mái nhà chung của 20 dân tộc anh em với phong tục tập quán và ngôn ngữ phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, bà con dân tộc trình độ dân trí thấp, đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Cách đây hơn 10 năm, khi mới bắt đầu chia tách và thành lập tỉnh Lai Châu mới, tỷ lệ hộ nghèo ở Lai Châu lên tới 31,3% theo tiêu chuẩn cũ và tương đương với 63% của tiêu chuẩn mới. Đây là thách thức không nhỏ đối với chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu trong công tác phát triển kinh tế - xóa đói giảm nghèo của địa phương.

Thực tế cho thấy, xóa đói giảm nghèo ở vùng cao khác với các vùng đồng bằng, nó không chỉ là

vấn đề kinh tế, mà còn là chính sách dân tộc gắn liền với công tác bảo vệ đường biên của Tổ quốc. Muốn bà con thoát nghèo phải tạo được niềm tin trong nhân dân, chính trị, an ninh được giữ vững. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác bảo vệ đường biên mốc giới, tỉnh Lai Châu đã chú trọng đến chính sách dân tộc, ưu tiên bà con người dân tộc thiểu số. Đây là một trong những nhân tố quan trọng tạo được lòng tin của nhân dân, giúp nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế.

Đảng bộ, chính quyền Lai Châu đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ về nông nghiệp giúp bà con yên tâm sản xuất như: Chương trình 134, 135; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; hỗ trợ y tế; hỗ trợ giáo dục; trợ giúp pháp lý; và đặc biệt là chính sách về hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ... Đây là những chính sách quan trọng đã có tác động tích cực đến những hộ nghèo đang sản xuất nông nghiệp. Tỉnh Lai Châu đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh trong phát triển kinh tế nông nghiệp, người dân đã chú trọng việc sản xuất hàng hóa theo nhu cầu của thị trường.

Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu đã phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tỉnh, hoàn thành vai trò là “cầu nối” thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh.

Từ năm 2011 đến năm 2015 từ vốn đầu tư của Chương trình 135, đã giải ngân được 260.335 triệu đồng với 112 công trình giao thông, 77 công trình thủy lợi, 115 công trình giáo dục, 29 công trình nước sinh hoạt, 13 công trình điện... Các công trình trên được triển khai hiệu quả đã giúp người dân thuận lợi trong sinh hoạt, thuận tiện trong sản xuất.

Đến năm 2015, tỉnh Lai Châu đã hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn như: chè, cao su, rau xanh... Trong đó, cây chè được coi là mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xóa đói giảm nghèo cho bà con. Tổng diện tích chè của toàn tỉnh là 3.560 hecta phân bố chủ yếu ở thành phố Lai Châu, Tam Đường và Tân Uyên. Việc hình thành các vùng chuyên canh thuận lợi cho việc chế biến cũng như tiêu thụ sản phẩm hàng hóa với quy mô lớn, tập trung. Huyện Tân Uyên đã và đang hình thành vùng chè chất lượng cao để tăng thu nhập cho người dân trên cùng một diện tích đất canh tác. Cây cao su cũng là cây công nghiệp có diện tích lớn ở tỉnh Lai Châu với 13.000 hecta tập trung chủ yếu ở huyện Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè và Than Uyên. Đây là loại cây trồng hứa hẹn sẽ mang lại thu nhập cao, góp phần cải thiện đời sống cho người dân.

Cùng với việc hình thành các vùng chuyên canh, người dân đã biết sản xuất hàng hóa theo

nhu cầu của thị trường, không còn sản xuất theo hướng tự cung, tự cấp như trước đây. Nhiều mô hình sản xuất mới đã mang lại hiệu quả kinh tế như: mô hình trồng hoa, trồng rau sạch, nuôi lợn theo mô hình khép kín bảo đảm vệ sinh môi trường,... Bằng nhiều nguồn vốn hỗ trợ khác nhau như Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình khuyến nông và người dân tự mua..., đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có khoảng 10.700 máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp các loại như máy làm đất, công cụ xạ hàng, máy chế biến thức ăn gia súc... đã góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất. Các cánh đồng lớn đã cơ giới hóa sản xuất được 60% diện tích. Riêng một số cánh đồng như Mường So, Khổng Lào của huyện Phong Thổ; Mường Khoa của huyện Tân Uyên và Mường Than thuộc huyện Than Uyên tỷ lệ đưa cơ giới hóa vào khâu làm đất đạt trên 90% diện tích.

Để nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật cho người dân, những năm qua ngành nông nghiệp tỉnh Lai Châu đã triển khai nhiều mô hình, dự án khuyến nông để giúp người dân tiếp cận với phương thức sản xuất mới, từng bước thay đổi tập quán canh tác lạc hậu để nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đất. Hầu hết các mô hình, dự án đều mang lại kết quả tốt, đặc biệt là

có thể nhân rộng và đưa vào sản xuất đại trà. Ngành nông nghiệp đã phối hợp với Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Đại Dương sản xuất 3 hecta lúa lai F1, đồng thời nhập thêm các giống lúa, ngô lai chất lượng cao phù hợp với địa hình, khí hậu của tỉnh cho người dân sản xuất. Các giống lúa địa phương có chất lượng cao được quan tâm đưa vào sản xuất nhiều như lúa Tẻ Râu, Sóng Cù được người dân gieo trồng nhiều ở huyện Tam Đường, Than Uyên và thành phố Lai Châu được người tiêu dùng ưa chuộng.

Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu đã chú trọng công tác phối hợp với Ban Dân vận, Hội Nông dân, cán bộ xã và nhất là trưởng bản - những người có uy tín trong bản vận động bà con xóa bỏ tập quán du canh du cư. Cùng với đó, Ban Dân tộc đã phát huy có hiệu quả nguồn vốn từ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 4-6-2013 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015. Theo đó, 5 điểm định canh - định cư tập trung với 10 công trình bao gồm: giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, lớp học... Kết quả giải ngân đạt 99,5% kế hoạch giao (với tổng số tiền 36.293 triệu đồng). Bên cạnh đó, cũng bằng nguồn vốn của chương trình trên, đã sắp xếp định canh - định cư cho 139 hộ dân. Chương trình định canh - định cư giúp bà con ổn

định cuộc sống tại các bản: Tá Bạ (xã Tá Bạ); Gia Tè (xã Mù Cỏ); Hà Xi, Hà Nê (xã Pa Vệ Sủ)...

Cùng với sự phát triển của ngành nông nghiệp, công nghiệp cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Lai Châu. Tốc độ phát triển ngành công nghiệp bình quân hàng năm đạt 22,9%. Năm 2014, toàn tỉnh Lai Châu đã có trên 2.000 cơ sở sản xuất công nghiệp (năm 2004 mới có 1.100 cơ sở) thu hút và giải quyết việc làm cho 5,5 nghìn lao động. Ngành công nghiệp ở Lai Châu đã thu hút 90 dự án đầu tư các lĩnh vực: thủy điện, khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy sản với số vốn đăng ký trên 85 nghìn tỷ đồng, một số ngành nghề truyền thống của bà con dân tộc thiểu số được khôi phục như: dệt thổ cẩm, sản xuất rượu...

Những thành quả trên đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Trong 4 năm (2011-2014), tỉnh Lai Châu đã được đầu tư gần 4 tỷ đồng vào Chương trình xây dựng nông thôn mới. Mỗi năm, tổng số vốn được giải ngân đạt từ 75% trở lên.

Với sự nỗ lực và cố gắng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận trong công tác phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tốc độ

tăng trưởng kinh tế khá, trung bình 7,4%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2014 thu nhập bình quân đầu người tăng 2,03 lần so với năm 2010, đạt 16,27 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và bền vững, bình quân giảm 5,2%/năm. Năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn 22,02%. Thời gian tới, các cấp, các ngành của tỉnh Lai Châu sẽ tập trung huy động các nguồn lực đẩy mạnh thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi phương thức chăn nuôi, phát triển bảo vệ rừng, phát triển vùng chè, trồng cây cao su... nhằm giúp đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế, từng bước xóa được đói, giảm nghèo.

(Tống Thanh Bình - Dân tộc Thái)
Trưởng ban Dân tộc tỉnh Lai Châu

MUỜNG TÈ VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC

Huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu là huyện vùng cao biên giới, có tổng diện tích đất tự nhiên là 2.679,34km², có đường biên giới giáp với Trung Quốc. Toàn huyện có 14 đơn vị hành chính bao gồm 13 xã và 1 thị trấn; dân số là 7.860 hộ, 40.314 nhân khẩu; có 12 dân tộc cùng chung sống, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn huyện chiếm tỷ lệ cao (94,8%), trong đó có những dân tộc đặc biệt khó khăn như Cống, Mảng, Si La, La Hủ... Trong những năm qua, cùng với việc chú trọng chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, công tác bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc trong huyện luôn được Đảng bộ, chính quyền quan tâm. Một số nghi lễ - lễ hội truyền thống của các dân tộc đã được phục dựng, thực sự trở thành ngày hội của cộng đồng, là dịp giao lưu văn hóa, thắt chặt tình đoàn kết các dân tộc và để mọi người có ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc mình.

Việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện

trong những năm qua được các cấp, các ngành từ Trung ương đến tỉnh, huyện rất quan tâm từ công tác điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn cho đến triển khai thực hiện. Điển hình như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc tỉnh đã phối hợp với huyện tổ chức phục dựng một số lễ hội như: lễ hội mừng cơm mới của dân tộc Si La, La Hủ; Tết Ngô của dân tộc Cống; lễ cầu mùa của dân tộc La Hủ...

Tuy nhiên, những năm gần đây, do ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc nói chung và các dân tộc sinh sống tại huyện Mường Tè nói riêng đang đứng trước những thách thức lớn. Một bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, phim ảnh và những sản phẩm văn hóa không lành mạnh nên rơi vào trạng thái mất phương hướng, không kiểm soát được hành vi, dễ sa ngã vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật; có lúc có nơi một bộ phận đồng bào còn bị các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền kích động, có những hành vi vi phạm pháp luật. Do đời sống kinh tế khó khăn nên nhiều giá trị văn hóa truyền thống không còn được lưu giữ; lớp trẻ lớn lên không mặn mà với nền văn hóa truyền thống của dân tộc mình; nhiều nghệ nhân tài giỏi chưa kịp truyền dạy vốn văn hóa truyền thống của dân tộc mình cho thế hệ trẻ; vai trò già

làng, trưởng bản, các luật tục cộng đồng cũng bị phai mờ trong đời sống sinh hoạt văn hóa của không ít dân tộc, bên cạnh đó một số tập tục lạc hậu vẫn chưa được loại bỏ hoàn toàn.

Thực trạng trên đang đặt ra sự cần thiết phải đẩy mạnh việc bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong việc bảo tồn văn hóa các dân tộc. Việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa và văn học, nghệ thuật trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trở thành nội dung quan trọng của chiến lược phát triển nền kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện. Nếu không đặt đúng vị trí và giải quyết tốt mối quan hệ này thì không thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Để bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát

triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” theo Chỉ thị số 194/CT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đề án phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội các dân tộc đặc biệt khó khăn như Cống, Mảng, La Hủ và các chương trình, đề án, kế hoạch xây dựng và phát triển văn hóa của các cấp từ Trung ương đến tỉnh, huyện, huyện Mường Tè cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc xây dựng và phát triển văn hóa; cần phải có sự kế thừa, chọn lọc và phát huy có hiệu quả bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, đấu tranh bài trừ các sản phẩm văn hóa, loại hình văn hóa độc hại, văn hóa lai căng ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội. Trong đó chú trọng cải tạo các tập quán lạc hậu như: mê tín dị đoan, chi tiêu thiếu kế hoạch, nếp sống không bảo đảm vệ sinh, tập quán thả rông gia súc, tảo hôn, người chết để lâu ngày mới chôn cất...

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân tham gia vào công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa trong cộng đồng các dân tộc. Nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đề cao vai trò của việc bảo tồn và phát huy giá trị văn

hóa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư sưu tầm, nhân rộng các phong tục tập quán tốt đẹp. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý, bảo đảm mối quan hệ phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa.

Ba là, quy hoạch, đầu tư cho các chương trình, dự án, đề án phải luôn gắn với xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở các cấp, xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động văn hóa cộng đồng. Tổ chức hình thành cụm văn hóa các cấp với các thiết chế văn hóa bảo đảm tạo ra môi trường văn hóa phù hợp với phong tục, tập quán của các dân tộc. Coi trọng việc củng cố và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Lựa chọn, bố trí những cán bộ có trình độ để quản lý và tổ chức các hoạt động thiết thực, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của đồng bào các dân tộc. Khắc phục khuynh hướng sử dụng các cơ sở văn hóa sai mục đích, coi nhẹ tính phục vụ cộng đồng. Phát huy giá trị các di sản văn hóa bản địa bằng việc sưu tầm, nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn di sản, ví như các điệu múa truyền thống của các dân tộc, xây dựng các đội văn nghệ phục vụ các dịp lễ hội. Hỗ trợ các nghệ nhân truyền bá văn hóa dân tộc bản địa như: xây dựng nhà trưng bày, góc trưng bày dân tộc học tại một số nhà văn hóa cộng đồng ở các bản trung tâm các xã. Hằng năm tuyển chọn các nghệ nhân am hiểu văn

hóa dân tộc để tập huấn phương pháp truyền dạy các giá trị văn hóa cho lớp kế cận. Bảo đảm hàng năm mỗi bản đều có thể duy trì hoạt động hoặc xây dựng mới các đội văn nghệ.

Bốn là, hàng năm cần tổ chức các lễ hội, giao lưu văn hóa, văn nghệ, các hội thi giữa các dân tộc vào các ngày lễ lớn của đất nước, ngày hội đại đoàn kết các dân tộc, ngày tết truyền thống... nhằm tạo sự giao lưu, gắn kết để tăng mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc.

Năm là, tiếp tục đầu tư, hỗ trợ để đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo để có điều kiện khôi phục, duy trì và phát huy những bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Đồng thời cần xây dựng một cơ chế thỏa đáng cho công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số như dân tộc Cống, Mảng, La Hủ, Si La.

(Vũ Văn Thống - Dân tộc Kinh
Trưởng phòng Dân tộc
huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu)

NGƯỜI DAO Ở SÁ NHÈ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH

*Giương cá nhân điển hình: **Tần Chang Củi***

Dân tộc: Dao

Xã Sá Nhè, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

Vinh dự là đại biểu dự Hội nghị điển hình tiên tiến, anh Tần Chang Củi tâm sự: Dân tộc Dao chúng tôi sinh sống tại bản Lịch 1, xã Sá Nhè có 39 hộ với 202 nhân khẩu, trong đó có 30 hộ kinh tế khá và 9 hộ thuộc diện hộ nghèo. Thu nhập hằng năm chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, canh tác ruộng nước và lúa nương, chăn thả gia súc.

Ở Sá Nhè, các hộ gia đình thường sản xuất, kinh doanh đa dạng, kết hợp vừa trồng trọt vừa chăn nuôi, và kinh doanh ngành nghề phụ. Nhận thức rõ vai trò của nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong đổi mới và phát triển đất nước, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước bằng các chương trình, dự án chính sách dân tộc đặc thù đã giúp cho nông dân ở Sá Nhè phấn khởi, yên tâm gắn bó với ruộng đất, chủ động đầu tư vốn để

thâm canh tăng vụ, kinh tế ngày một ổn định. Anh Tản Chang Cui cho biết: Tổng thu nhập của gia đình khoảng 100 triệu đồng gồm: thu từ nuôi cá ao 30 triệu đồng; thu từ chăn lợn, gà, vịt 10 triệu đồng; thu từ trồng trọt 30 triệu đồng; thu từ làm giấy cúng và các nguồn thu khác là 30 triệu đồng.

Không chỉ làm kinh tế để thoát nghèo, bản thân anh Tản Chang Cui còn tích cực tham gia công tác ở thôn bản, cùng các đoàn thể chăm lo, giúp đỡ các gia đình khó khăn hơn. Hướng dẫn các hộ làm kinh tế gia đình như chăn nuôi, trồng lúa nương, lúa nước, giúp đỡ về vốn và tư vấn kỹ thuật. Thời gian qua, anh đã vận động được 5 hộ đào ao thả cá và nuôi lợn để phát triển kinh tế, mỗi năm thu nhập bình quân được 10 đến 15 triệu đồng/hộ. Ở Sá Nhè, nhiều hộ khác đang học tập cách làm của anh để vươn lên xây dựng cuộc sống khấm khá, tốt đẹp hơn.

Cùng với hướng dẫn các hộ trong thôn làm kinh tế, anh còn vận động các cháu thanh niên chăm chỉ học hành, không mắc các tệ nạn như hút thuốc phiện, trộm cắp, cờ bạc.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi đã tạo cho nhân dân có bước nhận thức đúng và nhạy cảm với cơ chế thị trường; thực sự thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, từng bước khai thác có hiệu quả các tiềm năng, góp phần vào phát triển kinh tế - văn hóa trên địa bàn nông thôn của tỉnh Điện Biên. Và, anh Tản Chang Cui là một trong số những gương nông dân tiêu biểu đó.

NẬM PỐ VỚI CÔNG TÁC GIỮ GÌN AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Huyện Nậm Pồ là một huyện miền núi vùng cao biên giới của tỉnh Điện Biên, có tổng diện tích tự nhiên là 149.812,96 hecta, chủ yếu là đất đồi, núi; có đường biên giới Việt - Lào dài 119,7km. Huyện gồm 15 xã, trong đó có 8 xã (33 bản) giáp biên giới; 14 xã thuộc khu vực III, 1 xã thuộc khu vực II. Toàn huyện có 127 bản, 7.919 hộ với 43.640 nhân khẩu thuộc 8 dân tộc anh em cư trú, với hơn 95% cư dân là đồng bào dân tộc thiểu số trong đó dân tộc Khơ Mú chiếm 1,58% với hơn 690 nhân khẩu sống rải rác ở các xã Nậm Khăn, Nà Hỳ, Nậm Chua.

Công tác giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Do đó muốn thực hiện tốt nhiệm vụ này điều cốt lõi là phải xây dựng được thể trận toàn dân, huy động sức mạnh tổng hợp của quần chúng tham gia công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nhận thức đúng đắn vấn đề đó nên trong những

năm qua, đồng bào Nậm Pồ đã phối hợp chặt chẽ với các dân tộc khác trên địa bàn huyện tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp công tác giữ gìn bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, phối kết hợp chặt chẽ với việc tham gia xóa đói giảm nghèo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng gia đình văn hóa, bản văn hóa, tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội...

Trong những năm qua đồng bào ở Nậm Pồ luôn xác định: Công tác phối hợp cùng với các dân tộc khác và các lực lượng chức năng đứng chân trên địa bàn huyện giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, và đã được cụ thể hóa như sau:

Thứ nhất: Xây dựng nội quy hương ước giữa đồng bào dân tộc Khơ Mú với các dân tộc khác trong địa bàn, trong đó xác định rõ nội dung phối hợp cần tập trung triển khai và tổ chức thực hiện.

Thứ hai: Tích cực thực hiện, giáo dục quần chúng nhân dân nắm vững những nội dung cơ bản của phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc” để thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của mọi người dân chứ không riêng gì của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Thứ ba: Tích cực đấu tranh, phòng chống, tố giác các loại tội phạm, cụ thể đã cung cấp nhiều tin cho các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn,

trong đó có nhiều tin có giá trị; vận động quần chúng nhân dân tham gia phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, giữ gìn an ninh trật tự bản, khu vực; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân và trận địa biên phòng toàn dân vững mạnh.

Thứ tư: Xác định tinh thần, nêu cao cảnh giác cách mạng, không nghe, không tin những luận điệu tuyên truyền xấu của kẻ địch và các phần tử bất mãn, tiêu cực; phổ biến cho quần chúng nhân dân, nhất là các trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư nắm được âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của kẻ địch và các loại đối tượng; sẵn sàng phối hợp cùng lực lượng chức năng, bộ đội biên phòng giải quyết các tình huống xảy ra trên địa bàn.

Xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội cùng với các ngành chức năng kết hợp các biện pháp công tác khác đã góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, huy động được sức mạnh tổng hợp vào bảo vệ vững chắc an ninh khu vực, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Nậm Pồ. Đây là cách làm hay, sáng tạo và hiệu quả.

(Lý Thị Rơi - Dân tộc Khơ Mú
Đại diện xã Nà Hỳ,
huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên)

LÀM GIÀU TỪ NUÔI TRỒNG, ĐÁNH BẮT, THU MUA HẢI SẢN

*Gương cá nhân điển hình: **Đinh Văn Lưng***

Dân tộc: Mường

*Bản Khảo 2, xã Tường Hạ, huyện Phù Yên,
tỉnh Sơn La*

Trước đây gia đình ông Đinh Văn Lưng, bản Khảo 2, xã Tường Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La còn rất nhiều khó khăn, phương thức sản xuất chưa ổn định, thiếu vốn làm ăn, đời sống sinh hoạt hằng ngày chỉ dựa vào thu nhập từ cây trồng trên nương, canh tác trên đất dốc, phụ thuộc vào thiên nhiên là chính nên thu nhập không tương xứng so với công sức bỏ ra.

Năm 2012, là trụ cột của gia đình, ông Lưng suy nghĩ không biết làm cái gì mới có cái ăn. Sau khi bàn bạc trong gia đình và cuối cùng gia đình ông quyết định đầu tư 6 triệu đồng, trong đó mua 1.500 trùn đánh bắt tôm hết 5 triệu đồng, còn 1 triệu đồng chi mua vật liệu làm một chiếc thuyền xi măng chở được 2 người. Sau 3 tháng phân công

nhau mỗi người một việc, thức khuya dậy sớm, gia đình ông có thu nhập 15 triệu đồng (đã trừ số tiền gốc). Với thu nhập đó, trừ chi phí sinh hoạt hàng ngày hết 5 triệu đồng, còn 10 triệu đồng cộng với vay thêm Ngân hàng Chính sách xã hội 20 triệu đồng, gia đình ông tiếp tục đầu tư mua một chiếc thuyền sắt 30 triệu đồng để vừa đánh bắt tôm vừa thu mua gom tôm từ các vó bè của bà con đánh tôm cá xung quanh, đồng thời, ông liên hệ với chủ mua tôm từ dưới xuôi nhập bán theo giá thị trường. Mỗi tháng cả 2 lao động chính trong gia đình vừa đánh bắt tôm cá vừa thu mua thủy sản, thu được từ 10 - 15 triệu đồng.

Năm 2013, được sự quan tâm hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, sau khi bàn bạc với các thành viên trong gia đình, ông Lưng lại quyết định đầu tư nuôi cá lồng và làm vó kéo tay tận dụng tôm tép làm thức ăn cho cá nuôi lồng. Từ năm 2013 trở về đây, thu nhập mỗi năm của gia đình ông sau khi trừ chi phí còn: thu từ trồng trọt mỗi năm 12.000.000 đồng; thu từ chăn nuôi gia súc 18.000.000 đồng; thu từ đánh bắt, thu mua tôm 148.000.000 đồng.

Trong hai năm (2012-2013), gia đình ông Lưng đã trả hết nợ đầu tư vào sản xuất và xây dựng được một nhà sàn 3 gian bằng gỗ trị giá trên 200 triệu đồng. Hiện nay công việc đã tạm ổn định, gia

đình đã quen với phương thức đầu tư làm ăn trên sông nước, tháo gỡ được những khó khăn tồn tại, cuộc sống ngày càng đổi thay, đồng thời có điều kiện để giúp đỡ bà con trong bản, trong xã.

Từ nguồn thu nhập trên, mỗi năm gia đình ông Lưng đã hỗ trợ và giúp đỡ 20 hộ gia đình bà con xung quanh thông qua việc cho vay bằng tiền mặt không tính lãi và giúp mua trộm để họ đánh bắt thủy sản và phát triển sản xuất khác.

Ngoài ra, gia đình ông còn mua 2 vó kéo tay cho 2 hộ đánh bắt thủy sản (sản phẩm thu được bán lại cho gia đình ông Lưng) và mở thêm ngành nghề vừa đánh bắt tôm, cá vừa nuôi trồng thủy sản tạo việc làm và tăng thu nhập cho 20 lao động trên địa bàn xã.

Là Bí thư chi bộ bản Khảo 2 thuộc Đảng bộ xã Tường Hạ, ông Lưng có điều kiện và thời gian tuyên truyền kinh nghiệm sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm và đánh bắt thủy sản cho bà con để nhân ra diện rộng trên địa bàn: cần thường xuyên nắm bắt tình hình diễn biến của thời tiết xảy ra và mùa vụ nước có thể dâng lên, rút xuống thất thường; phương tiện đi sông nước và các dụng cụ phải bảo đảm đủ an toàn; trong đánh bắt, nuôi trồng thủy sản phải nghiêm túc tuân thủ các quy định của Nhà nước, lao động có tổ chức chặt chẽ, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi lúc, mọi nơi để tạo thành sức mạnh, không ép giá, tranh mua,

tranh bán; người lao động phải được trang bị kiến thức và công nghệ nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, cần nắm vững thông tin thị trường, không chạy theo phong trào.

Trong thời gian tới, với kinh nghiệm trên, gia đình ông Lưng tiếp tục đầu tư phát triển thêm số lồng nuôi cá, đa dạng chủng loại giống cá nuôi thương phẩm phù hợp với thị trường. Đầu tư hỗ trợ thêm cho nhiều hộ gia đình trong việc tham gia đánh bắt tôm, cá để có sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Ngoài ra, ông còn tận dụng tối đa số diện tích ruộng của gia đình; đẩy mạnh việc phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Sau nhiều năm chăm chỉ, nỗ lực học hỏi, giúp đỡ, vận động bà con, ông Đinh Văn Lưng đã giúp nhân dân phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, ổn định trong việc tiêu thụ sản phẩm và trở thành ngành sản xuất chính ở bản Khảo 2, xã Tường Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

“PHẢI LÀM GƯƠNG ĐỂ QUẦN CHÚNG NOI THEO”

Gương cá nhân điển hình: **Bùi Văn Nay**

Dân tộc: Mường

*Xóm Vó Trên, xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn,
tỉnh Hòa Bình*

Xóm Vó Trên thuộc xã miền núi Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, có 195 hộ, 795 nhân khẩu, là xóm có đông đồng bào Mường (97% dân số của xóm). Người Vó Trên có truyền thống yêu nước, hiếu học, trung thành với Đảng, tin tưởng ở chính quyền, cần cù trong lao động, đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Đó là sức mạnh tổng hợp giúp cho xóm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, các chính sách an sinh xã hội được triển khai tích cực và có hiệu quả. Thời gian qua, bộ mặt của xóm đã thay đổi rõ rệt: chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ. Liên tục 15 năm trong xóm không có trường hợp sinh con thứ ba. Đời sống nhân dân

được cải thiện đáng kể, bà con được hưởng lợi từ nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo nên đời sống được nâng cao.

Với cương vị vừa là bí thư chi bộ vừa là trưởng xóm và là người có uy tín của địa phương, nhận thấy vai trò và trách nhiệm của mình rất lớn, ông Bùi Văn Nay đã tích cực giáo dục con cháu, vận động bà con trong xóm giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc sống, hòa giải các vụ việc mâu thuẫn trong xóm, thực hiện tốt nội quy, quy ước thôn xóm; tích cực tuyên truyền vận động nhân dân đoàn kết, tham gia các phong trào do Nhà nước, chính quyền địa phương đề ra...; nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát triển kinh tế thông qua chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, xây dựng nếp sống văn hóa. Bước đầu, bộ mặt thôn xóm đã có nhiều biến chuyển: việc cưới, việc tang được tổ chức gọn nhẹ, người ốm được đưa đến cơ sở y tế khám chữa bệnh; trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường; trong xóm không có người mắc các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, không buôn bán, không tàng trữ, không sử dụng vũ khí, vật liệu nổ... Ông nắm bắt tâm tư tình cảm và những yêu cầu chính đáng của nhân dân, kịp thời báo cáo cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc xem xét

giải quyết, đồng thời đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của địa phương đến với nhân dân để mọi người cùng thực hiện. Với uy tín của mình, miêng nói tay làm nên ông luôn nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân bằng các việc cụ thể: đóng góp ngày công lao động được 3,5km đường giao thông nông thôn, nâng cấp kiên cố hóa được 3km kênh mương; đóng góp xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng diện tích sử dụng 90m² trị giá 170 triệu đồng, sân và công trình phụ trong khuôn viên nhà sinh hoạt cộng đồng được xây dựng khang trang sạch sẽ; hằng năm các hộ gia đình trong xóm thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước cũng như của địa phương đạt 100%; tích cực tham gia các cuộc vận động như cuộc vận động Ngày vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ ủng hộ xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ...

Cùng với những việc làm đó, ông Bùi Văn Nay còn rất tích cực tuyên truyền để bà con hiểu và không tin, không nghe theo lời kẻ xấu xúi giục; hòa giải các mâu thuẫn trong nhân dân, thực hiện “lá lành đùm lá rách”, làng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau, tích cực lao động sản xuất, giữ gìn an ninh, trật tự thôn xóm.

Xác định người có uy tín phải làm trước để quần chúng noi theo, ông và gia đình rất tích cực

trong việc thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà trọng tâm là chính sách dân tộc và tôn giáo, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật hôn nhân và gia đình. Vận động nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền địa phương, góp phần cùng với Đảng bộ và nhân dân xã Nhân Nghĩa về đích nông thôn mới trong năm 2015.

NGƯỜI SẢN XUẤT GIỎI XÓM LŨNG VÀI

Gương cá nhân điển hình: **Hoàng Văn Dính**

Dân tộc: Tày

Bí thư Chi bộ thôn Lũng Vài, xã Cần Nông,

huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng

Trước đây, gia đình ông Hoàng Văn Dính cũng như nhiều gia đình khác trong xóm, sản xuất không đủ ăn, luôn thiếu ăn trong thời gian giáp hạt, con cái không được ăn no, mặc đẹp để đến trường.

Đến năm 2015, về chăn nuôi, gia đình ông Dính có 30 con bò, 40 con dê, 12 con lợn thịt và 2 con lợn nái, hơn 200 con gà. Hàng năm thu nhập bình quân đạt trên 100 triệu đồng. Trồng cây lương thực đã đáp ứng được nhu cầu của gia đình và chăn nuôi, có năm còn dư bán ra thị trường. Qua sự nỗ lực và phấn đấu của gia đình trong xây dựng và phát triển kinh tế, ông Dính đã không ngừng vận động bà con trong xóm cũng như các xóm khác cùng áp dụng những tiến bộ khoa học vào sản xuất như đưa giống ngô có năng suất cao

vào trồng đúng kỹ thuật; truyền đạt những kinh nghiệm sản xuất cho mọi người cùng học hỏi và làm theo; đồng thời cho những hộ gặp khó khăn vay không lấy lãi để phát triển kinh tế. Hiện nay, xóm có đàn dê trên 160 con, có hộ có trên 30 con bò, ngoài ra còn chăn nuôi lợn và gia cầm.

Bên cạnh đó, với cương vị là bí thư chi bộ và là người uy tín trong xóm, ông Dính luôn phát huy vai trò, chức trách nhiệm vụ được giao, thường xuyên tham mưu cho chi bộ và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo đảng viên, nhân dân trong xóm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, giữ gìn an ninh, trật tự ở thôn xóm.

Với tinh thần trách nhiệm cao, ông Dính đã chủ động bàn bạc, thống nhất kiện toàn ban dân cư, các đoàn thể xóm đi vào hoạt động có hiệu quả, tổ chức triển khai tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên. Đồng thời ông tích cực vận động bà con đóng góp các khoản quỹ đầy đủ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc, thực hiện đời sống văn hóa ở khu dân cư. Qua vận động, tuyên truyền, trong năm 2013, 90% hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, xóm đạt làng văn hóa bảo đảm cho việc dạy và học, con em đến trường đầy đủ. Trong xóm, công tác chăm sóc sức khỏe luôn được bảo đảm, người bị ốm đau đều được vận động đưa đến

trạm y tế để khám chữa kịp thời, không chữa bệnh bằng các hình thức mê tín dị đoan; không ai mắc vào các tệ nạn xã hội; không nghe theo kẻ xấu tuyên truyền xúi giục, kích động, chia rẽ mất đoàn kết, không có hộ đi theo đạo trái pháp luật; làm tốt công tác hòa giải, việc sinh con thứ 3 đã giảm hẳn. Tình hình an ninh trong xóm luôn được bảo đảm và giữ vững.

Với những thành tích đạt được trong các mặt công tác tại xóm Lũng Vài, xã Cần Nông, huyện Thông Nông tỉnh Cao Bằng, ông Hoàng Văn Dính vinh dự là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015.

BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU ĐỂ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Sa Pa từng được biết đến là địa danh của các loại dược liệu quý như giảo cổ lam, đương quy, atisô, đỗ trọng, tam thất... Tả Phìn là một xã có điều kiện về khí hậu và thổ nhưỡng để phát triển cây dược liệu. Phát triển cây dược liệu được coi là một trong bốn sản phẩm mũi nhọn của ngành nông nghiệp Sa Pa, cây dược liệu đã và đang mang lại thu nhập cao cho người dân địa phương. Nhờ điều kiện đất đai, khí hậu, nhiệt độ thuận lợi, nên một số tiểu vùng của Sa Pa tập trung nhiều loài dược liệu quý (khoảng hơn 100 loài), như các loài thuộc họ thông, ngũ bì, mao lương, bạc hà... Bên cạnh đó, dân tộc Dao tại Sa Pa còn lưu giữ nhiều phương thuốc bí truyền liên quan đến sự kết hợp giữa các loài thảo dược như: từng de, tơ biệt, ngừng uân, zchu tay, địa búa, phiu hỏa, zche gay xiết, địa rản, dằng nai, ma gay khăng và nhiều loài cây khác.

Năm 2006, được sự giúp đỡ của Đại học Dược và Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Lý Láo Lở cùng

một số bà con ở trong xã đứng ra thành lập công ty với mục đích: tổ chức dịch vụ tắm lá thuốc tại chỗ cho du khách; sản xuất các sản phẩm thuốc tắm bán tại chỗ và bán ra thị trường; triển khai các hoạt động trồng và bảo tồn cây thuốc tắm.

Ngày đầu thành lập công ty với số vốn ít ỏi (nguồn hỗ trợ của Đại học Dược 60 triệu đồng) và không có kinh nghiệm trong quá trình sản xuất và kinh doanh nên trong giai đoạn 2007-2009 công ty gần như làm ăn không có lãi. Lý Láo Lở suy nghĩ mình cần phải nghiên cứu sách vở, tài liệu và tìm đến các đơn vị kinh doanh để học hỏi và quảng bá, giới thiệu sản phẩm là vô cùng quan trọng.

Bằng cách làm và hướng đi phù hợp, sản phẩm thuốc tắm của công ty hiện nay được tiêu thụ rộng khắp cả nước nhưng chủ yếu là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bình quân khoảng 7.000 lít/năm. Doanh thu đến năm 2014 đạt 4,1 tỷ đồng.

Hiện nay, những bài thuốc này đang đem lại lợi ích kinh tế lớn cho những người sở hữu. Người dân bản địa với bài thuốc gia truyền từ đời này qua đời khác đã biết kết hợp thành những gói thuốc bán cho khách du lịch. Thuốc tắm của người Dao Đỏ là minh chứng rõ nhất về điều này, không chỉ nổi tiếng trong nước mà cả với khách nước ngoài. Ngoài ra, người dân bản địa cũng vào rừng khai thác các loại dược liệu tự nhiên về bán trực tiếp cho khách du lịch và các hiệu thuốc nam đem lại nguồn thu đáng kể.

Tuy nhiên, khai thác hợp lý đi đôi với bảo tồn các loài dược liệu tự nhiên đang là vấn đề đặt ra đối với phát triển cây dược liệu tại Sa Pa nói chung cũng như ở Tả Phìn nói riêng. Việc người dân khai thác cây dược liệu tràn lan, theo kiểu “tận thu” trong khi địa phương chưa có kế hoạch bền vững nhằm bảo tồn và phát triển diện tích cây dược liệu tự nhiên đã đẩy cây dược liệu đến bờ vực cạn kiệt. Dự báo được điều này, trước đây, những người đầu ngành y, dược Việt Nam đã nghiên cứu nhằm bảo tồn các loài dược liệu quý tại Sa Pa, theo đó đã có 5 hecta cây dược liệu quý được bảo vệ nghiêm ngặt. Song, hiện nay tại địa phương không có công trình bảo vệ nào tương tự. Cây dược liệu đang góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương, nhưng để giảm nghèo đói thực sự bền vững cần có kế hoạch bảo tồn, phát triển cây dược liệu một cách khoa học, trong đó phần nhiều phụ thuộc vào ý thức của chính những người đang khai thác dược liệu.

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát triển các loại cây dược liệu quý trong thời gian tới cần áp dụng một số giải pháp sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo tồn các loại cây dược liệu quý. Xây dựng đề cương, biên soạn sổ tay về cây thuốc để mọi người dân có thể hiểu được những giá trị của cây thuốc.

Hai là, khuyến khích người dân không nên chỉ đi khai thác cây thuốc tự nhiên để bán mà hãy đưa cây thuốc vào trồng, canh tác.

Ba là, hợp tác kinh doanh giữa các công ty được liệu với các hộ gia đình trồng cây thuốc sẽ tạo đầu ra ổn định cho các sản phẩm từ cây thuốc, tạo ra công ăn việc làm ổn định cho những người tham gia lao động trực tiếp. Hiện nay, công nhân tại Công ty cổ phần kinh doanh các sản phẩm bản địa xã Tả Phìn có thu nhập ổn định từ 3-5 triệu đồng/tháng và tăng thêm thu nhập cho hộ cổ đông cung cấp nguyên liệu khoảng 10 triệu đồng/hộ/năm. Công ty còn giúp 99 hộ cổ đông bảo vệ và chăm sóc 82 khu rừng, phối hợp với ban quản lý dự án ODA huyện Sa Pa liên kết với 5 xã, chia ra 8 nhóm gồm 211 hộ về phát triển thuốc tẩm và chế biến tinh dầu tạo liên kết vùng nguyên liệu bền vững cho công ty, từ đó nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo bền vững và vươn lên trở thành hộ khá, giàu ở địa phương.

Để nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo tồn và phát triển cây dược liệu, Nhà nước cần đề ra các giải pháp hỗ trợ như sau:

- Có chính sách bảo tồn những loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng, các loại cây quý hiếm; không bảo tồn tràn lan các loài cây đã bị thoái hóa về nguồn gen. Công việc này cần được kết hợp chặt chẽ với công tác quản lý và khai thác các nguồn dược liệu. Việc khai thác dược liệu có chọn lọc, có giới hạn trong toàn vùng sẽ tạo ra môi trường phát triển ổn định,

bảo đảm sự hài hòa giữa vấn đề khai thác, bảo tồn cây thuốc với phát triển kinh tế.

- Hỗ trợ các mô hình mang tính chất bảo tồn và phát triển những nghề như mây tre đan, thổ cẩm, thuốc tắm... giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện được góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Được thiên nhiên ưu đãi là vùng có nhiều cây dược liệu quý hiếm, Sa Pa sẽ càng phải nâng cao hơn nữa ý thức khai thác và bảo tồn tài nguyên này tới mọi người dân ở địa phương và toàn xã hội.

(Lý Láo Lở - Dân tộc Dao
Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh
các sản phẩm bản địa xã Tả Phìn,
huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai)

GIƯỜNG ĐỒNG BÀO CAO LAN LÀM KINH TẾ GIỎI

Giường cá nhân điển hình: Lê Thị Thơm

Dân tộc: Cao Lan

*Thôn Khuôn Đất, xã Phúc An, huyện Yên Bình,
tỉnh Yên Bái*

Gia đình chị Lê Thị Thơm ở Thôn Khuôn Đất, xã Phúc An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từ hoàn cảnh gia đình khó khăn nghèo túng đến nay gia đình chị đã ổn định cuộc sống, thoát được nghèo.

Với 8.380m² đất sản xuất, trong đó diện tích trồng lúa nước 2 vụ là 2.880m², đất đồi rừng và trồng cây ngắn ngày là 5.500m², trong những năm gần đây do gia đình áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên năng suất lúa đã đạt được 110 tạ/hecta/năm. Đất đồi ngoài diện tích trồng cây lâu năm, gia đình chị trồng sắn, mỗi năm thu lãi 12 triệu đồng; sản xuất thu được lúa, ngô mỗi năm lãi 36 triệu đồng.

Kết hợp sản xuất nông nghiệp, gia đình chị đã chủ động mua sắm máy nghiền, xay sát vừa phục vụ nhân dân thôn xóm vừa phục vụ việc chế biến thức ăn chăn nuôi gia đình, thu nhập từ dịch vụ này mỗi năm từ 7 - 10 triệu đồng. Ngoài ra, gia đình chị còn kinh doanh tạp hóa đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho bà con trong thôn xóm.

Phần lương thực còn dư thừa gia đình chị chuyển sang phát triển chăn nuôi. Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, quy hoạch 200m² chuồng trại nuôi, bố trí các ô chuồng trại khoa học, thường xuyên tiêu độc khử trùng đúng quy định nên rủi ro thấp. Mỗi năm nuôi 3 lứa, mỗi lứa nuôi 40 - 50 con lợn thịt và 3 lợn nái sinh sản cho xuất chuồng 10 - 12 tấn lợn hơi đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Từ cách làm trên, gia đình chị đã thoát được nghèo. Đến nay trong nhà chị đã có tương đối đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, xây dựng được nhà ở kiên cố, ổn định, con cái được đầu tư ăn học. Không chỉ làm kinh tế gia đình, với trách nhiệm Phó Chi hội Phụ nữ thôn, chị còn tạo điều kiện giúp đỡ, hướng dẫn cho một số hộ trong thôn kết hợp sản xuất, dịch vụ, chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình.

Nhờ có đất sản xuất, mở rộng thêm dịch vụ xác định lấy ngắn nuôi dài, tiết kiệm chi tiêu, đầu tư cho chăn nuôi là nguồn thu nhập chính hằng năm của gia đình chị. Thu nhập bình quân trong 5 năm

từ năm 2011 đến năm 2015 là 250 triệu đồng/năm. Lợi nhuận mỗi năm là 138 triệu đồng.

Chị Thơm chia sẻ: Tới đây gia đình chị sẽ tiếp tục mở rộng chuồng trại để nuôi thêm lợn nái sinh sản, tự túc giống và cung cấp giống lợn cho dân bản. Duy trì mỗi lứa nuôi từ 30 con lợn thịt. Đầu tư thâm canh diện tích lúa nước, đất đồi nhằm ổn định lương thực, dự trữ thức ăn chăn nuôi, lấy ngắn nuôi dài. Kết hợp làm dịch vụ phục vụ bà con trong thôn. Phấn đấu doanh thu mỗi năm 300 triệu đồng, lợi nhuận tăng lên 180 triệu đồng/năm.

Bản thân là Chi hội phó Hội Phụ nữ thôn, chị luôn tích cực tham gia công tác của hội, tuyên truyền, vận động chị em thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, đoàn kết nơi cư trú, tích cực tham gia các hoạt động phong trào của hội. Chị và gia đình luôn gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lối sống lành mạnh giản dị, trung thực, hòa mình với mọi người, tích cực hoạt động cùng thôn, bản thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Với những thành tích đã đạt được, chị đã nhận được nhiều giấy khen, bằng khen của Hội Phụ nữ xã, huyện, Ủy ban nhân dân xã vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất, phát huy, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC Ở THƯỢNG LONG

Thượng Long là xã miền núi của huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ có diện tích tự nhiên là 2.853 hecta, dân số 5.839 người với ba dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó dân tộc Mường chiếm 70%, dân tộc Dao chiếm 16%, dân tộc Kinh chiếm 14%.

Nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác thi đua yêu nước, công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua ở Thượng Long rất được chú trọng, góp phần phát huy mạnh mẽ nhân tố con người, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ sở.

Nội dung và hình thức hoạt động của phong trào thi đua yêu nước ở Thượng Long rất đa dạng, phong phú, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể với các tổ dân cư đã đem lại hiệu quả thiết thực thu hút đông đảo mọi tầng lớp, mọi tổ chức tham gia tích cực như các phong trào “Mừng Đảng, mừng xuân ra quân quyết thắng”, động viên tân binh lên đường, phát huy truyền

thống tiếp bước cha anh xứng danh Bộ đội Cụ Hồ, gắn với các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc; xây dựng và bảo vệ an ninh Tổ quốc; phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo, xóa đói giảm nghèo” gắn với phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, thanh niên xung kích, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ sáng tạo...

Thời gian qua, Hội đồng Thi đua, khen thưởng của xã đã phối hợp tốt với các ngành, đoàn thể trong xã làm tốt chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân triển khai các cuộc vận động. Do vậy công tác thi đua đã có sự đổi mới về nội dung và hình thức hoạt động, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Là xã miền núi, tình hình kinh tế tuy đã có bước phát triển khá, song xã Thượng Long vẫn là một xã nghèo, đời sống của một bộ phận nhân dân ở các thôn còn gặp nhiều khó khăn do trình độ dân trí không đồng đều, kết cấu hạ tầng còn thấp, tình hình an ninh chính trị còn diễn biến phức tạp, các tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, những nhân tố tiềm ẩn có thể gây mất ổn định chính trị vẫn tồn tại, đặc biệt là vấn đề dân tộc, tôn giáo và an ninh nông thôn. Để thực hiện tốt chính sách dân tộc,

tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, trong 5 năm qua (2011-2015) Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên chỉ đạo lực lượng dân quân, công an xã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể và các lực lượng trên địa bàn thực hiện tốt công tác dân vận, tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Thông qua các hoạt động đã góp phần động viên nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội nhất là địa bàn các thôn trọng điểm với các giải pháp:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của “thế trận lòng dân” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, tập trung xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở địa phương trong sạch, vững mạnh, tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, trước hết là các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Ba là, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang địa phương. Đây là giải pháp cơ bản, rất quan trọng, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng công an,

dân quân địa phương thường xuyên tiến hành tốt công tác dân vận, đoàn kết gắn bó chặt chẽ “quân với dân một ý chí”, tích cực giúp dân phát triển sản xuất, kinh doanh, khắc phục giải quyết thiên tai, thảm họa. Đó là những việc làm thiết thực nhất để xây dựng mối quan hệ máu thịt với nhân dân, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu của lực lượng vũ trang để xử lý kịp thời có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh trong thời bình, đồng thời làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong tổ chức vận hành có hiệu quả cơ chế: Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, an ninh tại địa phương.

(Triệu Văn Tiên -

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Long,
huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ)*

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG ĐỂ THOÁT NGHÈO

Gương cá nhân điển hình: Ma Hoa Tầm

Dân tộc: Tày

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu,
huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang*

Phong trào trồng cam trên đất Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang có từ những năm 1990, với con số ban đầu khoảng 10 hộ trồng thử nghiệm. Cây cam được trồng trên những sườn đồi cheo leo nhưng cho trái ngọt, so với canh tác lúa nương, trồng sắn, ngô... thì trồng cam đem lại giá trị kinh tế cao hơn hẳn.

Nhận thấy đây là cây trồng chủ lực, hứa hẹn sẽ đem lại sự đổi thay cho diện mạo kinh tế của địa phương, cải thiện đời sống cho bà con vươn lên làm giàu, ông Ma Hoa Tầm đã cùng cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể xã tích cực vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt tập trung vào phát triển cây cam sành. Đến nay xã Phù Lưu đã có hơn 1.000 hộ trồng cam, với diện

tích trên 1.600 hecta, sản lượng trung bình hằng năm đạt 15.700 tấn. Năm 2013, tổng thu nhập từ cam của xã đạt gần 1.100 tỷ đồng, nhiều hộ thu nhập ngưỡng 1 - 2 tỷ đồng/năm. Nhiều hộ gia đình thoát nghèo, vươn lên làm giàu từ cây cam như các hộ gia đình ông Hoàng Văn Việt (dân tộc Tày), ông Ma Văn Hải (dân tộc Tày), ông Ma Văn Tài (dân tộc Tày) cùng trú tại thôn Muồng; ông Triệu Văn Cầu (dân tộc Dao) cư trú tại thôn Tấu... Những ngôi nhà tranh tre ở Phù Lưu nay đã dần được thay thế bằng ngôi nhà tầng kiểu dáng hiện đại, tiện nghi trong nhà cũng đầy đủ hơn, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, thụ hưởng cuộc sống của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo từ đầu năm 2011 là 39,9% đến năm 2015 đã giảm xuống còn 18,45%. Những kết quả đạt được như trên đã phản ánh được sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng của Đảng ủy, chính quyền cùng toàn bộ đồng bào trên địa bàn xã trong công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo của địa phương.

Khi cam sành Hàm Yên liên tiếp được bình chọn trong Top 50 trái cây nổi tiếng nhất Việt Nam, rồi Top 10 thương hiệu, nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, ông Ma Hoa Tầm càng thêm trăn trở làm thế nào để giữ vững thương hiệu cam sành - cây trồng chủ lực của xã? Làm thế nào hạn chế thấp nhất rủi ro cho người trồng cam khi thời tiết mưa ẩm kéo dài làm rụng và thối quả? Làm thế

nào giảm được chi phí vận chuyển cam do đường giao thông đi lại khó khăn?...

Từ thực tiễn những vấn đề đặt ra, ông đã chỉ đạo chính quyền đẩy mạnh công tác vận động nhân dân sản xuất cam theo hướng an toàn, phun thuốc bảo vệ thực vật theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, sản xuất cam theo tiêu chuẩn VietGAP. Phân công cán bộ xã phụ trách theo dõi và thực hiện việc trồng thử nghiệm để khuyến khích nhân dân. Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng giống được sản xuất tại cơ sở nhân giống cam sạch bệnh của Trung tâm cây ăn quả huyện, hạn chế việc sử dụng cành chiết làm ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng sản phẩm; xây dựng vườn cam theo hướng thâm canh hàng hóa, khuyến khích nhân dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, bảo quản cam nhằm tạo ra sản phẩm cam có chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần phát triển thương hiệu cam sành Hàm Yên. Vận động nhân dân đóng góp tu sửa đường giao thông tạo điều kiện cho nhân dân đi lại thuận tiện và giúp cho việc vận chuyển, tiêu thụ cam được nhanh chóng, thuận lợi hơn.

Ông Ma Hoa Tầm tâm sự: Trong giai đoạn tiếp theo, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã xác định rõ nhiệm vụ tiếp tục lãnh đạo xã thực hiện tốt các

chủ trương của Trung ương, của tỉnh, của huyện về phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt quan tâm vận động nhân dân phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, trong đó phát huy và duy trì tốt thương hiệu cây cam sành trên địa bàn xã. Hiện nay, qua rà soát, diện tích đất có khả năng chuyển đổi sang trồng mới cam trên địa bàn xã giai đoạn 2015-2020 là 246,9 hecta. Tiếp tục vận động nhân dân sử dụng giống cam sạch bệnh được sản xuất tại cơ sở nhân giống của Trung tâm cây ăn quả huyện; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, bảo quản cam nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả tiêu thụ, góp phần nâng cao thương hiệu cam sành Hàm Yên. Ông còn phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo điều kiện cho nhân dân được tiếp cận với nguồn vốn vay lãi suất thấp để đầu tư trồng, chăm sóc cam; tiếp tục vận động nhân dân tu sửa đường giao thông thôn, bảo đảm thuận tiện cho bà con đi lại và tiêu thụ cam vào mùa thu hoạch.

GIƯỜNG NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DAO Ở NA RÌ, BẮC KẠN

*Giường cá nhân điển hình: **Dương Văn Sơn***

Dân tộc: Mông

*Thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện
Na Rì, tỉnh Bắc Kạn*

Thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn là một thôn vùng sâu, vùng xa nằm ở phía tây bắc của huyện, thôn có 136 hộ với 637 nhân khẩu, trong đó dân tộc Dao có 3 hộ, 133 hộ đồng bào dân tộc Mông, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 70% trở lên, dân cư sinh sống rải rác trên 7 chòm, bản.

Ông Dương Văn Sơn là người dân tộc Mông sinh sống ở đây. Ông tâm sự: Khi được bà con tín nhiệm bầu là người có uy tín của thôn bản, tôi nhận thấy người có uy tín có vai trò rất quan trọng trong đời sống cộng đồng; có sự ảnh hưởng trực tiếp hàng ngày với cộng đồng; có kinh nghiệm, uy tín, bản lĩnh và sức thuyết phục; có

khả năng tác động, tập hợp đồng bào để tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đồng bào thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động; tham gia đóng góp ý kiến vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn đang sinh sống; hướng dẫn đồng bào lao động sản xuất, ổn định cuộc sống, xây dựng thôn, làng văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương, tham gia hòa giải những vụ việc mâu thuẫn nảy sinh trong các gia đình, dòng tộc, giáo dục đạo đức và truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ con cháu; thường xuyên phối hợp cùng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vận động đồng bào thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu đi đầu trong các phong trào, các cuộc vận động, trong phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, được cộng đồng hưởng ứng tin theo.

Với vai trò là người có uy tín, là một bí thư chi bộ thôn từ năm 2011 đến năm 2015, ông Dương Văn Sơn luôn sát cánh cùng các đồng chí đảng viên trong chi bộ và các đoàn thể, chính quyền trong thôn thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ xã; tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực

hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến mọi người dân cùng hiểu và cùng thực hiện. Do đó nhân dân trong thôn luôn ổn định tư tưởng, hăng hái thi đua phát triển sản xuất, hàng năm đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

Ông đã vận động các hộ và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chỉ thực hiện sinh từ 1 đến 2 con để nuôi dạy cho tốt, đồng thời đi học tập kinh nghiệm về ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, tuyên truyền cho người dân trong thôn chuyển đổi giống cây trồng và luân phiên canh tác, trồng rừng sản xuất, chăn nuôi vỗ béo trâu, bò, lợn... Đến nay tỷ lệ hộ đói trong thôn cơ bản đã được khắc phục, hộ nghèo giảm theo từng năm.

Về an ninh, trật tự, trong thôn không có người mắc các tệ nạn xã hội, không có người theo tà đạo, không có trộm cắp, cờ bạc..., người dân một lòng theo Đảng.

Trong phát triển kinh tế gia đình, ông là người luôn đi đầu áp dụng khoa học kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để người dân trong thôn làm theo như trồng cỏ nuôi trâu sinh sản, trồng được 6 hecta cây keo, một số diện tích đã được khai thác.

Quán triệt đường lối của Đảng về văn hóa, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, ông là một trong những người đã tham mưu

với Thường trực Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thực hiện công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ở đồng bào dân tộc Mông thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng giai đoạn 2010-2015, góp phần thực hiện đề án xây dựng và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số xã Lương Thượng, và đề án phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Lễ hội văn hóa, thể thao ở thôn Khuổi Nộc được duy trì tổ chức hàng năm vào ngày 4 tháng Giêng âm lịch. Thông qua ngày hội văn hóa đã tổ chức biểu diễn nhạc cụ truyền thống như múa khèn, thi trang phục, hội chơi bò, thi hát dân ca cùng với các trò chơi dân gian khác, đặc biệt các món ăn dân tộc trong đó có rượu ngô, thắng cố, mèn mén được bảo tồn và phát triển. Công tác sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn bảo tàng văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc Mông được giữ gìn và phát huy.

Hoạt động thể dục - thể thao ở thôn những năm qua đã duy trì ổn định và từng bước phát triển, các môn thể thao như bóng đá, đẩy gậy, kéo co, điền kinh, tung còn, đi cà kheo và một số trò chơi dân gian đã được đưa vào trong các ngày hội văn hóa - thể thao.

Ông chia sẻ, muốn để người dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm an ninh, trật tự thôn bản cần tham khảo kinh nghiệm như sau:

- Hương ước, quy ước thôn bản phải được dân bàn, dân xây dựng và được nhân dân nhất trí thông qua khi thực hiện mới đem lại hiệu quả.

Hành vi vi phạm các điều khoản trong hương ước, quy ước phải được xử lý thật nghiêm.

- Những người giữ các chức vụ bí thư chi bộ, trưởng thôn, công an viên... phải thường xuyên quan tâm, gặp gỡ nhân dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân và làm tốt công tác tư tưởng trong dân.

Với những đóng góp thiết thực cho địa phương, ông Dương Văn Sơn thực sự đã trở thành gương điển hình người có uy tín trong cộng đồng người Mông ở Na Rì - Bắc Kạn.

THOÁT NGHÈO TỪ TRỒNG RỪNG

Gương cá nhân điển hình: Dương Chống Lý

Dân tộc: Dao

*Bí thư Chi bộ thôn Hin Đăm, xã Kiên Mộc,
huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn*

Với 18,6 hecta đất lâm nghiệp, 5 sào ruộng (ruộng 2 vụ có 2 sào), những năm gần đây được sự tuyên truyền vận động, hướng dẫn, hỗ trợ của cán bộ huyện, xã thông qua các lớp tập huấn của Chương trình 135, của cán bộ khuyến nông - khuyến lâm và được đi tham quan học hỏi kinh nghiệm các mô hình phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, ông Dương Chống Lý thôn Hin Đăm, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn nhận thấy muốn xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu ngay trên đất quê mình thì phải đầu tư vào trồng rừng, trong đó chủ yếu là cây thông vì cây thông có giá trị kinh tế khá cao, thích hợp với đất đai, khí hậu vùng này, kỹ thuật trồng lại đơn giản.

Được nhà nước khuyến khích trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo dự án trồng rừng 661,

dự án trồng rừng hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, chương trình trồng cây phân tán và các chính sách cho vay vốn ưu đãi để phát triển trồng rừng..., ông đã vận động mọi người trong gia đình quyết tâm phải trồng bằng hết diện tích đất lâm nghiệp được giao. Hiện nay gia đình ông đã trồng được khoảng 15 hecta thông (30.000 cây), trong đó, diện tích trồng rừng theo các dự án nhà nước hỗ trợ đầu tư là 8,6 hecta (dự án nguyên liệu cho sản xuất giấy 3,6 hecta, dự án trồng rừng hợp tác phát triển sản xuất 3 hecta, trồng các loại cây khác 2 hecta). Các dự án này được nhà nước hỗ trợ cây giống, phân bón nên gia đình ông chỉ mất công trồng và chăm sóc 3 năm đầu. Diện tích rừng gia đình tự ương cây để trồng và vay vốn ngân hàng trồng khoảng 7 hecta.

Đến nay trên diện tích thông của gia đình, bước đầu đã có khoảng trên 2.000 cây cho khai thác nhựa, nhờ vậy cuộc sống đã khá hơn, ông đã mua được xe máy, máy cày, máy xát gạo... Hằng năm tổng thu nhập từ khai thác nhựa thông, trồng cây lương thực, hoa màu, chăn nuôi khoảng 60 triệu đồng.

Ông cho biết, những năm tới, khi diện tích rừng thông cho khai thác nhựa tăng thì đến năm 2016 gia đình ông sẽ trả hết nợ ngân hàng và có tiền để xây nhà mới, hỗ trợ cho con cháu học hành được tốt hơn...

Xác định phát triển kinh tế đồi rừng là mô hình xóa đói giảm nghèo chính đáng, thiết thực và bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước, gia đình ông Dương Chống Lý đã tìm ra hướng làm giàu ngay trên đất quê mình. Đây là cách làm hay cần được nhân rộng ở nhiều địa phương.

XÃ CHI LĂNG TRÊN HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Xã Chi Lăng cách trung tâm huyện Chi Lăng 7km về phía nam, có diện tích tự nhiên là 24,1km², gồm 14 thôn bản, 5.450 nhân khẩu với 1.250 hộ, có 3 dân tộc sống quần tụ lâu đời bên nhau, trong đó dân tộc Tày chiếm 5%, dân tộc Kinh chiếm 15%, dân tộc Nùng chiếm 80%. Đời sống của nhân dân phát triển, kinh tế chủ yếu tập trung sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây ăn quả, ngoài ra còn phát triển chăn nuôi và dịch vụ.

Chi Lăng là xã miền núi có điều kiện phát triển kinh tế tương đối thuận lợi, hệ thống thủy lợi được đầu tư, cơ bản chủ động đáp ứng tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn xác định mục tiêu hàng đầu là phát triển kinh tế nên đã có những chính sách để chuyển nhanh, chuyển mạnh về cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy nhanh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Xã chủ trương sử dụng giống mới có năng suất cao, ứng

dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, sử dụng hết diện tích, thâm canh tăng mùa vụ... nhằm nâng cao hệ số sử dụng đất, chính vì vậy diện tích gieo trồng năm sau cao hơn năm trước, sản lượng lương thực hàng năm đều tăng, kinh tế phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Đồng thời phong trào văn hóa, văn nghệ luôn được xã quan tâm, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư” được triển khai thực hiện tốt, nhà văn hóa thôn bản luôn phát huy hiệu quả, thực sự là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn chủ động tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc trên địa bàn thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy đảng đề ra trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Vì vậy giai đoạn 2011-2015, kinh tế xã Chi Lăng liên tục phát triển, an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện từng bước.

Năm 2011, xã Chi Lăng vinh dự được tỉnh chọn chỉ đạo điểm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015. Chương trình đã được nhân dân trong xã đồng tình ủng hộ với số tiền gần 30 tỷ đồng bằng nhiều hình thức: hiến

đất làm đường giao thông, đầu tư kinh phí xây dựng, nâng cấp, tu sửa nhà cửa, công trình phụ, đóng góp kinh phí, ngày công làm đường bê tông nông thôn, đóng góp kinh phí giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình phúc lợi như: nhà trung tâm văn hóa xã, trạm y tế xã, chợ nông thôn, nhà văn hóa thôn, trường học...

Xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ phải được quan tâm, chú trọng hàng đầu nên chính quyền xã đã tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hình thành một vùng sản xuất hàng hóa như: chăn nuôi lợn nái, lợn siêu nạc, tiếp tục phát triển, nâng cấp những cây đặc sản của địa phương (na dai, hồng, vải thiều). Hiện nay nhiều hộ cho thu nhập hằng năm từ 100 đến 200 triệu đồng từ cây ăn quả. Nhiều hộ gia đình chăn nuôi lợn từ 100 đến 200 con/năm đem lại nguồn thu nhập cao. Nhiều hộ là người dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi, đã vươn lên làm giàu. Kinh tế phát triển, nhiều hộ trong xã xây nhà cao tầng, sắm đồ dùng tiện nghi, có điều kiện nuôi dạy con em ăn học thành đạt.

Do có nhiều cố gắng trong phát triển kinh tế, hiện nay trên địa bàn không còn hộ đói, tỉ lệ hộ nghèo của xã hiện còn 4,6%, tổng thu nhập bình quân đạt 22 triệu đồng/người/năm. Văn hóa - xã hội cũng được phát triển, đến nay số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa là trên 82%, số thôn văn

hóa cấp huyện đạt trên 78,5%. Những kết quả đó là sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

Qua 4 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (2011-2014), các công trình phúc lợi được đầu tư xây dựng, đường bê tông nông thôn được làm khang trang sạch đẹp, kinh tế tăng trưởng, văn hóa - xã hội được duy trì và phát triển, an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tình đoàn kết các dân tộc ngày càng được củng cố, bộ mặt nông thôn ngày càng được đổi mới. Đến tháng 12-2014, xã Chi Lăng hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới với 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia.

(Lăng Văn Thạch - Dân tộc Nùng
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng,
huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)

ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐỂ TẠO RA SẢN PHẨM HÀNG HÓA CHẤT LƯỢNG CAO

*Giương cá nhân điển hình: **Trần Văn Hành***

Dân tộc: Sán Dìu

Xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Vinh dự được bầu là đại biểu đi dự Đại hội Thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015 của Ủy ban Dân tộc, ông Trần Văn Hành chia sẻ: Gia đình tôi sinh sống ở thôn Chảo Cũ, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, thôn có 80 hộ với 100% là người dân tộc thiểu số. Cũng như bao hộ gia đình khác ở trong thôn, trước đây kinh tế gia đình tôi gặp nhiều khó khăn. Nhờ có các chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Đảng và Nhà nước, năm 1999 gia đình tôi đã trồng 2 hecta vải thiều và nhãn. Năm 2002 gia đình tôi mở rộng thêm 1,7 hecta vải thiều và 0,3 hecta nhãn, vay Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện 15 triệu đồng đầu tư mua giống, phân bón, thuốc

bảo vệ thực vật để chăm sóc. Trong những năm đầu, do thiếu kinh nghiệm, kỹ thuật chăm sóc nên năng suất, chất lượng vải còn thấp, việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Nhận thấy cần phải có kiến thức, kinh nghiệm thì sản xuất mới đem lại hiệu quả, cá nhân tôi thường xuyên trao đổi kinh nghiệm với những người đi trước, học hỏi qua các tài liệu và đúc rút kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt thông qua các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật đã giúp tôi nắm bắt được kỹ thuật chăm sóc vải thiều. Năm 2006, gia đình tôi đã áp dụng kỹ thuật sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn VietGAP nên năng suất vải thiều cao hơn, chất lượng, màu sắc quả vải tươi vượt trội so với chăm sóc theo lối truyền thống, do đó việc tiêu thụ vải tươi cũng được thuận lợi hơn. Từ năm 2009 cho đến năm 2015, gia đình tôi luôn có nguồn thu nhập ổn định từ cây vải thiều, mỗi năm trừ chi phí còn được 450-500 triệu đồng. Đây là nguồn thu nhập quan trọng giúp gia đình tôi thoát nghèo, có tiền trả hết các khoản nợ, giúp tôi theo học 5 năm đại học tại chức và nuôi hai con ăn học, xây được nhà kiên cố, mua sắm được đồ dùng, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt, giúp đỡ anh em họ hàng phát triển kinh tế.

Qua kinh nghiệm thực tế kết hợp với nghiên cứu tìm tòi, ông Trần Văn Hành thành công trong việc xử lý để cây vải thiều ra quả trên thân cây,

tạo ra quả vải to đẹp, chất lượng, bán được giá cao. Với sáng kiến này, năm 2012 ông Hành vinh dự đạt giải Nhì cấp tỉnh trong cuộc thi sáng tạo kỹ thuật nhà nông về kỹ thuật xử lý vải thiều ra quả trên thân cây.

Ngoài thành tích phát triển kinh tế hộ gia đình, trên cương vị là Chủ tịch Hội Nông dân xã, trong 5 năm qua (2011-2015), ông đã tham mưu triển khai có hiệu quả công tác xây dựng tổ chức hội (11/11 chi hội đăng ký danh hiệu Chi hội vững mạnh; kết nạp được 1.142 hội viên/1.700 hộ nông nghiệp). Năm 2009, số hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất giỏi ở địa phương là 315 hộ, chiếm 25% số hộ nông nghiệp; năm 2013 tăng lên 820 hộ, chiếm 52% số hộ nông nghiệp (trong đó cấp Trung ương là 24 hộ; cấp tỉnh là 162 hộ; cấp huyện là 281 hộ; cấp xã là 384 hộ). Tích cực tuyên truyền hội viên nông dân đóng góp sức người, sức của xây dựng các công trình tập thể. Đã vận động được 3.520 ngày công và 120 triệu đồng tu sửa, nâng cấp, bảo dưỡng đường bê tông, nạo vét 22km đường mương phục vụ sản xuất; phối hợp với khuyến nông, trạm vật tư nông nghiệp tổ chức tập huấn, hội thảo đầu bờ cho trên 2.589 lượt người tham dự với nội dung sản xuất vải thiều an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, chăm sóc, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả và an toàn...

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế đối với cây vải thiều nói riêng và cây ăn quả nói chung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cá nhân ông Trần Văn Hành đã đưa ra những đề xuất:

- Nhà nước cần quan tâm nghiên cứu, đầu tư, hỗ trợ biện pháp bảo quản quả vải thiều tươi; tạo điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá sản phẩm quả vải thiều đến các thị trường châu Âu.

- Đề nghị Nhà nước có chính sách khuyến khích xây dựng mô hình sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn GlobalGAP để quả vải bảo đảm chất lượng xuất khẩu sang thị trường EU và các thị trường khó tính khác, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc.

Năm 2014 tại Đại hội dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang, ông Trần Văn Hành đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế hộ gia đình. Trong thời gian qua, gia đình ông đã đón nhiều đoàn khách ở trong và ngoài tỉnh đến thăm và trao đổi kinh nghiệm về kỹ thuật chăm sóc cây vải thiều. Đặc biệt năm 2015, gia đình ông vinh dự được Chủ tịch nước đến thăm và động viên.

“ĐỂ LÀM TỐT CÔNG TÁC DÂN TỘC PHẢI TẬN TÂM, TẬN LỰC”

Gương cá nhân điển hình: Nền Quốc Sinh

Dân tộc: Cao Lan

Huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh

Là một cán bộ người dân tộc thiểu số lại trực tiếp tham gia triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại huyện Đầm Hà, Nền Quốc Sinh cho biết để làm tốt công tác dân tộc, trước hết phải có những cán bộ tận tâm, tận lực với đồng bào, nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Trong quá trình công tác, Nền Quốc Sinh rất tích cực tham gia các lớp học về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, học tập, rèn luyện và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, thường xuyên đi cơ sở nắm tình hình, trao đổi làm rõ từng nội dung công việc liên quan để làm cơ sở tham mưu, đề xuất. Trong quá trình thực hiện các chế độ chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đầm Hà, Nền Quốc Sinh đã tham mưu,

phối hợp, chỉ đạo thực hiện tốt một số chính sách dân tộc như: Chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (Chương trình 135), Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, Chính sách đối với người có uy tín, Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755 ngày 20-5-2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đây là các chính sách hỗ trợ đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi góp phần giảm bớt những khó khăn cho người nghèo vùng đồng bào dân tộc. Trong quá trình tham mưu cho lãnh đạo huyện tổ chức triển khai thực hiện chính sách ông đều suy nghĩ tìm ra những giải pháp hiệu quả nhất để đưa chính sách vào cuộc sống như: Chủ động, sâu sát đi nắm tình hình ở cơ sở để tham mưu những cách làm phù hợp; kịp thời rà soát đối tượng thụ hưởng, chủ động đề xuất tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai. Nhờ đó, các chính sách dân tộc triển khai trên địa bàn huyện Đầm Hà đã mang lại hiệu quả thiết thực, tác động trực tiếp đến người dân trong nhận thức và hiệu quả trong công tác xóa đói giảm nghèo của huyện, cụ thể: Năm 2014 chỉ còn 752 hộ nghèo (7,86%), tỷ lệ hộ nghèo giảm dần theo các năm, giảm bớt việc trông chờ ỷ lại của người dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu

số ổn định, không có hoạt động truyền đạo trái phép, không có hiện tượng nghiện ma túy, không có mại dâm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yên tâm bám bản bám làng để phát triển sản xuất.

Qua tiếp xúc với nhiều công việc khác nhau và trực tiếp triển khai thực hiện một số chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, Nền Quốc Sinh chia sẻ một số kinh nghiệm trong tham mưu, chỉ đạo công tác dân tộc như sau:

Thứ nhất, cần đi sâu nghiên cứu nắm chắc đặc điểm, tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, tâm tư tình cảm, nhu cầu thiết yếu của đồng bào dân tộc thiểu số, giải quyết vấn đề phải trên cơ sở khoa học và thực tiễn, có lý, có tình, chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc phải cụ thể, trung thực và sáng tạo. Thực tiễn cho thấy, nơi nào quán triệt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách sâu sắc, thực hiện một cách công khai dân chủ và xuất phát từ nhu cầu của người dân thì nơi đó sẽ thực hiện thành công và ngược lại. Trong quá trình thực hiện công tác dân tộc cần phải cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể và bám sát vào đó để thực hiện mới đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tăng cường công tác

kiểm tra, thanh tra, giám sát, việc thực hiện các chính sách dân tộc; qua đó biểu dương những ngành, địa phương và cán bộ làm tốt; kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh và kiên quyết xử lý nghiêm những ngành, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt hoặc có vi phạm pháp luật.

Thứ ba, động viên nhân dân các dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chính sách dân tộc. Vận động đồng bào tự vươn lên trong sản xuất và đời sống, tránh ỷ lại, trông chờ. Phải làm tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến cho đồng bào.

Thứ tư, thường xuyên thực hiện tốt công tác phổ biến tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc đến cán bộ và nhân dân để mọi người nâng cao nhận thức về công tác này; vận động và tổ chức tốt cho đồng bào hưởng ứng thực hiện, tạo điều kiện để đồng bào phát huy nội lực, vươn lên.

Thứ năm, trách nhiệm thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải có quyết tâm cao trong việc chỉ đạo, kiên trì trong thực hiện mục tiêu, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

KINH NGHIỆM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG Ở BA VÌ

Dân số toàn huyện Ba Vì là 275.000 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 27.000 người (gồm 24.000 người Mường, hơn 2.000 người Dao và một số ít đồng bào dân tộc thiểu số khác). Đồng bào dân tộc thiểu số huyện Ba Vì chiếm gần 50% đồng bào dân tộc thiểu số của Thủ đô Hà Nội.

Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả Đề án “Khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020”. Công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân triển khai Đề án được thực hiện sâu rộng; công tác quản lý nhà nước đối với việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số được tăng cường. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Một là, đã thực hiện việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể truyền thống như tu bổ, nâng cấp hệ thống đình, đền, chùa, miếu, nhà văn hóa...

trên địa bàn sinh sống và do đồng bào dân tộc thiểu số lập nên với tổng kinh phí khoảng 221 tỷ đồng. Trong đó, đã hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp cụm Di tích lịch sử quốc gia Đền Thượng, Đền Trung, Đền Hạ từ nguồn vốn xã hội hóa (140 tỷ đồng); triển khai xây dựng các nhà văn hóa thôn, bản, trung tâm văn hóa theo cụm xã, dự kiến đến cuối năm 2015 sẽ hoàn thành 41/75 nhà văn hóa thôn, bản; tiến hành khôi phục các dụng cụ âm nhạc và vật dụng sinh hoạt truyền thống (hiện nay các xã miền núi đều có đội công chiêng dân tộc Mường và chuông, chiêng dân tộc Dao), hoàn thành dự án bảo tồn trang phục truyền thống của dân tộc Mường, Dao được sử dụng vào ngày lễ, tết, các hoạt động cộng đồng.

Hai là, triển khai thực hiện việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống như không gian văn hóa dân tộc Mường, Dao; các làn điệu dân ca như hát ru của người Mường; các hình thức biểu diễn văn nghệ, diễn xướng dân gian (múa công chiêng, ném còn của người Mường; múa chuông, múa Rùa, Tết nhảy của người Dao); các phong tục, tín ngưỡng, ẩm thực, lễ hội, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được phát huy; lễ hội Tản Viên Sơn Thánh được tổ chức hằng năm với quy mô lớn và mang đậm nét văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mường, Dao; triển khai dự án bảo tồn

tiếng nói của đồng bào dân tộc Mường, Dao có hiệu quả, thông qua các hình thức như truyền miệng, truyền dạy trong dịp lễ tết, thủ tục thờ cúng bằng tiếng dân tộc, tổ chức các hội nghị, hoạt động cộng đồng và xây dựng phim tư liệu sử dụng tiếng dân tộc.

Ba là, các hoạt động văn hóa truyền thống của đồng bào Mường, Dao trên địa bàn huyện đã bước đầu được thực hiện có nền nếp, có tính cộng đồng cao, không còn tình trạng tự phát như trước kia. Nhận thức của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Mường, Dao về bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được nâng lên; 7/7 xã miền núi đã thành lập các tổ, đội bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, thành viên chính là những già làng, trưởng bản, người có uy tín, những đoàn viên thanh niên tiêu biểu, những người có hiểu biết về văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Hoạt động của các tổ, đội này ngày càng có hiệu quả, thu hút đông đảo nhân dân tham gia góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch trên địa bàn các xã miền núi, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Qua thực tế thực hiện Đề án, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Ba Vì rút ra một số kinh nghiệm đó là:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

- Tập trung các nguồn lực, đầu tư phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường xây dựng, hoàn thiện, bảo tồn và phát huy giá trị của các thiết chế văn hóa ngay tại cơ sở.

Trong thời gian tới, cấp ủy, chính quyền và nhân dân huyện Ba Vì xác định việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ rất quan trọng và đề ra một số mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

Thứ nhất: Làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và thực hiện có hiệu quả các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai: Tiếp tục chỉ đạo đầu tư, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể; trong đó chú trọng

xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện các thiết chế văn hóa làng, xã, phấn đấu 100% các thôn có nhà văn hóa, phục vụ các hoạt động cộng đồng; khuyến khích đồng bào xây dựng nhà ở, nhà thờ dòng họ theo kiến trúc nhà sàn truyền thống.

Thứ ba: Kết hợp khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số với đẩy mạnh khai thác tiềm năng, thế mạnh du lịch, nhất là các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng gắn với xây dựng làng văn hóa dân tộc Mường, dân tộc Dao trên địa bàn.

Thứ tư: Rà soát, lập hồ sơ đề nghị công nhận các nghệ nhân dân gian có hiểu biết sâu sắc về các giá trị văn hóa truyền thống đối với các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc Mường, Dao vì đó là những hạt nhân nòng cốt để duy trì và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống.

Những kết quả Ba Vì đạt được bên cạnh sự nỗ lực của địa phương có sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, Ủy ban Dân tộc, các bộ, ngành Trung ương và Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Thời gian tới, Ba Vì mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm hơn nữa để huyện thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng và bảo tồn, phát huy tốt các

giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn nhằm xây dựng huyện ngày càng giàu đẹp, văn minh.

(Hà Xuân Hưng -
Bí thư Huyện ủy huyện Ba Vì,
thành phố Hà Nội)

CÁN BỘ XÃ LÀM KINH TẾ GIỎI

*Gương cá nhân điển hình: **Trần Thị Loan***

Dân tộc: Cao Lan

Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quang Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Nguồn thu nhập chính của gia đình chị Trần Thị Loan và nhân dân xã Quang Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc là từ sản xuất nông nghiệp, phụ thuộc điều kiện thiên nhiên nên kinh tế đại đa số các hộ gia đình còn khó khăn.

Là cán bộ xã, xác định ngoài việc cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao, chị Trần Thị Loan cùng gia đình quyết tâm phát triển kinh tế gia đình. Năm 2008, chị mạnh dạn đầu tư xây dựng 400m² chuồng trại và mua 20 con lợn nái siêu nạc của Công ty CPI, sau một năm chăn nuôi, gia đình chị thu lãi 100 triệu đồng.

Xác định được nuôi lợn nái siêu nạc, lợn lớn nhanh, giá bán lại cao hơn lợn ta, năm 2009 chị mạnh dạn vay thêm vốn Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn đầu tư xây dựng 650m² chuồng trại, mua thêm 25 con lợn nái ngoại về nuôi, kết quả thu được từ chăn nuôi lợn năm 2009 lãi trên 200 triệu đồng.

Từ năm 2010 đến nay, gia đình chị mở rộng trang trại và duy trì đàn lợn nái với 90 con và 2 con lợn đực giống, xây hầm Biogas để xử lý chất thải trong chăn nuôi và lấy chất đốt. Nhờ tích lũy được kinh nghiệm và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh nên việc chăn nuôi hàng năm đều có lãi, trong hai năm 2013 - 2014 trừ chi phí còn thu lãi hơn 700 triệu đồng. Ngoài nuôi lợn, gia đình còn nuôi gà thả vườn, trồng rừng mỗi năm cho thu nhập hơn 60 triệu đồng.

Với trách nhiệm là đảng viên, khi đã có được những kinh nghiệm nhất định trong phát triển kinh tế hộ gia đình, chị Trần Thị Loan thường xuyên chia sẻ, giúp đỡ những hộ gia đình khác trong thôn còn nghèo, gặp nhiều khó khăn từ cây, con giống... và kinh nghiệm chăn nuôi, làm kinh tế hộ gia đình để giúp các hộ này thoát nghèo.

Nhờ mạnh dạn đầu tư, nắm bắt được kỹ thuật chăn nuôi, nên gia đình chị đã có thu nhập khá, đời sống được cải thiện, có nhà ở khang trang, mua sắm được các tiện nghi sinh hoạt trong gia đình, nuôi hai con học đại học và có tích lũy.

Thu nhập từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt của gia đình chị Loan đạt được tuy chưa lớn nhưng

cũng góp phần vào sự thay đổi nhận thức của các hộ gia đình trong xã về chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Từ đó đến nay trên địa bàn xã đã xuất hiện nhiều mô hình trang trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc vừa và nhỏ có hiệu quả, nâng tổng số lợn nái ngoại trên địa bàn lên hơn 4.500 con.

Hiệu quả kinh tế từ phát triển chăn nuôi của gia đình chị Loan nói riêng và của xã Quang Sơn nói chung đem lại những thay đổi đáng kể về nhận thức cũng như thu nhập của nhân dân địa phương. Có được kết quả trên là do Đảng, Nhà nước đã có các chính sách đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhiều chương trình, chính sách khác làm tiền đề cho đồng bào các dân tộc thiểu số tận dụng các điều kiện sẵn có của địa phương để cùng kề vai sát cánh, phát huy truyền thống tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.

Bày tỏ tâm tư, nguyện vọng và kinh nghiệm của mình trong phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo và xây dựng kinh tế hộ gia đình, chị Loan chia sẻ: Chị mong muốn đồng bào các dân tộc thiểu số trên toàn quốc tiếp tục phát huy tinh thần đại đoàn kết các dân tộc, tinh thần tương

thân tương ái, chủ động, tích cực sáng tạo trong lao động trên chính mảnh đất quê hương của mình để làm giàu, thoát nghèo bền vững để cho miền núi tiến kịp với miền xuôi...

Xuất phát từ điều kiện thực tế hiện nay, là một cán bộ đảng viên người dân tộc thiểu số, vừa phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, vừa phải làm kinh tế giỏi để nêu gương cho bà con, chị Loan mạnh dạn có một số kiến nghị, đề xuất:

- Nhà nước cần có chính sách ưu tiên trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhưng phải phù hợp với điều kiện, khả năng từng vùng để phát huy được thế mạnh ở địa phương. Khuyến khích các mô hình phát triển kinh tế, làm ăn có hiệu quả bằng việc thực hiện chính sách cho vay vốn lãi suất thấp, dài hạn kết hợp với tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất để đồng bào dân tộc thiểu số làm giàu, vươn lên trong cuộc sống.

- Trong phát triển kinh tế gia đình, người nông dân phải nhạy bén trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm sản xuất phải là hàng hóa được thị trường chấp nhận, có giá trị kinh tế cao.

- Cần nhận thức: muốn sản xuất hiệu quả, đòi hỏi người sản xuất phải nắm bắt được khoa học kỹ thuật. Vì vậy phải không ngừng tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng

trong lĩnh vực sản xuất. Đặc biệt là trong chăn nuôi phải tuyệt đối tuân thủ quy trình tiêm phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm, khử trùng tiêu độc và vệ sinh môi trường.

- Trong sản xuất nông nghiệp phải kiên trì, bền bỉ, dám chấp nhận rủi ro do các điều kiện khách quan mang lại.

- Vấn đề quan trọng và hàng đầu đối với nhà nông là đất, vì đất là tư liệu sản xuất, người nông dân phải biết tự chuyển đổi, dồn ghép ruộng đất tạo ra các thửa ruộng có diện tích lớn để có điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất theo hướng công nghiệp hóa hoặc các mô hình chăn nuôi trang trại với quy mô lớn.

- Đề nghị với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tạo mọi điều kiện cho nông dân trong việc chuyển mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hoặc xây dựng trang trại và có chính sách giao khoán, cho thuê đất lâu dài để nông dân yên tâm đầu tư vào sản xuất.

- Cần có chính sách ưu tiên để khuyến khích các mô hình sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi làm ăn có hiệu quả bằng việc cho vay vốn ưu đãi, thời gian dài từ ngân hàng chính sách thông qua các tổ chức đoàn thể của địa phương để nông dân có điều kiện phát triển kinh tế gia đình, vươn lên làm giàu và giúp nhau cùng tiến bộ.

- Tiếp tục mở các lớp tập huấn để phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân để người dân chủ động làm chủ trên mảnh ruộng của mình một cách hợp lý, lâu dài và hiệu quả.

Không ngừng học hỏi để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, năng lực làm việc, nhiều năm qua chị Trần Thị Loan được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được bầu chọn là điển hình tiên tiến toàn quốc tại Đại hội thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

ĐỒNG BÀO MÔNG Ở PÙ NHI CHUNG TAY XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA

Xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa cách thị trấn Mường Lát 10km về phía bắc với dân số là 957 hộ, 4.678 nhân khẩu, gồm có 6 dân tộc: Mông, Thái, Mường, Dao, Khơ Mú và Kinh cùng sinh sống. Trong đó dân tộc Mông chiếm 74% dân số, phân bố xen kẽ ở 11 bản của xã.

Nguồn sống chính của đồng bào nhờ vào trồng lúa nước và nương rẫy. Đồng bào chưa tiếp cận với khoa học kỹ thuật và chưa có kiến thức, kinh nghiệm để phát triển kinh tế. Do địa hình ở núi cao nên diện tích đất bằng khai hoang trồng cây lúa nước rất ít; một số được khai hoang làm ruộng bậc thang nhưng chưa có đập, kênh tưới tiêu nước nên diện tích canh tác rất hạn chế. Bên cạnh đó dân trí còn thấp, nhiều tập tục lạc hậu tồn tại trong cưới xin, ma chay, lễ hội... gây tốn kém tiền của, thời gian. Một số thôn, bản giáp biên giới với Lào tình hình an ninh, trật tự phức tạp như buôn bán chất ma túy, truyền đạo trái phép, tranh chấp

đất đai, vườn tược gây mâu thuẫn mất đoàn kết trong nhân dân.

Trước tình hình đó, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý các bản, các tổ chức đoàn thể tích cực tuyên truyền các chính sách của Đảng và Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên tới nông dân, trong đó nổi bật là cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội, xây dựng và bổ sung hương ước làng. Kết quả, được nhân dân đồng tình ủng hộ; nhiều tập tục lạc hậu được xóa bỏ, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn; hòa giải các vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ dòng họ, giữa các bản trong xã được giải quyết.

Năm 2013, tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 25-6-2013 về việc phê duyệt Đề án tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Đề án đã được các cấp ủy đảng và nhân dân trên địa bàn có đồng bào Mông sinh sống hưởng ứng. Trong đó có nhân dân xã Pù Nhi nói riêng và 7 bản có đồng bào dân tộc Mông sinh sống nói chung. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành thảo luận, bàn bạc, thống nhất thực hiện một số việc làm cụ thể trong việc cưới, tang lễ và lễ hội ngay trên địa bàn của các bản có đồng bào Mông sinh sống như cưới hỏi không gây mất an ninh, trật tự, không làm cản trở giao thông; không tổ chức đánh bạc, giữ gìn sự bình yên cho

nhân dân; tổ chức cưới phải gọn nhẹ, vui tươi lành mạnh, tiết kiệm, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp của mỗi dân tộc. Việc tang lễ khi tổ chức phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, không tổ chức ăn uống linh đình kéo dài trong những ngày thực hiện tang lễ gây tốn kém tiền của; người chết phải được đưa vào quan tài, các gia đình có người qua đời không được để thi hài tại nhà quá 48 tiếng, người chết được chôn tập trung ở nơi được quy hoạch. Trong thời gian thực hiện Đề án, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với thôn, bản xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy ước, hương ước thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ có sự cam kết của các trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, trưởng ban công tác Mặt trận Tổ quốc, người có uy tín trong cộng đồng và các hộ gia đình.

Sau ba năm (2013-2015) triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông trên địa bàn xã Pù Nhi đã đạt được một số kết quả: Cấp ủy đảng, chính quyền xã Pù Nhi đã đưa việc thực hiện Đề án vào nghị quyết và chương trình hành động của xã; Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với các bản có đồng bào Mông sinh sống xây dựng các quy ước, hương ước; đã có 7/7 bản và hộ gia đình tham gia ký cam kết thực hiện; Ủy ban nhân dân xã đã

dành diện tích 14 hecta/7 bản để quy hoạch nghĩa địa; đến nay nhiều đám tang của người Mông xã Pù Nhi được tổ chức gọn nhẹ theo quy định của pháp luật.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa ở Pù Nhi đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành. Những kết quả Pù Nhi đạt được đánh dấu một bước quan trọng về ý thức cộng đồng, tạo động lực để nhân dân phấn khởi thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội, hủ tục, góp phần xây dựng quê hương văn minh, giàu đẹp.

(**Lâu Gia Pó** - *Dân tộc Mông*
Bí thư Đảng ủy xã Pù Nhi,
huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa)

SÁNG KIẾN BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGHỆ AN

Nghệ An có 5 dân tộc anh em gồm: Thái, Thổ, Mông, Khơ Mú và Ôđú cùng sinh sống tại 12 huyện, thị xã với hơn 443 nghìn người, chiếm 15% dân số toàn tỉnh. Các dân tộc thiểu số cư trú đan xen lẫn nhau, mỗi dân tộc đều có đặc điểm lịch sử và bản sắc văn hóa riêng thể hiện qua tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, trang phục, kiến trúc, ẩm thực, ngôn ngữ, dân ca, dân vũ, trò chơi dân gian... tạo nên một bức tranh văn hóa phong phú đa dạng, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc miền núi.

Trong những năm qua, trên cơ sở kế thừa, tích lũy những bài học về bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành nhiều chính sách, đề án và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo quan trọng khác có liên quan. Cụ thể là: Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24-8-2006 của

Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An; Đề án bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2011-2015 của huyện Tương Dương; Đề án xây dựng huyện văn hóa miền núi và dân tộc thiểu số ở huyện Quỳnh Hợp giai đoạn 2001-2012; Dự án hỗ trợ, phát triển dân tộc Ôđù giai đoạn 2006-2012 ở tỉnh Nghệ An...

Qua nhiều năm thực hiện chính sách văn hóa đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt được những thành tựu nhất định: Nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về văn hóa nói chung, văn hóa dân tộc thiểu số nói riêng được nâng lên một bước; đời sống văn hóa ở cơ sở đã có bước phát triển rõ rệt; công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, đặc biệt là văn hóa của các dân tộc thiểu số có bước phát triển mới về quy mô cũng như chiều sâu; Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã góp phần quan trọng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc.

Từ năm 2006-2015, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã trích ngân sách trên 1 tỷ đồng để đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số Nghệ An và đã đạt được những kết quả nhất định. Đến nay đã diễn ra 2 lần Đại hội đại biểu các dân

tộc thiểu số các cấp và 3 lần Hội diễn văn nghệ các dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An được tổ chức thành công, đó cũng chính là điểm đến cho các đoàn nghệ thuật quần chúng dân tộc thiểu số toàn tỉnh cùng nhau khoe tài đua sắc, tôn vinh, ca ngợi các giá trị văn hóa, văn nghệ dân gian quý báu của dân tộc mình và cũng là cơ hội để các nghệ nhân, diễn viên, nhạc công được giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn, thúc đẩy phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở ngày càng phát triển. Hiện nay, trên địa bàn các huyện miền núi đã thành lập được hơn 70 câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, câu lạc bộ văn hóa dân gian, hàng trăm đội văn nghệ thông tin hoạt động thường xuyên, xây dựng mô hình làng thuần dân tộc Thái, dân tộc Thổ...

Lễ hội dân gian truyền thống các dân tộc thiểu số như lễ hội Pu Nhạ Thầu, lễ hội Đền Vạn - Cửa Rào, lễ hội Đền Chín Gian, lễ hội Hang Bua... được tổ chức hàng năm không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của đồng bào mà còn là dịp tạo ra môi trường lý tưởng để các dân tộc anh em trên địa bàn giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Bên cạnh đó, nghề dệt thổ cẩm, đan lát truyền thống đã trở lại trong sinh hoạt hằng ngày của đồng bào; trang phục sinh hoạt truyền thống của dân tộc đã được lớp trẻ đón nhận và tự hào đối với dân tộc mình.

Ngoài ra, việc nghiên cứu về chữ viết, ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh cũng được quan tâm. Đến nay đã nghiên cứu, biên soạn giáo trình và đưa vào giảng dạy có hiệu quả chữ viết của hai dân tộc Thái, Mông và các loại hình nhạc cụ, khí cụ các dân tộc Thái, hàng năm thu hút trên 500 học viên con em đồng bào dân tộc thiểu số tham gia. Bên cạnh đó, việc biên soạn tập truyện kể dân gian các dân tộc thiểu số Nghệ An, sưu tầm những bài hát giao duyên người Thái cũng đạt được một số kết quả đáng ghi nhận... Nhằm bảo tồn và lưu giữ các sản phẩm truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng và đi vào hoạt động phòng trưng bày, giới thiệu, lưu giữ các hiện vật của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An.

Đặc biệt, Ban Dân tộc đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc Ơđù, một trong năm dân tộc thiểu số ở tỉnh Nghệ An và là một trong năm dân tộc thiểu số ở Việt Nam có số dân dưới 1.000 người. Đến nay đã tổ chức 2 lớp học tiếng Ơđù cho 120 lượt người.

Bên cạnh đó, Ban Dân tộc thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đồng bào ngăn chặn, bài trừ hủ tục như tục người chết để lâu ngày, nạn tảo hôn, bói toán,

mê tín dị đoan... Các tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm độc hại như ma túy, cờ bạc, mại dâm... từng bước được đẩy lùi.

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, trong thời gian tới tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt và đưa Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI vào cuộc sống, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh với mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số có trách nhiệm bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc, phát huy tinh thần chủ động, tích cực và vai trò tự quản của cộng đồng. Có chính sách, chế độ thích đáng cho các nghệ nhân tài giỏi, những gia đình và cá nhân có công trong việc giữ gìn vốn văn hóa dân tộc, tiếp tục xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ ở vùng dân tộc thiểu số, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Thứ ba, nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi di sản dân ca, dân nhạc, dân vũ của đồng bào các dân tộc, hỗ trợ phục dựng các lễ hội truyền thống, bảo tồn ngôn ngữ và chữ viết, xây dựng các làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, mây tre đan... nhằm từng bước thay thế những phong tục tập quán lạc hậu.

Thứ tư, tiếp tục tổ chức các hoạt động lớn như ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, hội diễn văn nghệ các dân tộc thiểu số..., cần có các giải pháp giúp đồng bào bảo tồn các di sản văn hóa, bảo tồn phát huy nghề và làng nghề truyền thống.

Thứ năm, tăng cường, đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở địa phương, có kế hoạch sử dụng sinh viên dân tộc được đào tạo cơ bản ở các trường chuyên nghiệp đã tốt nghiệp ra trường để họ được về phục vụ địa phương.

Như vậy, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc ở Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam đa dạng, thống nhất, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

**(Lương Thanh Hải - Dân tộc Thái
Trưởng ban Dân tộc tỉnh Nghệ An)**

LÀM KINH TẾ GIỎI, TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO BẢO VỆ ĐƯỜNG BIÊN, CỘT MỐC

Giương cá nhân điển hình: Trần Xuân Tư

Dân tộc: Chứt

*Trưởng bản Ôn, xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa,
tỉnh Quảng Bình*

Khu vực bản Ôn, xã Thượng Hóa đại đa số là đồng bào tộc người Rục, thuộc dân tộc Chứt, với trình độ dân trí thấp, đời sống luôn gặp nhiều khó khăn, đất sản xuất không tập trung, chủ yếu trồng cây ngô, cây sắn; vào mùa mưa lũ, thôn bản bị chia cách hàng tháng, sản phẩm của đồng bào làm ra chất lượng thấp, tiêu thụ không được, giá cả bấp bênh, nguồn thu nhập của đồng bào hạn chế, tỷ lệ hộ đói nghèo cao.

Là một trưởng bản, ông Trần Xuân Tư luôn nghĩ mình phải gương mẫu, phải sản xuất giỏi để bà con học tập và làm theo. Gia đình ông đã mạnh dạn đầu tư trồng rừng kinh tế, phát triển chăn nuôi và mở xưởng mộc tại gia đình. Đến nay, mô

hình sản xuất của gia đình ông đã có những kết quả: trồng rừng nguyên liệu 10 hecta, với số lượng 7 vạn cây, chuẩn bị thu hoạch; đàn trâu 12 con; nuôi 30 con lợn rừng trên diện tích 1.500m²; mở mang nghề mộc, giải quyết cho 4 lao động có việc làm tại chỗ. Kinh tế gia đình ông ổn định, là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đầu tiên của huyện vươn lên thoát nghèo bền vững, thực sự là tấm gương để đồng bào làm theo. Hiện ông đang hướng dẫn bà con trong bản phát triển kinh tế gia đình, làm lúa nước, chăn nuôi lợn, gà, trồng rừng nguyên liệu.

Qua thời gian thực hiện, ông luôn vận động người dân trong bản đầu tư đúng mục đích, chăm sóc đàn gia súc, gia cầm, trồng rừng phải đúng theo hướng dẫn kỹ thuật và đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ để tạo thêm việc làm và tăng thu nhập, góp phần vào việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển bền vững và lâu dài.

Ông Trần Xuân Tư tích cực tuyên truyền về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, cảnh giác cách mạng, ý thức người dân trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, an toàn - trật tự xã hội trên địa bàn; vận động đồng bào chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp với Đoàn biên phòng

Cà Xèng tổ chức xây dựng “điểm sáng biên giới” bảo vệ vùng biên, giúp đồng bào tăng gia sản xuất, ổn định đời sống.

Ông đã vận động 200 hộ gia đình tham gia ký kết thực hiện phong trào quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn xã; chỉ đạo người dân trong bản cảnh giác, phát hiện các đối tượng ngoại lai và trong nội bộ có âm mưu xấu, lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số để hoạt động, tiếp tay cho bọn lâm tặc, từ đó mà an ninh chính trị trong những năm qua được giữ vững, kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số phần nào được cải thiện.

Với những thành tích đã đạt được, ông Trần Xuân Tư được bầu là điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015.

SÁNG KIẾN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ CỘT MỐC, ĐƯỜNG BIÊN Ở HƯỚNG VIỆT

Hướng Việt là một xã biên giới vùng sâu, vùng xa nằm ở phía bắc huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, được tách ra từ xã Hướng Lập theo Nghị định số 08/2004/NĐ-CP ngày 2-1-2004 của Chính phủ. Toàn xã có 5 thôn với 286 hộ và 1.360 nhân khẩu, trong đó 98% là đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều sinh sống bao đời nay. Với địa giới hành chính chủ yếu là đồi núi, khe suối, giao thông đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa bão; đất đai canh tác ít; nguồn thu nhập chính của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.

Ngay từ khi mới thành lập còn nhiều khó khăn gian khổ, nhưng với quyết tâm cao, Đảng bộ và chính quyền địa phương đã chủ động đi tắt đón đầu nhanh chóng tiếp cận khoa học kỹ thuật và các Chương trình 134, 135 và các dự án khác của Chính phủ, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, biết lựa chọn những mô hình sản xuất thích hợp để phát triển kinh tế - xã hội của xã nhà.

Tính đến ngày 31-12-2015, tổng diện tích gieo trồng toàn xã là 192 hecta, trong đó diện tích lúa nước là 52 hecta đạt 3,5 tấn/hecta/vụ, tổng sản lượng đạt 182 tấn/vụ. Cùng với khí hậu thuận lợi cho việc chăn nuôi nên đàn gia súc, gia cầm không ngừng tăng số lượng cá thể cũng như chất lượng sản phẩm, nhân dân chủ động tiêm phòng bảo đảm không cho dịch bệnh lây lan toàn xã. Hiện có 220 con trâu, 371 con bò, 216 con lợn, 98 con dê, hơn 2.000 con gia cầm các loại và 7 ao cá bảo đảm một phần thực phẩm tại chỗ và xuất ra các địa phương khác, tạo nguồn thu nhập cho bà con nhân dân.

Bằng các nguồn vốn đầu tư của các Chương trình 134, 135 của Nhà nước hạ tầng cơ sở như điện, đường, trường, trạm của xã... dần được rải bê tông, rải nhựa, xây cao tầng; hệ thống thủy lợi được đầu tư xây dựng, kênh mương nội đồng đã được kiên cố hóa bảo đảm nước tưới để canh tác 2 vụ/năm. Các công trình phúc lợi được xây dựng đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt của nhân dân như: công trình nước sạch ở bản Trắng, Tà Rùng; hệ thống thủy lợi thôn Ka Tiêng, Xa Đưng, Chai...; toàn xã có 5/5 bản có nhà sinh hoạt cộng đồng tạo điều kiện tốt cho nhân dân sinh hoạt, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm sản xuất. Hệ thống điện chiếu sáng đạt trên 95%, tạo điều kiện cho người dân được sử dụng điện sinh hoạt nhằm nâng cao mức sống cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa.

Công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả đáng khích lệ với việc xóa dần hộ đói, giảm hộ nghèo từ trên 74% hộ nghèo khi mới thành lập xã đến nay chỉ còn 41,25% theo tiêu chí mới. Đường liên thôn dài 5km đã được đầu tư xây dựng, nối liền đường Hồ Chí Minh với cửa khẩu phụ Tà Rùng thông thương với nước bạn Lào tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, trao đổi hàng hóa giữa nhân dân hai nước Việt - Lào anh em.

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-BTL ngày 24-6-2003 của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về mô hình phong trào tự quản đường biên, cột mốc, Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể xã hội đã chú trọng đến công tác vận động, tuyên truyền quần chúng nhân dân tham gia. Chính quyền xã đã chủ động giao đất rừng cho các hộ gia đình làm ăn sản xuất nơi có đường biên, cột mốc đi qua, có trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ, kịp thời báo cáo cho chính quyền và các cơ quan chức năng khi có dấu hiệu vi phạm hoặc hư hỏng, dịch chuyển cột mốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Từ nhận thức đúng đắn vấn đề trên nên trong những năm qua, Đảng ủy, chính quyền đã phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể nhất là với bộ đội biên phòng triển khai đồng bộ các biện pháp kết hợp chặt chẽ tham gia xóa đói giảm nghèo, củng cố cơ sở chính trị với xây dựng phong trào tự quản đường biên, cột mốc; đối ngoại biên

phòng, ngoại giao nhân dân bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và trên thực tiễn đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Kết nghĩa “bản - bản” hai bên biên giới giữa bản Ka Tiêng, xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa và bản Avia Cùm Ra Cồ, huyện Sê Phôn, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân hai bên biên giới. Thông qua kết nghĩa, nhân dân, lực lượng quản lý hai bên thực sự hữu nghị, hiểu biết, đoàn kết, chân thành, gắn bó với nhau, cùng nhau bảo vệ biên giới, cột mốc, cùng nhau phát triển kinh tế, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và đặc biệt lực lượng quản lý hai bên biên giới tin cậy nhau hơn, kịp thời thông tin trao đổi cùng nhau giải quyết tốt những tình hình có liên quan đến nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới; duy trì nghiêm chế độ giao ban hằng quý trong thực hiện hiệp định biên giới của hai nước. Thông qua kết nghĩa “bản - bản” và cam kết của các hộ dân kết nghĩa đã giúp nhau bằng nhiều việc làm cụ thể như xã đã hỗ trợ cho nhân dân bản Avia 2.500 cây giống ba lời; cử cán bộ sang hướng dẫn cách phòng trừ dịch bệnh, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tạo điều kiện thông thoáng cho việc lưu thông sản phẩm trở thành hàng hóa trao đổi trên thị trường.

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã khảo sát và đang chuẩn bị đề án để chọn cặp bản kết nghĩa Ka Tiêng (Việt Nam) và bản Avia (Lào) làm thí điểm để đầu tư chuyển giao khoa học kỹ thuật giúp bạn. Đây là vinh dự, tự hào và đầy trách nhiệm của cán bộ và nhân dân xã Hướng Việt trong thời kỳ kinh tế hội nhập của Đảng và Nhà nước ta.

(Hồ Văn Liếp - Dân tộc Bru - Vân Kiều
Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Hướng Việt,
huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị)

LÀM KINH TẾ GIỎI, THAM GIA CÔNG TÁC XÃ HỘI TÍCH CỰC

Giương cá nhân điển hình: **Hồ Văn Nghĩa**

Dân tộc: M'ông

*Thôn 1, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh
Quảng Nam*

Đại diện người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Hồ Văn Nghĩa ở thôn 1, xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam chia sẻ:

“Nhiều năm trước đây, cuộc sống của gia đình tôi và bà con trong thôn còn rất nhiều khó khăn, trình độ học vấn thấp, tập quán canh tác lạc hậu, cái đói, cái nghèo cứ đeo bám miết... Với trách nhiệm của một người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã thôi thúc tôi và gia đình phải suy nghĩ tìm tòi, học hỏi các kiến thức, kinh nghiệm của nhiều người và qua sách báo để tìm cách chuyển hướng sản xuất định canh, bỏ tập quán canh tác cũ. Từ nhận thức đó, gia đình tôi từng bước tận dụng điều kiện đất đai, nguồn nước sẵn có để chuyển diện tích đất nương rẫy cải tạo

thành ruộng nước thâm canh và dần tăng vụ bảo đảm được lương thực cho gia đình; tận dụng điều kiện tự nhiên để chăn nuôi trâu, bò. Trong điều kiện khó khăn về vốn, về kinh nghiệm, kiến thức trong sản xuất và chăn nuôi, bản thân tôi và gia đình phải thường xuyên tham gia các lớp tập huấn khuyến nông của xã, của huyện và đặc biệt là thường xuyên trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm với các hộ gia đình khác để áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt.

Sau nhiều năm lao động, chịu khó học hỏi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất, đến nay cuộc sống gia đình tôi đã có nhiều chuyển biến: Các cháu đều được đi học, kinh tế gia đình ổn định, thu nhập hàng năm trừ chi phí đạt từ 50 - 100 triệu đồng. Hiện gia đình tôi trồng 2 hecta cây cao su (đang kiến thiết cơ bản), 10 hecta cây keo, tổng đàn bò trên 10 con, xây được hai căn nhà cấp 4 khang trang và mua sắm đầy đủ các loại phương tiện sinh hoạt như xe máy, bàn ghế, ti vi, điện thoại... đồng thời mở một gian hàng tạp hóa tại nhà vừa phục vụ bà con trong xóm vừa tăng thu nhập cho gia đình và chi tiêu cho 5 con ăn, học.

Ngoài việc nỗ lực phấn đấu và phát triển kinh tế gia đình, tôi cũng không ngừng vận động bà con trong thôn cùng làm theo để xóa đói, giảm nghèo. Hiện nay, trong thôn hộ nghèo giảm dần, không còn hộ đói”.

Không những làm kinh tế giỏi, ông Hồ Văn Nghĩa còn là một trong những người có uy tín ở xã Sông Trà tích cực tham gia công tác xã hội.

Hồ Văn Nghĩa và các già làng, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở huyện Hiệp Đức đã tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo phát triển kinh tế gia đình; từng bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Cụ thể: đã kết hợp với chính quyền, Mặt trận thôn tổ chức được nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tuy nhiên, do sự tác động của kinh tế thị trường cùng với sự di cư tự do của một bộ phận các dân tộc thiểu số... đã gây nên không ít các tiêu cực, ảnh hưởng đến ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương. Nhất là một số yếu tố văn hóa, thiết chế xã hội truyền thống bị xáo trộn, pha lẫn với lối sống mới chưa được chọn lọc đã gây nhiều khó khăn cho công tác giữ gìn, bảo lưu truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, nhưng vẫn còn một số ít bà con, nhất là đối tượng thanh niên lười lao động, thích hưởng thụ.

Do vậy, cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương, những già làng, người có uy tín cần phải có trách nhiệm tuyên truyền, vận động không để đồng bào mình làm những điều vi phạm pháp luật, đi ngược lại với phong tục, tập quán truyền thống dân tộc và sự quan tâm chăm lo của Đảng và Nhà nước; phải tích cực khuyến khích bà con chăm chỉ làm ăn để nâng cao đời sống, chăm lo con cái học hành, không để kẻ xấu lợi dụng, lừa gạt, giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

Bằng kinh nghiệm của mình, ông Hồ Văn Nghĩa sẵn sàng chia sẻ với bà con những gì mình biết, mình hiểu bất cứ thời gian nào, khi thì tổ chức họp bà con lại để tuyên truyền, khi lại tranh thủ những dịp lễ hội hay lúc bà con tập trung sản xuất với những nội dung: thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giữ gìn an ninh, trật tự, động viên, nhắc nhở bà con nâng cao cảnh giác, không nên nghe và tin theo kẻ xấu xúi giục. Ông cũng luôn nói với bà con rằng mình có được cuộc sống sung túc, no đủ như ngày hôm nay là nhờ Đảng, Nhà nước đã quan tâm, thực hiện tốt chính sách giảm nghèo, định canh - định cư, làm đường giao thông, chăm lo cho lớp trẻ được đi học. Qua cách tuyên truyền khéo léo, có khi chỉ là cuộc trò chuyện thân tình về cuộc sống hằng ngày, về cách làm ăn..., ông Nghĩa đã góp phần củng cố niềm tin của bà con vào Đảng, chính quyền;

khuyến khích bà con chăm chỉ làm ăn, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa.

Với những kết quả đã đạt được, ông Hồ Văn Nghĩa vinh dự được cộng đồng bầu chọn là điển hình tiên tiến của địa phương giai đoạn 2011-2015.

KINH TẾ GIA ĐÌNH PHÁT TRIỂN NHỜ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

*Gương cá nhân điển hình: **Đình Xuân Thắm***

Dân tộc: Ba Na

*Bí thư Đảng ủy xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân,
tỉnh Bình Định*

Hiện nay trên địa bàn huyện Hoài Ân có 900 hộ, 3.377 nhân khẩu là người dân tộc thiểu số, chiếm 3,20% dân số toàn huyện; chủ yếu là dân tộc Ba Na và Hrê, sống tập trung ở 3 xã Đăk Mang, Bók Tới, Ân Sơn và một số làng ở xã Ân Mỹ, Ân Tường Đông. Xã Đăk Mang là xã vùng cao đặc biệt khó khăn của huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đời sống của bà con nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, tập quán canh tác lạc hậu. Điều đó khiến cho ông Đình Xuân Thắm, Bí thư Đảng ủy xã Đăk Mang rất băn khoăn và trăn trở làm sao để gia đình mình, bà con mình thoát được cái nghèo, được ấm no, hạnh phúc. Chính từ những suy nghĩ đó và với trách nhiệm của một

người đảng viên, ông đã suy nghĩ tìm tòi, học hỏi các kiến thức, kinh nghiệm của nhiều người, qua nhiều kênh thông tin, sách báo, để từ các điều kiện hiện có của gia đình, của xã mà mạnh dạn tìm cách chuyển hướng sản xuất, định canh, xóa bỏ tập quán canh tác cũ, tập trung phát triển kinh tế hộ gia đình và cộng đồng.

Gia đình ông Thắm từng bước tận dụng điều kiện đất đai, nguồn nước sẵn có để chuyển diện tích đất nương rẫy sang khai hoang, cải tạo thành ruộng nước để sản xuất, thâm canh, bảo đảm được lương thực cho gia đình. Đến nay, gia đình canh tác trên 8 sào ruộng, khai hoang trồng cây keo trên 5 hecta. Bên cạnh đó, tận dụng đồng cỏ để kết hợp phát triển chăn nuôi, hiện nay đàn trâu, bò của gia đình đã có 20 con. Bình quân mỗi năm gia đình thu nhập 70 - 80 triệu đồng. Không dừng lại ở đó, nhờ có sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước cho vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất, ông đã mạnh dạn vay vốn mua sắm trang thiết bị, dụng cụ cho sản xuất, đầu tư cho diện tích các loại cây trồng và vật nuôi. Nhờ đó năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ngày càng phát triển gia đình ông có thêm thu nhập và vươn lên thành hộ khá giả trong xã. Với những kinh nghiệm đã có trong phát triển kinh tế hộ gia đình, ông Thắm thường xuyên giúp đỡ những hộ gia đình trong thôn cùng nhau phát triển kinh tế. Sau nhiều

năm chăm chỉ, chịu khó học hỏi phát triển sản xuất, đến nay cuộc sống gia đình ông và các hộ trong xã đã có nhiều chuyển biến rõ nét như: thu nhập được nâng lên, các cháu có điều kiện đến trường, không còn tình trạng học sinh bỏ học; các hộ đều có kinh nghiệm trong sản xuất và chăn nuôi, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm 3,5-4%.

Những thành quả bước đầu trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở xã Đắc Mang là nhờ Đảng và Nhà nước đã có các chính sách đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trong những năm qua như Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình định canh, định cư, Chương trình tín dụng ưu đãi... Các chính sách này là tiền đề cho đồng bào các dân tộc thiểu số anh em trên địa bàn phát huy truyền thống cách mạng, tận dụng các điều kiện sẵn có của địa phương, kê vai sát cánh, tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập, từ đó giảm nghèo, vươn lên trong cuộc sống.

Tuy đạt được những kết quả trong phát triển kinh tế hộ gia đình và cộng đồng, song ông Thẩm vẫn thấy mình, gia đình và bà con trong thôn, xã chưa phát huy hết tiềm năng nội lực của mảnh đất quê hương, đó là đất đai, rừng, nguồn giống cây trồng vật nuôi. Để khai thác hiệu quả những

tiềm năng, thế mạnh đó, mỗi gia đình phải tiếp tục tìm tòi, học hỏi, tích cực sáng tạo trong lao động. Tuy nhiên, cần phải có sự định hướng của Đảng và Nhà nước để các chính sách phù hợp, thiết thực hơn với từng vùng, qua đó người dân có điều kiện phát triển sản xuất hơn nữa, không những thoát nghèo mà còn làm giàu bền vững.

Mong rằng, kinh nghiệm của ông Đinh Xuân Thắm trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo và xây dựng kinh tế hộ gia đình trên chính mảnh đất quê hương sẽ giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chủ động làm giàu, thoát nghèo bền vững, để cuộc sống của đồng bào được ấm no, hạnh phúc, đời sống được cải thiện.

CÁCH LÀM HAY Ở AN LÃO

An Lão là một huyện miền núi vùng cao nằm về phía đông bắc của tỉnh Bình Định, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 130km về phía đông nam, có tổng diện tích tự nhiên 69.035 hecta. Toàn huyện có 8.196 hộ, dân số trên 31.332 người, có ba dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó hai dân tộc Hre và Ba Na có 2.921 hộ, với 11.057 người, chiếm 35,28%. An Lão là vùng đất giàu truyền thống cách mạng qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có nhiều bản sắc văn hóa đặc sắc đại diện của khu vực miền Trung và Tây Nguyên như lễ hội mừng lúa mới, hát múa dân ca (caleo, cachoa)... và các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể khác.

Trong 5 năm qua (2011-2015), các công trình, dự án do huyện làm chủ đầu tư và phân cấp cho xã làm chủ đầu tư đều tập trung vào các công trình trọng điểm, không ngừng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh, chủ yếu

ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số như: giao thông, thủy lợi, điện, đường, trường, trạm, nước sinh hoạt... với tổng số vốn được phân bổ từ nguồn vốn Chương trình 135, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, vốn đầu tư hạ tầng cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn là 191.895,454 triệu đồng (trong đó vốn duy tu bảo dưỡng là 6.363,26 triệu đồng).

Kết quả đạt được: hệ thống giao thông: 37 công trình; hệ thống nhà sinh hoạt cộng đồng: 14 công trình; hệ thống thủy lợi: 39 công trình.

Ngoài ra, còn hỗ trợ 7.980 lượt hộ phát triển sản xuất; Chương trình 134 hỗ trợ cho 135 lượt hộ nghèo dân tộc thiểu số, trong đó hỗ trợ về đất ở 30.800m² cho 74 hộ; đất sản xuất 35.470m² cho 61 hộ, tổ chức định canh định cư cho 249 hộ. Huyện còn có Đề án phát triển cây mây nếp, cây dược liệu, cây nguyên liệu giấy... tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân.

Song song với việc thực hiện các chính sách đầu tư hạ tầng cơ sở, phát triển sản xuất, hỗ trợ đời sống, chính sách y tế, giáo dục, giải quyết việc làm..., vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành quan tâm đầu tư toàn diện các lĩnh vực khác như điện lưới, viễn thông... Đến nay 100% số xã trong huyện có điện lưới quốc gia; đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa; 10/10 xã, thị trấn có bưu điện văn hóa,

trạm y tế; toàn huyện có 1 trường phổ thông cơ sở Dân tộc nội trú, 1 trường phổ thông trung học Dân tộc bán trú, 3 trường dân tộc phổ thông cơ sở bán trú; mạng lưới y tế được kiện toàn và nâng cấp, bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn; các công trình phúc lợi xã hội từng bước được hoàn thiện, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo hằng năm đều giảm (năm 2013: còn 50,93%; năm 2014: còn 45,67%, bình quân giảm từ 4,5% đến 5%/năm).

Trong những năm qua, lĩnh vực văn hóa của huyện đã có chiều hướng phát triển tích cực, đặc biệt là công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, xóa bỏ dần các tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Phòng Dân tộc huyện đã phối hợp với ngành chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện ban hành hai đề án (ngăn chặn nạn tự tử, tự sát và nghi kỵ cầm đồ thuốc độc) đã làm giảm đáng kể tình hình mất trật tự ở địa phương vùng đồng bào dân tộc miền núi.

Với vai trò tham mưu trong việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn, Phòng Dân tộc huyện An Lão đã cùng Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc có hiệu quả, trong đó có các chính sách như Chương trình

phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các thôn đặc biệt khó khăn xã khu vực II; Chương trình 135 về xây dựng hạ tầng cơ sở, hỗ trợ phát triển sản xuất; Chương trình 134 về chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn; Chính sách định canh - định cư; Chính sách hỗ trợ trực tiếp; Chính sách hỗ trợ đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16-8-2004 của Bộ Chính trị; Chính sách vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đặc biệt khó khăn; Chính sách cấp báo và tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi; Chính sách đối với người có uy tín... Nhờ tham mưu, triển khai tổ chức thực hiện tốt và kịp thời các chính sách trên, đã tạo ra bộ mặt mới cho huyện. Đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện không ngừng được cải thiện, xuất hiện nhiều hộ gia đình người dân tộc thiểu số có cuộc sống tốt đẹp, từng bước phát triển kinh tế hộ và giúp đỡ nhau cùng phát triển; an ninh chính trị được giữ vững, đặc biệt niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương không ngừng gắn kết tốt đẹp. Nhân dân rất phấn khởi và tin tưởng vào đường lối phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, huyện rất coi trọng công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn như phối hợp với các ngành chức năng lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể và nhân dân ở địa phương quán triệt Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ “Về phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”, nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng. Trong 5 năm qua (2011-2015), huyện đã tuyên truyền, vận động, nghiên cứu, khảo sát lập hồ sơ, tổng hợp đề nghị Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 7 di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện. Trong đó Di tích Chiến thắng An Lão được công nhận là di tích cấp Quốc gia và 6 di tích cấp tỉnh gồm: Địa điểm in bạc tín phiếu Liên khu V (xã An Hòa), Địa điểm vụ thảm sát Đá Bàn (xã An Hưng), Gộp Đá lớn (xã An Quang), Nơi đặt Đài Tiếng nói Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp (xã An Tân), Địa điểm vụ thảm sát Giếng Đồng (xã An Tân) và Trường Quân chính Quân khu V (xã An Quang). Ngoài ra, huyện còn triển khai, sưu tầm các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào các dân tộc trong huyện để bảo tồn, tôn tạo và lưu giữ cho đời sau; hỗ trợ kinh phí mở các lớp học tiếng và chữ viết Hrê, Ba Na để

khôi phục lại tiếng nói và chữ viết cho thế hệ trẻ và cán bộ công tác trên địa bàn huyện; tổ chức sưu tầm, lưu giữ, tôn tạo trang phục truyền thống của các dân tộc trong huyện...

Từ những kết quả đạt được ở huyện An Lão, tỉnh Bình Định rút ra bài học kinh nghiệm: nơi nào cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm, tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt các chương trình, dự án và chính sách dân tộc, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền vận động và phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng bản thì nơi đó kinh tế - xã hội được ổn định, an ninh, quốc phòng được giữ vững, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số được giữ gìn và phát huy. Từ đó củng cố mạnh mẽ niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương. Đây là những việc làm hay có thể vận dụng ở các địa phương.

**(Nguyễn Lợi - Phó Trưởng phòng Dân tộc
huyện An Lão, tỉnh Bình Định)**

ÁP DỤNG KỸ THUẬT MỚI VÀO SẢN XUẤT ĐỂ LÀM GIÀU

Gương cá nhân điển hình: Y Nam

Dân tộc: Chăm

*Thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên, huyện
Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên*

Nguyên Xuân là một thôn của xã Sơn Nguyên thuộc huyện miền núi Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Hầu hết các hộ trong thôn trồng mía và thu nhập chính của bà con trong thôn cũng từ cây mía. Sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên, thời tiết thất thường làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất.

Là phó thôn Nguyên Xuân và ủy viên Ban Chấp hành Hội nông dân xã Sơn Nguyên, Y Nam luôn ý thức được trách nhiệm cũng như vinh dự được nhân dân tín nhiệm. Bằng lòng nhiệt tình của mình, trong những năm qua, ông đã vận động bà con nông dân đoàn kết quyết tâm làm ăn để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống gia đình, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Thực hiện quy hoạch phát triển cơ cấu cây trồng của địa phương, xác định được cây mía là cây chủ lực của xã nhà, nên gia đình Y Nam đã đầu tư trồng 6 hecta mía và chủ động liên kết ký hợp đồng mua bán mía với Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam để được đầu tư giống mía, tập huấn khoa học kỹ thuật, hội thảo và đầu tư phân bón, đồng thời thu mua toàn bộ sản lượng mía mà gia đình đã làm ra. Ông thường xuyên nắm bắt những vấn đề có liên quan đến nông nghiệp nông thôn, các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp, tham quan học hỏi các mô hình sản xuất điển hình tiên tiến, trao đổi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Bản thân ông luôn chịu khó bám sát đồng mía theo từng thời kỳ phát triển, chăm sóc, theo dõi sâu bệnh, cày cỏ, bón phân sau những đợt mưa, nếu gặp đợt nắng hạn kéo dài thì chủ động bơm nước từ sông suối, bảo đảm đúng lượng nước cho mía trong quá trình phát triển theo đúng kỹ thuật hướng dẫn; đồng thời sử dụng những giống mía đạt năng suất cao do phía nhà máy đầu tư. Nhờ đó mà năng suất cây mía năm sau cao hơn năm trước, vụ 2011-2012 sản lượng thu được là 725 tấn, tăng 75 tấn so vụ trước.

Mặt khác để chủ động trong sản xuất theo thời vụ và tiết kiệm chi phí, ông đã mạnh dạn đầu tư một máy trồng mía, một máy cày cỏ mía và một

máy bơm nước tiên tiến thay vì trồng mía bằng cây bò và làm cỏ mía bằng thủ công. Ngoài trồng mía, ông cùng hai hộ nông dân trong thôn góp vốn mua xe tải hợp đồng với Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam vận chuyển mía. Bên cạnh cây mía, ông đã áp dụng luân canh 2 hecta cây dưa hấu với hình thức thâm canh.

Để gieo trồng 0,2 hecta lúa nước hai vụ đạt hiệu quả, ông đã tham gia lớp kỹ thuật trồng lúa nước tổ chức tại địa phương, qua đó tích lũy được kiến thức áp dụng vào sản xuất nên tổng sản lượng lúa thu bình quân đạt 36 tạ/năm. Đồng thời, kết hợp chăn nuôi bò lai để vừa làm sức kéo, vừa làm bò sinh sản. Ngoài ra còn thả thêm gà, vịt, trồng rau xanh trong vườn làm thức ăn cho gia đình, đồng thời tăng thêm nguồn thu nhập.

Từ những cố gắng nêu trên, trong những năm qua gia đình ông có nguồn thu nhập năm sau cao hơn năm trước: năm 2010 là 204 triệu đồng, năm 2013 thu nhập trên 300 triệu đồng. Nhờ nguồn thu nhập này mà gia đình đã có cuộc sống khá giả, xây dựng được ngôi nhà khang trang, mua sắm đầy đủ tiện nghi trong nhà, nuôi con ăn học chu đáo, đồng thời có điều kiện tham gia các phong trào xã hội.

Ngoài việc tổ chức sản xuất, kinh doanh để tăng thu nhập, ông cùng gia đình luôn gương mẫu chấp hành nghiêm mọi chủ trương, đường

lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hằng năm gia đình ông hoàn thành tốt nghĩa vụ, tham gia đầy đủ các phong trào ở địa phương như: đóng góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lũ, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo... Đi đầu trong chương trình xây dựng nông thôn mới, gia đình ông đã đóng góp được 13 ngày công và 5 triệu đồng; vận động nhân dân đóng góp công sức xây dựng 4 tuyến đường bê tông nông thôn với chiều dài 501 mét; tham gia đối ứng xây dựng nhà văn hóa với tổng kinh phí 33 triệu đồng đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó, ông luôn hướng dẫn, phổ biến và truyền đạt kinh nghiệm, cách áp dụng kỹ thuật mới trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi cho 31 hộ trong thôn, đồng thời đã giải quyết cho 10 lao động tại địa phương có việc làm thường xuyên với mức thu nhập bình quân 3,6 - 4 triệu đồng/tháng. Ngoài ra mỗi năm gia đình ông còn cho mượn tiền không tính lãi đối với 5 hộ nghèo trong thôn, giúp 13 hộ về cây giống. Đến nay những hộ được ông cho vay vốn và cây giống sản xuất đều đã có thu nhập ổn định, thoát được đói nghèo và đang vươn lên khá giả.

Để ghi nhận thành tích trong phong trào thi đua sản xuất, ông đã được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen;

các cấp, các ngành địa phương đã biểu dương và tặng nhiều Giấy khen về thành tích xuất sắc trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

Ông nói: Thời gian tới tôi sẽ tiếp tục phát triển kinh tế gia đình, tích cực vận động bà con nông dân hưởng ứng phong trào thi đua sản xuất giỏi; luôn tìm tòi học cái hay, cái mới để làm mô hình, giúp bà con nghèo có điều kiện học tập, ứng dụng vào sản xuất, ổn định cuộc sống gia đình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, giữ vững an ninh - trật tự địa phương.

NGƯỜI CHĂM Ở BÌNH NGHĨA GIÚP NHAU LÀM KINH TẾ

Gương cá nhân điển hình: **Thành Lai Chu**

Dân tộc: Chăm

*Thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc,
tỉnh Ninh Thuận*

Ông Thành Lai Chu sinh sống tại thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, một xã có 100% đồng bào dân tộc Chăm sinh sống, đời sống của bà con còn nhiều khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (sản xuất lúa và chăn nuôi theo mô hình nhỏ lẻ). Xuất phát từ thực trạng trên, ngoài việc sản xuất lúa, chăn nuôi dê, gia đình ông Thành Lai Chu đã quyết định dành số vốn tích góp của gia đình và vay ngân hàng để đầu tư mở đại lý phân bón và các loại vật tư nông nghiệp góp phần tăng thu nhập cho gia đình, và tạo điều kiện cho bà con thuận lợi đầu tư cho sản xuất để tăng năng suất, chất lượng nông sản. Bước đầu thực hiện ông gặp không ít khó khăn do vốn ít, kinh nghiệm chưa có,

nhưng với sự quyết tâm của bản thân, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cấp, các ngành, đã giúp gia đình ông vượt qua những khó khăn ban đầu. Sau hơn 7 năm việc kinh doanh đã đem lại nguồn thu nhập ổn định cho gia đình, mỗi vụ lúa thu gần 100 triệu đồng từ kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống lúa. Cùng với sản xuất, chăn nuôi, hàng năm gia đình ông thu nhập 300 triệu đồng.

Đến nay kinh tế gia đình ông đã có sự thay đổi rõ rệt. Không những thế, ông còn giúp đỡ nhiều hộ trong thôn ổn định sản xuất vươn lên thoát nghèo. Với những hộ không có điều kiện, thiếu vốn làm ăn, ông đã mạnh dạn cho bà con ứng trước giống lúa, phân bón để đầu tư sản xuất hoặc cho họ vay tiền với lãi suất thấp đến mùa thu hoạch thì trả dần, để ổn định về cuộc sống, không thiếu đói trong năm.

Song song với việc sản xuất kinh doanh, bản thân ông luôn gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; gương mẫu thực hiện hai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và “Chung tay xây dựng nông thôn mới” nhằm xây dựng thôn xóm ngày càng giàu đẹp, văn minh, giữ vững ổn định an ninh, trật tự tại thôn xóm.

Để đóng góp cho phong trào xây dựng nông thôn mới ở thôn Bình Nghĩa, năm 2014 với vốn

đóng góp của người dân cùng sự hỗ trợ của Nhà nước, ông và các thành viên trong hợp tác xã Sơn Phát cùng đứng ra nhận làm trên 200mét đường bê tông nông thôn, góp phần giảm chi phí trong xây dựng, bảo đảm chất lượng. Đây là công trình đầu tiên trong thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới được người dân địa phương trực tiếp thực hiện. Từ việc làm này đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của bà con trong việc tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới, khơi dậy lòng tin của bà con ngày càng sâu sắc hơn vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần củng cố khối đại đoàn kết trong nhân dân.

Đây là kết quả bước đầu trong công cuộc đổi mới đầy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Chăm của thôn Bình Nghĩa nói riêng. Với những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, ông và bà con thôn Bình Nghĩa đã có những đóng góp thiết thực xây dựng quê hương Bình Nghĩa ngày càng giàu đẹp, văn minh.

CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC, KHUYẾN TÀI Ở PHÚ LẠC

Phú Lạc là một xã thuần đồng bào dân tộc Chăm, hầu hết người dân sống bằng nghề nông (làm ruộng và làm rẫy), chỉ một số ít buôn bán nhỏ, không có ngành nghề phụ nên kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn. Tuy điều kiện của địa phương cũng như của mỗi gia đình gặp những khó khăn nhất định, nhưng với truyền thống hiếu học, bà con dân tộc Chăm xã Phú Lạc vẫn cố gắng tìm mọi cách mưu sinh để nuôi con học hành thành tài. Mảnh đất quê hương tuy khô cằn, sỏi đá nhưng đã sinh ra và nuôi dưỡng nhiều người con ưu tú, những người công dân có ích đã và đang phục vụ cho quê hương, đất nước. Trong xóm làng tuy còn nhiều gia đình khó khăn và vất vả nhưng có nhiều người vươn lên có trình độ đại học, cao đẳng... Theo thống kê, từ năm 1975 đến nay, toàn xã đã có 245 người tốt nghiệp cao đẳng, đại học; bác sỹ: 16, kỹ sư: 12, trung cấp nghề: 205; số sinh viên hiện đang theo học các trường cao đẳng, đại học là 247 em, trung cấp nghề: 149 em, tập trung nhiều nhất tại thôn Lạc Trị, chiếm 80%. Được sự quan

tâm chỉ đạo của các cấp, Hội Khuyến học xã đã hình thành vào năm 2006, nhằm giúp đỡ, động viên, khuyến khích các gia đình, dòng họ chăm sóc, nuôi con cái học hành, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, khen thưởng những học sinh, sinh viên học đạt loại khá, giỏi.

Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, Hội Khuyến học xã Phú Lạc đã không ngừng cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, với các kết quả đạt được như sau:

Để giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm bắt được những thông tin, mục đích, ý nghĩa của công tác khuyến học, khuyến tài, Ban Thường vụ Hội Khuyến học xã đã đề ra nhiều hình thức và nội dung tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã về các nội dung như: Tuyên truyền về sự ra đời của Hội Khuyến học Việt Nam; những gương vượt khó vươn lên trong học tập; những tấm gương gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học; Kế hoạch số 23/KH-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”; Tổ chức tuần lễ “Học tập suốt đời”, Lễ phát động vận động quỹ “Tiếp bước cho em đến trường”; phối hợp lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp dân, trong các buổi sinh hoạt hội viên Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, tuyên truyền cho hội viên Hội Khuyến học về Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam...

Hiện nay toàn xã có 13 chi hội, trong đó có 3 chi hội thôn, 5 chi hội trường học, 2 chi hội cơ quan, 3 chi hội dòng họ. Trong 5 năm (2011-2015) đã phát triển được 425 hội viên, chỉ tiêu Đại hội đại biểu Hội Khuyến học xã lần II đề ra 400 hội viên, so với chỉ tiêu giao đạt 106,25%. Tổng số hội viên đến năm 2015: 808 người.

Thực hiện sự chỉ đạo của các cấp về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và Trung tâm học tập cộng đồng, Thường trực Hội Khuyến học xã đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và một số ban, ngành, đoàn thể có liên quan phát động rộng rãi cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa nhằm đẩy mạnh phong trào học tập trong toàn dân, khích lệ các gia đình, các dòng họ nuôi dạy con cháu học hành thành tài để trở thành người có ích cho gia đình, quê hương và đất nước.

Thường trực Hội, các chi hội đã đề ra kế hoạch tổ chức ký kết giao ước thi đua, phát động đăng ký xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học và xét công nhận gia đình hiếu học. Qua cuộc vận động đã phát hiện nhiều tấm gương điển hình gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học xuất sắc, tiêu biểu, nhiều tấm gương học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập. Trong Hội nghị sơ kết 5 năm cuộc vận động xây dựng gia đình hiếu học,

dòng họ hiếu học tổ chức năm 2012 có 40 gia đình và một dòng họ hiếu học được biểu dương khen thưởng cấp xã; 10 gia đình hiếu học và một dòng họ hiếu học được biểu dương cấp huyện; một gia đình hiếu học và một dòng họ hiếu học được biểu dương cấp tỉnh. Tổng số hộ đăng ký gia đình hiếu học và xét công nhận gia đình hiếu học hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao. Tổng số đạt gia đình hiếu học đến cuối năm 2015 là 453 hộ/450 chỉ tiêu giao, đạt 80%/tổng số hộ đăng ký, đạt 25% tổng số hộ toàn xã.

Để tạo được nguồn Quỹ Khuyến học, Quỹ “Tiếp bước cho em đến trường”, Ban Chấp hành hội, Ban Chỉ đạo Quỹ “Tiếp bước cho em đến trường” đã đề ra nhiều biện pháp và nhiều hình thức vận động đến người thân, bạn bè, đồng nghiệp, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài địa phương; tổ chức văn nghệ; tổ chức lễ phát động; vận động cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn xã ủng hộ một ngày lương; vận động ủng hộ quần áo, sách vở, trang thiết bị trường học, xe đạp... cho học sinh. Với các hình thức trên, trong 5 năm (2011-2015) đã vận động được 811.385.000 đồng (tiền mặt và hiện vật), đạt vượt mức so với chỉ tiêu giao (330.000.000 đồng).

Với số tiền đó, Hội đã tổ chức chi hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó; chi

khen thưởng cho học sinh, sinh viên học tập đạt loại khá, giỏi, học sinh đỗ thẳng vào đại học; mua sắm trang thiết bị cho trường học, sửa chữa trường lớp... Tổng số tiền đã chi là 675.475.000 đồng. Mặc dù số tiền hỗ trợ học bổng, khen thưởng trên là không nhiều, nhưng đó là nguồn động viên, khích lệ tinh thần quý giá đối với các em học sinh, sinh viên nghèo và là động lực thúc đẩy để các em “Tiếp bước đến trường”, giúp các em giảm đi phần nào khó khăn trong học tập.

Với những thành tích trên, Hội Khuyến học xã Phú Lạc đã được Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy khen liên tục từ năm 2011-2014.

Trong thời gian tới, Hội Khuyến học xã Phú Lạc sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn còn tồn tại và hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, đó là:

- Thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Khuyến học xã lần III, nhiệm kỳ 2014-2019.

- Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch của Hội Khuyến học các cấp, của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Phú Lạc đề ra.

- Phấn đấu hàng năm đều đạt danh hiệu Hội Khuyến học cơ sở xuất sắc của tỉnh.

- Cùng nhau chung tay, góp sức vì cộng đồng, vì thế hệ trẻ tương lai trong sự nghiệp trồng người nhằm đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng một xã hội học tập, xây dựng đất nước, quê hương ngày càng giàu đẹp.

(Qua Thị Hồng Loan - Dân tộc Chăm
Chủ tịch Hội Khuyến học xã Phú Lạc,
huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận)

BIẾT HỌC CÁI HAY, LÀM THEO CÁI ĐÚNG ĐỂ THOÁT NGHÈO

Gương cá nhân điển hình: A Dói

Dân tộc: Rơmăm

*Bí thư chi bộ, thôn trưởng làng Le, xã Mô Rai,
huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum*

Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong đó có đồng bào Rơmăm, rất anh hùng, kiên cường trong bảo vệ Tổ quốc; chăm chỉ, siêng năng, cần cù và sáng tạo trong lao động. Tiếp nối truyền thống của cha anh, A Dói đã động viên các thành viên trong gia đình không ngại khó khăn, vất vả, cố gắng lao động để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Kể về kinh nghiệm làm ăn để thoát nghèo, A Dói tâm sự: Gia đình tôi bắt đầu từ việc khai hoang đất sản xuất, từ một vài nghìn mét vuông đất rẫy, ban đầu cũng chỉ là trồng cây lúa rẫy, cây mỳ, thu nhập chẳng đáng là bao, đói nghèo vẫn đeo đuổi. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cho vay vốn, hỗ trợ các giống cây trồng, vật nuôi, tham gia các lớp tập huấn hướng dẫn về

chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi từ các chương trình, chính sách hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt, thực hiện phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, trồng trọt kết hợp với chăn nuôi, đến nay gia đình tôi đã có 3,5 sào ruộng nước, 5 sào bồi lờ và 5 hecta cao su, trong đó có 2 hecta cao su bắt đầu khai thác; vợ chồng tôi còn nuôi thêm 2 con trâu và 10 con heo, 1.000m² ao nuôi cá. Sau nhiều năm chăm chỉ, chịu khó học hỏi phát triển sản xuất, đến nay cuộc sống gia đình tôi được nâng lên, hằng năm trừ chi phí có thu nhập khoảng 50 triệu đồng từ việc trồng trọt, chăn nuôi. Gia đình tôi đã xây dựng được nhà kiên cố, mua sắm được các phương tiện sinh hoạt hiện đại như: tivi, tủ lạnh, xe máy; cuộc sống gia đình đến nay đã ổn định và các con được học hành đến nơi đến chốn.

Biết chia sẻ, biết học theo cái hay, làm theo cái đúng, nhiều gia đình trong làng học tập mô hình làm kinh tế của gia đình ông đã vươn lên thoát nghèo, đời sống từng bước được nâng cao. Những nhà tranh tre, vách nửa giở đây đã được thay thế bằng nhà xây kiên cố, khang trang, 100% số hộ đã có xe máy, tivi, có hộ đã sắm được máy móc hiện đại phục vụ sản xuất. Nhiều hộ trở thành điểm sáng để thúc đẩy phong trào phát triển kinh tế tại địa phương.

Để giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn, ông cùng với già làng giáo dục, khuyên bảo một số thanh niên thường uống rượu say, quậy phá tu chí làm ăn. Động viên các hộ gia đình tương trợ, giúp nhau làm kinh tế, xây dựng nếp sống văn hóa, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Với những thành tích đạt được, năm 2010, làng Le đã vinh dự được đón nhận danh hiệu Làng văn hóa tiêu biểu vùng biên. Cá nhân ông A Dói được Đảng, chính quyền các cấp tặng nhiều bằng khen, giấy khen; được Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng kỷ niệm chương vì có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và cho công tác xây dựng tổ chức hội. Ông cũng được bầu là điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước năm 2011-2015 do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

HUYỆN IA GRAI VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, AN NINH NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN

Ia Grai là huyện biên giới nằm ở phía tây của tỉnh Gia Lai, diện tích 1.157,3km², gồm 13 đơn vị hành chính (12 xã và 1 thị trấn). Đến năm 2015, dân số toàn huyện 23.408 hộ, khoảng trên 96.000 nhân khẩu với 19 dân tộc anh em sinh sống, trong đó người Kinh chiếm khoảng 55% dân số, người dân tộc thiểu số khoảng 45% dân số (trong đó chủ yếu là dân tộc Giarai với 9.673 hộ, 41.842 nhân khẩu, chiếm 43% dân số toàn huyện); ngoài ra còn một số dân tộc khác là Ba Na, Thái, Mường, Tày, Êđê, Nùng, Dao, Hoa, Xơ Đăng, Mông, Cao Lan, Sán Dìu, Khmer, Hrê, Chăm, Thổ và Khơ Mú chiếm khoảng 2%. Các dân tộc trong huyện cư trú trên những vùng lãnh thổ rộng lớn, có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái của tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung. Các dân tộc anh em dưới sự lãnh đạo của Đảng luôn phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước và có những

đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn huyện có những bước phát triển nhanh chóng, các dân tộc có điều kiện phát triển bình đẳng và đoàn kết xây dựng, phát triển mọi mặt kinh tế, xã hội cũng như không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; an ninh - quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên, tình hình quốc tế, khu vực phức tạp như hiện nay đã có tác động không nhỏ đến an ninh, trật tự trên địa bàn huyện nói chung và an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, trong đó tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn đang đặt ra cho huyện nhiều vấn đề cần giải quyết. Đó là: tình hình tranh chấp, khiếu kiện liên quan tới đất đai giữa nông dân, công nhân với các công ty, nông trường cao su, cà phê, với các doanh nghiệp trồng rừng và giữa người dân với nhau...; tình hình giá cả các mặt hàng nông sản xuống thấp ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân, gây tâm lý tiêu cực trong xã hội. Một số vụ việc liên quan đến an ninh, trật tự phát sinh từ những năm trước vẫn chưa được giải quyết dứt điểm hoặc đã được giải quyết nhưng vẫn tồn tại dư luận xấu như: các vụ “Ma lai, thuốc thư”, đền

bù giải phóng mặt bằng phục vụ các mục đích công cộng; khiếu kiện liên quan đến đất đai; khiếu kiện của cá nhân liên quan đến chế độ, chính sách; việc một số doanh nghiệp thu mua nông sản bị phá sản đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của một bộ phận người nông dân trên địa bàn... là những vấn đề đặt ra cần giải quyết để bảo đảm giữ vững an ninh nông thôn.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện những năm vừa qua có nhiều diễn biến phức tạp. Nhưng với sự đấu tranh kiên quyết của nhân dân và các cấp, các ngành, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đẩy lùi được các nguy cơ, ngăn chặn được các thách thức về an ninh. Tuy nhiên các yếu tố có khả năng gây mất an ninh chính trị trên địa bàn vẫn tồn tại.

Các thế lực thù địch, phản động vẫn không từ bỏ ý đồ chống phá nước ta, trong đó có địa bàn Tây Nguyên, Gia Lai và huyện Ia Grai. Lợi dụng các vấn đề phức tạp, nhạy cảm trên địa bàn liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc để kích động, tạo có gây rối, bạo loạn vẫn là âm mưu thường trực của FULRO và các tổ chức phản động khác. Kẻ địch ngày càng tăng cường hoạt động tuyên truyền, kích động, tác động phá hoại tư tưởng, tạo dựng ngọn cờ, hậu thuẫn cho tư tưởng ly khai, tự trị; đối với địa bàn huyện, chúng ưu tiên cho việc duy trì,

phục hồi hoạt động Tin lành Đêga. Bên cạnh đó hoạt động tác động, chuyển hóa nội bộ của các thế lực thù địch và bọn phản động; chia rẽ khối đại đoàn kết, tạo mâu thuẫn giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số, phá vỡ mối quan hệ gắn bó trong quần chúng nhân dân; tìm sơ hở, tìm cơ can thiệp vào nội bộ của ta, tạo ra sự mất ổn định từ bên trong cũng đặt ra nhiều thách thức cho công tác an ninh. FULRO lưu vong gia tăng các hoạt động gửi tiền, tài liệu vào trong nước; cử người về nước hoạt động với danh nghĩa thăm thân, hồi hương; đồng thời chú trọng sử dụng địa bàn Campuchia, nhất là địa bàn biên giới giáp với huyện để cử người hoạt động móc nối, lôi kéo, chống phá ta. Các tổ chức nước ngoài, các đoàn lâm thời tăng cường các hoạt động thăm, làm việc với địa phương, triển khai đầu tư các dự án, thăm đối tượng hồi hương... gây ra nhiều yếu tố bất lợi trong công tác an ninh.

Để bảo vệ an ninh chính trị, an ninh nông thôn trên địa bàn cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh loại trừ yếu tố địch, bảo đảm an ninh từ cơ sở; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng từng bước loại bỏ tư tưởng ly khai, tự trị trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Tấn công chính trị quyết liệt số FULRO lưu vong, hạn chế, đẩy lùi, vô hiệu hóa hoạt động chỉ đạo của

chúng vào nội địa nước ta. Cương quyết đấu tranh với số bên trong, không để chúng tập hợp lực lượng, hình thành tổ chức với mọi hình thức, quản lý chặt đối tượng tại các thôn làng, tăng cường giáo dục cảm hóa đối tượng quay về sinh hoạt với cộng đồng.

- Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả với âm mưu gây rối, bạo loạn. Tổ chức diễn tập các phương án phòng chống gây rối, bạo loạn ở các cấp độ, tính toán bố trí lực lượng, phương tiện phù hợp với tình hình ở từng địa bàn, bảo đảm tính cơ động và đủ sức ngăn ngừa, xử lý đối với các cấp độ gây rối ở thôn làng.

- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, phòng ngừa và đấu tranh làm thất bại hoạt động của địch chống phá ta trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin, góp phần tích cực trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; tăng cường công tác bảo đảm an ninh tôn giáo, đáp ứng các yêu cầu đối với thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước và của địa phương. Nắm tình hình, tham mưu hiệu quả cho các ban ngành giải quyết tốt các vụ việc, vấn đề liên quan tới an ninh nông thôn trên địa bàn.

- củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn toàn huyện, tham gia tích cực và hiệu quả vào công tác bảo đảm an ninh,

trật tự, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc, tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn.

(RMăh Bur - Dân tộc Giarai
Đại diện Công an huyện Ia Grai)

LÀM GIÀU CHO GIA ĐÌNH LÀ LÀM GIÀU CHO ĐẤT NƯỚC

Giương cá nhân điển hình: Y Thi Mlô

Dân tộc: Êđê

*Buôn Choăh, xã Dliê Yang, huyện Ea H'Leo,
tỉnh Đắk Lắk*

Đảng và Nhà nước ta luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc thiểu số phát triển về mọi mặt, trong đó có khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, bởi mỗi gia đình là một tế bào của xã hội, mỗi tế bào phát triển sẽ là nền tảng cho xã hội phát triển. Vì vậy, làm giàu cho gia đình chính là làm giàu cho đất nước, cho xã hội.

Dân tộc Êđê cũng như các dân tộc khác đều rất anh dũng trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, chăm chỉ và sáng tạo trong lao động sản xuất. Phát huy những truyền thống tốt đẹp đó, đồng bào Êđê ngày càng nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mỗi người dân trong việc xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất. Chính từ nhận thức đó đã thôi thúc Y Thi Mlô mạnh dạn tìm cách chuyển

đổi cây trồng và bỏ tập quán canh tác cũ. Y Thi Mlô đã động viên các thành viên trong gia đình không ngại khó khăn, vất vả, cố gắng lao động, tận dụng điều kiện đất đai, nguồn nước sẵn có để chuyển diện tích đất nương rẫy sang khai hoang, cải tạo thành ruộng nước để sản xuất ổn định, thâm canh và dần tăng vụ, bảo đảm được lương thực cho gia đình. Lúc đầu gia đình gặp rất nhiều khó khăn về vốn, về tiến bộ khoa học kỹ thuật nhưng nhờ sự cố gắng, kiên trì và thường xuyên nghiên cứu sách, báo, học hỏi cán bộ khuyến nông, đặc biệt là thường xuyên trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm với các hộ gia đình khác trong quá trình đưa khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt nên đã đem lại hiệu quả đáng kể cho gia đình.

Khi đã có được những kinh nghiệm nhất định trong sản xuất để phát triển kinh tế hộ gia đình, Y Thi Mlô thường xuyên giúp đỡ những hộ khác trong buôn còn gặp nhiều khó khăn về vốn, về con giống và đặc biệt thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm để giúp nhau cùng thoát nghèo.

Đến nay, cuộc sống các hộ trong buôn Choăh đã có nhiều thay đổi, nhiều hộ đã thoát nghèo, vươn lên làm giàu, xây dựng nhà cửa ngày càng khang trang, sạch đẹp. Các cháu đến tuổi đi học được đến trường, tình trạng các cháu bỏ học nửa chừng ngày một ít, nhiều hộ đã nhận thức được tầm quan trọng của tri thức cũng như việc cho con đi học để có kiến thức

giúp gia đình, giúp mọi người trong buôn, trong xã phát triển kinh tế. Về phần gia đình Y Thi Mlô kinh tế ngày một nâng lên, thu nhập hằng năm trừ chi phí đạt từ 150 đến 200 triệu đồng từ việc khai hoang trồng 4 hecta cà phê; chăn nuôi 20 con heo, hơn 100 con gia cầm lấy thịt và để lấy trứng; trồng 1 hecta ngô, với thu nhập 6 tấn/hecta.

Y Thi Mlô tâm sự: Những thành quả bước đầu trong phát triển kinh tế hộ gia đình tôi nói riêng và các hộ gia đình khác ở buôn Choăh nói chung đó là nhờ ơn Đảng, Nhà nước đã có các chính sách đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao của tỉnh và nhiều chương trình, chính sách khác làm tiền đề...

Là người con của dân tộc Êđê vinh dự được về Hà Nội dự Đại hội điển hình tiên tiến giai đoạn 2011-2015, Y Thi Mlô có nguyện vọng thiết tha là Đảng, Nhà nước cần tiếp tục quan tâm hơn nữa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và nghiên cứu những đặc thù của từng khu vực, từng cộng đồng dân cư để có những chính sách cụ thể phù hợp hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số bớt những khó khăn hơn. Ông cũng tâm niệm sẽ cùng bà con trong buôn, trong xã đoàn kết hơn nữa, giúp nhau phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp để sớm thoát nghèo và làm giàu bền vững trên chính mảnh đất quê hương.

NGƯỜI TRƯỞNG BON GƯƠNG MẤU

Gương cá nhân điển hình: K'Số

Dân tộc: Mạ

Trưởng bon B'Dông, xã Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông

Được nhân dân tín nhiệm bầu là người có uy tín, ông K'Số - Trưởng bon B'Dông, một bon đặc biệt khó khăn, nằm cách xa trung tâm xã Quảng Khê 15km, dọc quốc lộ 28, chia sẻ: Bon tôi có 194 hộ, 1.044 nhân khẩu, với 8 thành phần dân tộc cùng sinh sống. Gia đình tôi trước kia nằm trong diện đói nghèo của xã. Những năm qua, nhờ có chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, gia đình tôi được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Nhận thấy là địa phương có rất nhiều lợi thế trong lĩnh vực chăn nuôi, có đồng cỏ, thức ăn dồi dào, thấy mô hình nuôi bò là hướng đi phù hợp, ông K'Số đã tự bỏ kinh phí để lên tỉnh Lâm Đồng học tập kinh nghiệm về mô hình sản xuất, kỹ thuật chăn nuôi. Trên cơ sở đó gia đình ông mạnh dạn đề ra phương án mua bò sinh sản. Với vốn vay

20 triệu đồng, gia đình ông dành dụm thêm một số tiền và bước đầu mua được 6 con bò, năm đầu phát triển thêm được 6 con bê và cứ thế tăng dần lên. Những năm gần đây, mỗi năm bình quân gia đình ông bán khoảng 10 con bê để lấy tiền chi phí cho gia đình và đã thoát nghèo. Đến năm 2015, gia đình có 36 con bò giống, cứ mỗi năm đàn bò sinh sản thêm được khoảng 20 con bê, đây là tài sản lớn, bền vững của gia đình. Từ chăn nuôi bò, đời sống của gia đình ông đã được cải thiện, xây dựng được nhà ở kiên cố, mua sắm thêm một số dụng cụ sinh hoạt gia đình. Ông có 7 người con, hiện nay 4 người con đã có gia đình, đều là những hộ có kinh tế khá trong bon; 3 người con còn lại hiện đang học phổ thông cơ sở.

Từ kết quả đạt được của gia đình và với vai trò là người có uy tín, là trưởng bon, ông đã vận động bà con trong bon mở rộng mô hình nuôi bò, nhiều gia đình rất phấn khởi làm theo vì nuôi bò không chỉ giúp tăng thu nhập mà trước mắt còn cho phân để bón cà phê, hoa màu. Ông chia sẻ: Gia đình tôi có 3 hecta cà phê, đến nay không phải mua phân bón hóa học như trước đây, cà phê cho năng suất cao, mỗi năm thu hoạch được trên 12 tấn.

Nguyện vọng của ông K'Số là phát triển đàn bò, chăm sóc tốt vườn cà phê, đồng thời vận động nhiều người trong bon B'Dơng và một số bon lân cận (như bon Bu S'rê A xã Đắk Som) cùng chăn

nuôi bò để tiếp tục phát triển đàn bò, góp phần thay đổi cuộc sống. Thực tế cho thấy đây là một mô hình đem lại hiệu quả thiết thực hợp ý Đảng, lòng dân. Tuy quy mô nhỏ nhưng ý nghĩa lại rất lớn, tạo cơ hội ban đầu giúp bà con nghèo phát triển sản xuất, phát huy thế mạnh chăn nuôi, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương. Với trách nhiệm của người có uy tín, ông thường xuyên tuyên truyền cho nhân dân về kinh nghiệm chăm sóc, cải tạo chất lượng đàn bò, bảo đảm vật nuôi sinh sản tốt.

Ông đề xuất với xã thành lập Tổ hợp tác chăn nuôi bò, tập huấn kỹ thuật nuôi bò để người dân có điều kiện trao đổi kinh nghiệm về chăm sóc, phòng ngừa dịch bệnh cho bò, mạnh dạn nhân giống đàn bò phát triển, chăn nuôi theo hướng trang trại. Do những cố gắng của mình với cộng đồng, ông vinh dự được bầu là điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

NGƯỜI CÓ UY TÍN Ở LẠC DƯƠNG VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO HIẾN ĐẤT LÀM ĐƯỜNG

Gương cá nhân điển hình: Kra Jăn Tê

Dân tộc: Cơ Ho

Bon Đưng 2, thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng

Được tổ dân phố bầu chọn là người uy tín, ông Kra Jăn Tê luôn ý thức được trách nhiệm của mình, đi đầu gương mẫu chấp hành chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ mọi quy định ở khu dân cư. Đồng thời, tích cực vận động, tuyên truyền mọi người, giáo dục con, cháu trong gia đình cùng thực hiện.

Ông cùng gia đình tích cực lao động sản xuất như: trồng rau, màu, cà phê... Nhờ chịu khó học hỏi, áp dụng các biện pháp canh tác, cùng với việc tích cực lao động nên hằng năm cũng cho thu nhập thêm, đem lại cho gia đình cuộc sống có phần dư giả. Ông thường giáo dục con cháu tích cực học tập, làm việc, công tác tốt, chấp hành tốt mọi quy định nơi cư trú.

Với vai trò là người có uy tín, khi tổ dân phố có chủ trương vận động người dân hiến đất làm đường giao thông, xây dựng tuyến đường Thống Nhất nối dài, ông và gia đình gương mẫu hiến đất và vận động bà con lối xóm cùng hiến đất để triển khai thực hiện công trình và đến nay 100% các hộ dân ở dọc hai bên tuyến đường đều đồng ý ký cam kết hiến đất làm đường.

Một vinh dự đối với ông là tháng 5-2015 ông được đại diện người uy tín của huyện đến thăm quân, dân huyện đảo Trường Sa. Chuyến đi đem lại cho ông rất nhiều kỷ niệm. Trở về đất liền, về với cuộc sống bình yên nơi xóm thôn và với trách nhiệm của người uy tín trong tổ dân phố, bản thân ông càng thấy trách nhiệm của mình hơn trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, xây dựng tình đoàn kết xóm làng thật bền chặt.

Để xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, ông càng thấy mình cần cố gắng hơn nữa trong cuộc sống hằng ngày, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và mọi quy định ở nơi cư trú; tích cực lao động sản xuất hơn nữa, một mặt để rèn luyện sức khỏe, mặt khác làm gương cho con, cháu tích cực lao động và vận động người dân trong tổ dân phố thực hiện, ngày càng tạo lập và giữ vững niềm tin, sự yêu mến của nhân dân.

GUƠNG NÔNG DÂN CAO LAN SẢN XUẤT GIỎI

Giương cá nhân điển hình: **Lâm Hồng Quân**

Dân tộc: Cao Lan

Xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Xã Tam Lập có 8 dân tộc thiểu số sinh sống lập nghiệp gồm: Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ, Khmer, X'tiêng, Mường, và Hoa. Trong đó dân tộc Sán Chỉ (Sán Chay) có 29 hộ với 124 khẩu (nam 64 người, nữ 60 người), đồng bào không còn hộ nghèo, sống chủ yếu bằng nghề nông. Từ khoảng năm 2000 trở về trước, đời sống đồng bào chủ yếu là làm thuê, mướn, tuy nhiên từ năm 2005 đến nay đời sống đồng bào đa số ổn định, hộ khá và giàu chiếm hơn 50%, các phương tiện nghe nhìn đều đầy đủ, có hộ đã sắm được ô tô và nhiều phương tiện sản xuất hiện đại khác.

Những năm đất nước còn có chiến tranh, ông Lâm Hồng Quân xung phong đi bộ đội để được trực tiếp cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Sau hơn 10 năm hoàn thành nhiệm vụ quân đội, ông về phục viên

năm 1987. Năm 1998, ông cùng gia đình về Phú Giáo để lập nghiệp.

Lúc đầu, việc trồng trọt không mấy thuận lợi, cây cối bị sâu bệnh, năng suất thấp. Để có thu nhập duy trì sản xuất, phục vụ sinh hoạt, gia đình ông phải làm thuê. Nhưng với tính cần cù, không ngại khó khăn, chịu khó học tập, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình làm ăn có hiệu quả, hiện gia đình ông có 5,6 hecta chủ yếu trồng cây cao su, hằng năm cho thu hoạch trừ chi phí còn thu khoảng 430 triệu đồng. Ngoài trồng cây cao su, gia đình ông còn nuôi cá với diện tích ao nuôi khoảng 300m²... Nhờ có thu nhập từ trồng cao su, chăn nuôi nên những năm gần đây đời sống kinh tế ổn định, có của ăn của để chăm lo cho các con học hành, đồng thời tham gia công tác từ thiện xã hội của địa phương. Ông tâm sự: Gia đình tôi có được cuộc sống no đủ như ngày hôm nay, đó cũng là nhờ sự quan tâm của Đảng, các chính sách của Nhà nước, các ngành, các cấp đã hỗ trợ, giúp đỡ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho gia đình tôi nói riêng và đồng bào dân tộc thiểu số nói chung có điều kiện sinh sống làm ăn và phát triển kinh tế.

Với thành tích đạt được, ông được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 4 bằng khen về thành tích thực hiện tốt phong trào xây dựng đời sống văn hoá, 4 bằng khen về thành tích

trong công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào địa phương đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, bằng khen thực hiện Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII), Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc... và nhiều phần thưởng khác.

ĐỒNG NAI PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Tỉnh Đồng Nai với 192.161 người dân tộc thiểu số, chiếm 7,1% dân số toàn tỉnh (năm 2015). Có 4 dân tộc thiểu số bản địa Choro, Mạ, X'tiêng và Coho. Đồng bào các dân tộc thiểu số sống rải rác, xen kẽ trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và chủ yếu sống tập trung đông ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh năm 2014 là 13.778 hộ, chiếm tỷ lệ 1,9% so với tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh, trong đó hộ nghèo dân tộc là 1.884 hộ, chiếm 13,67 tổng số hộ nghèo của tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01-02-2008 về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và Hướng dẫn số 04/HD-BCA (A11) ngày 16-3-2009 của Bộ Công an, nhận thấy việc vận động và phát huy vai trò người có uy tín là hết sức cần thiết trong thực hiện

chính sách dân tộc tại địa phương cũng như trong việc giữ gìn an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai đã chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Công an tỉnh Đồng Nai chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chủ trương phát huy vai trò người có uy tín tại địa phương bằng việc ban hành chính sách hỗ trợ cho người có uy tín. Gần đây nhất là Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ban hành quy định chế độ hỗ trợ cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và lễ, tết các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trước đó thực hiện các quyết định như Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18-3-2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 28-12-2011 về việc quy định tiêu chí, chế độ hỗ trợ cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và lễ, tết truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua đó hằng năm Ban Dân tộc tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bình chọn danh sách người có uy tín: năm 2011 có 182 người; năm 2012 có 177 người; năm 2013 có 175 người; 2014 có 217 người; 2015 có 214 người.

Việc tổ chức bầu chọn được những người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đòi hỏi có sự phối hợp của nhiều ngành và giữa các cấp chính quyền với nhau. Tuy nhiên việc sử dụng và

phát huy vai trò của người có uy tín cũng như duy trì thường xuyên vai trò của họ trong thực hiện công tác dân tộc tại địa phương đòi hỏi chính quyền các cấp phải có sự nhận thức đúng đắn cũng như thực hiện tốt các chế độ chính sách. Do đó để phát huy vai trò của người có uy tín, từ năm 2011 đến nay tỉnh Đồng Nai đã làm tốt việc cung cấp thông tin cho người có uy tín như: gặp mặt hàng quý tại địa phương; hằng năm tổ chức biểu dương khen thưởng người có uy tín có thành tích hoạt động trong năm; bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc cho 474 lượt người có uy tín; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho 359 lượt người có uy tín; thực hiện cấp miễn phí báo *Dân tộc Phát triển*, báo *Đồng Nai* và Bản tin *Công tác Dân tộc*; tổ chức đưa 137 lượt người có uy tín đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại một số tỉnh phía Bắc và miền Trung, Tây Nguyên như giao lưu tại Hà Nội, viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và gặp mặt lãnh đạo Ủy ban Dân tộc...

Để hỗ trợ cho người có uy tín, hằng tháng tỉnh Đồng Nai hỗ trợ 50% mức lương cơ bản; khi ốm đau, tử tuất hay gia đình gặp hoạn nạn, khó khăn được các cấp chính quyền trong tỉnh đến thăm hỏi với mức chi theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trong 5 năm qua (2011-2015), trên địa bàn tỉnh, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu

số đã phát huy được vai trò nòng cốt, luôn chung sức, chung lòng cùng với Đảng, Nhà nước trong việc nắm bắt tâm tư của đồng bào dân tộc thiểu số; là cầu nối đưa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc thiểu số một cách sinh động, gần gũi, dễ hiểu nhất. Người có uy tín luôn chia sẻ kinh nghiệm với bà con qua hình thức tổ chức họp bà con lại để tuyên truyền vào những dịp lễ hội. Những cách thức, lời lẽ tuyên truyền gần gũi, khéo léo của người có uy tín đã góp phần củng cố niềm tin của bà con vào Đảng, chính quyền, khuyến khích bà con chăm chỉ làm ăn, phát triển kinh tế. Cụ thể, đã vận động được 71 đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các khóa đào tạo chăn nuôi gia súc, gia cầm; 31 người tham gia lớp tập huấn chăm sóc cây điều; 55 người tham gia 2 lớp dạy dệt thổ cẩm tại cơ sở. Một số người có uy tín là nông dân sản xuất giỏi luôn giúp đỡ bà con trong áp dụng các kinh nghiệm, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cũng như hỗ trợ kinh phí khi cần thiết. Mỗi người có uy tín xã Phú Tân, Phú Vinh, Phú Lợi, Túc Trưng huyện Định Quán đứng ra bảo lãnh cho một hộ gia đình vay vốn phát triển kinh tế; thành lập hội tương trợ giúp nhau làm nhà ở ấp Suối DZui, xã Túc Trưng, huyện Định Quán. Với vai trò và phạm vi ảnh hưởng của người có uy tín trong đồng bào như vậy, việc vận động và phát

huy vai trò của người có uy tín trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống là quan trọng, cần thiết.

Người có uy tín giải thích các ý kiến của đồng bào dân tộc tại địa phương liên quan đến chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chính sách dân tộc đang được triển khai tại địa phương. Từ đó, vận động đồng bào chấp hành các dự án hạ tầng được triển khai tại địa phương; vận động người dân giữ gìn an ninh, trật tự, dọn dẹp ngõ xóm mỗi dịp lễ, tết; vận động con em đến trường, đi nghĩa vụ quân sự và tham gia các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật do chính quyền các cấp tổ chức.

Ngoài ra, người có uy tín còn tham gia vận động con em khám tuyển nghĩa vụ quân sự, vận động và đóng góp kinh phí vào các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ học bổng cho học sinh nghèo tại địa phương. Họ còn đi đầu trong công tác vận động đồng bào tham gia xây dựng “Nông thôn mới”; hòa giải thành công trên 110 vụ liên quan đến tranh chấp đất đai, xung đột gia đình, gây rối trật tự tại địa phương; vận động bà con dân tộc thiểu số đến lớp học xóa mù chữ.

Trong giữ gìn an ninh, trật tự xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, người có uy tín phát

huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc vận động đồng bào tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; ngăn chặn được 3 vụ truyền đạo trái phép, 2 vụ lừa đảo giả danh luật sư để làm sổ đỏ và cầm cố sổ đỏ; phát hiện và ngăn chặn 2 vụ không để bà con khiếu kiện đông người; vận động và ngăn chặn 1 vụ đồng bào bị kẻ xấu kích động di cư sang tỉnh khác; hòa giải thành công 1 vụ liên quan đến việc chấp hành bản án, tránh việc phải thi hành cưỡng chế trước 1 ngày; vận động thành công đồng bào chấp thuận các hộ trong dự án làm hồ chứa nước, kéo đường dây 500kV; đóng góp 21.600.000 đồng quỹ Vì biển đảo Việt Nam của tỉnh Đồng Nai. Việc chăm lo đời sống cho đồng bào nghèo được người có uy tín thực hiện tốt, ngoài việc vận động các nhà hảo tâm trao quà cho hộ khó khăn trong những ngày lễ, tết, người có uy tín còn đóng góp để xây dựng được 2 căn nhà tình thương.

Nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội được triển khai trên địa bàn các xã nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới đã đem lại hiệu quả tích cực. Có được kết quả trên, ngoài chính sách đầu tư của Nhà nước còn có vai trò đóng góp của người có uy tín (đặc biệt là già làng) trong việc vận động đồng bào tham gia thực

hiện xã hội hóa giao thông nông thôn, áp dụng tiến bộ khoa học để sản xuất.

Là tỉnh có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, văn hóa mỗi dân tộc cũng khác nhau, do vậy việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm và tạo điều kiện tổ chức. Vai trò của người có uy tín được thể hiện rõ trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư thông qua việc duy trì tổ chức lễ, tết truyền thống của đồng bào, duy trì tiếng nói, chữ viết và văn hóa phi vật thể của đồng bào hay vận động người dân thực hiện lối sống văn hóa trong việc cưới, việc tang; vận động giúp đỡ thân nhân gia đình có người mất gặp khó khăn.

Có được kết quả như trên, chúng tôi nhận thấy rằng:

- Phải quan tâm đến người có uy tín bằng việc xây dựng các chính sách cụ thể để hỗ trợ, động viên giúp đỡ họ bớt một phần khó khăn cả về đời sống vật chất và tinh thần; quan tâm, tạo điều kiện cho họ phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, tạo điều kiện cho con cháu họ được học tập tiến bộ.

- Thường xuyên tổ chức gặp mặt để cung cấp thông tin và lắng nghe các ý kiến mà người có uy tín được cộng đồng gửi gắm nhằm kịp thời giải quyết các nhu cầu bức thiết, chính đáng để họ tích

cực phát huy vai trò, ảnh hưởng trong cộng đồng các dân tộc, tuyên truyền, vận động, đồng bào dân tộc mình tin tưởng vào Đảng, gắn bó với Đảng, chính quyền và cơ quan hữu quan. Có như vậy công tác tranh thủ, sử dụng, phát huy vai trò người có uy tín mới đạt hiệu quả cao.

Việc tranh thủ, sử dụng, phát huy vai trò người có uy tín là một công tác lớn, mang tính chất đặc thù, có ý nghĩa chiến lược đối với việc bảo đảm an ninh, trật tự ở vùng sâu, vùng xa. Cần xây dựng định hướng lâu dài, định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, yếu kém để phát huy ngày càng tốt hơn vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

(Điểu Bảo - Dân tộc Choro
Trưởng ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai)

BÀ RỊA - VŨNG TÀU VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VĂN HÓA CHƠO

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 21 dân tộc thiểu số với 6.554 hộ, 29.253 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 2,75% dân số toàn tỉnh, gồm các dân tộc Chơro, Khmer, Tày, Nùng, Mường, Chăm, Thái, Sán Dìu, Sán Chay, Thổ, Mông, M'ông, Co, Lào, Êđê, X'tiêng, Hrê, Dao, Cơ Ho, Hoa, Cao Lan. Trong đó: 2 dân tộc có số dân đông nhất là dân tộc Hoa với 10.740 người, dân tộc Chơro có 8.882 người; 3 dân tộc Khmer, Tày, Nùng có dân số từ 1.000 đến 3.000 người; còn 16 dân khác có số dân dưới 1.000 người. Người Hoa và Chơro có thời gian cư trú lâu đời nhất, còn lại đa phần các dân tộc đều từ các vùng miền khác nhau đến định cư, sinh sống xen kẽ. Các dân tộc này sinh sống chủ yếu ở các huyện Xuyên Mộc, Châu Đức, Tân Thành, Đất Đỏ và thành phố Vũng Tàu.

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tổ chức triển khai thực hiện nhiều chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao đời sống vật chất,

tinh thần của đồng bào. Đặc biệt là công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được các cấp, các ngành hết sức quan tâm.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong những năm qua, tỉnh có nhiều đề án, dự án đầu tư, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Chơro được triển khai thực hiện.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Đảng ta xác định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã khẳng định: Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; đó là những điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Thời gian qua, công tác bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định:

Thứ nhất, ghi nhận và tôn vinh sự đóng góp không nhỏ của các nghệ nhân Chơro như: bà Đào Thị Hạnh sinh năm 1941, hiện cư ngụ tại ấp Vinh Thanh, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức; bà Đào Thị Cơ sinh năm 1933, bà Lý Thị Nhiễm sinh năm 1939, ông Đào Thiệt sinh năm 1955 hiện cư ngụ tại ấp Tân Châu, xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức; ông

Đào Bình sinh năm 1931 (đã qua đời năm 2004), cư ngụ tại ấp Vinh Thanh, xã Ngãi Giao huyện Châu Đức; ông Đào Văn Pháp sinh năm 1935 (qua đời năm 2005), cư ngụ tại ấp Bình Mỹ, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là những nghệ nhân tiêu biểu có công trong việc truyền dạy các làn điệu nghệ thuật dân gian cho thế hệ trẻ, đồng thời là những người lưu giữ vốn văn hóa dân tộc Chơro như: biểu diễn cồng chiêng, đánh đàn goong kla, hát dân ca... Những nghệ nhân người Chơro còn có những đóng góp không nhỏ trong việc phục dựng lại các lễ hội Sayangva, Yang vri, cung cấp các tư liệu cho các nhà nghiên cứu đã góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Chơro hiệu quả.

Thứ hai, ghi nhận vai trò của Nhà văn hóa dân tộc Bàu Chinh, do Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Châu Đức quản lý; các Câu lạc bộ văn hóa dân tộc tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nhà sinh hoạt Văn hóa dân tộc Chơro tại ấp Phước Thuận, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ và xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc cũng từng bước được thành lập, đi vào hoạt động, thực hiện việc bảo tồn và phát huy các nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thứ ba, trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể của dân tộc Chơro tại địa phương, cần phải đánh giá cao những nỗ lực giữ gìn tiếng mẹ đẻ như: công trình biên soạn từ điển, khôi phục lại

trang phục do ông Trần Tấn Vĩnh, nguyên Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm chủ nhiệm đề tài đã được thực hiện hiệu quả. Hiện nay, nhiều nội dung của đề tài đang được triển khai ở các lễ hội của địa phương và đặc biệt là ở Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh. Việc phục dựng lại lễ hội Sayangva do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh tổ chức tại Nhà văn hóa dân tộc Bàu Chinh, huyện Châu Đức rất thành công, góp phần giữ gìn và phát huy nét đẹp phong tục, khắc phục những nguy cơ mai một văn hóa truyền thống đặc sắc.

Thứ tư, được sự quan tâm của Ban Dân tộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngoài việc chăm lo đời sống vật chất cho đồng bào như xây nhà, trang bị hệ thống điện chiếu sáng và nước sạch thì đời sống tinh thần của đồng bào cũng rất được quan tâm. Ban Dân tộc tỉnh đã đầu tư 2 bộ công chiêng, 50 bộ trang phục truyền thống cho Nhà văn hóa dân tộc ấp Phước Thuận, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ và Nhà Văn hóa dân tộc Châu Pha, huyện Tân Thành. Ban Dân tộc tỉnh luôn khuyến khích, hỗ trợ các nghệ nhân để họ có điều kiện tham gia liên hoan dân ca cấp tỉnh, cấp khu vực và toàn quốc. Đây là niềm khích lệ, động viên lớn đối với những nghệ nhân đang tham gia bảo tồn và quảng bá hình ảnh quê hương, con người Bà Rịa - Vũng Tàu hôm nay.

Ý thức được vai trò của văn hóa trong đời sống cộng đồng, nhiều địa phương đã tổ chức Ngày hội văn hóa - thể thao các dân tộc, với các loại hình sinh hoạt phong phú như: biểu diễn nhạc cụ truyền thống, thi hát dân ca, các trò chơi dân gian, đặc biệt là liên hoan nhạc cụ đồng chiêng và ẩm thực rượu cần... Hoạt động thể dục - thể thao được duy trì thường xuyên, ngày càng được tổ chức chuyên nghiệp hơn, trở thành một nội dung không thể thiếu trong các ngày hội văn hóa - thể thao các dân tộc thiểu số như: bắn nỏ, kéo co, đẩy gậy, đi cà kheo và một số trò chơi dân gian, góp phần thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng và thu hút được giới trẻ quan tâm. Từ đó ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng được phát huy. Các huyện thường xuyên xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí trong các dịp lễ, tết cổ truyền. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao được triển khai sâu rộng ở cơ sở, các cơ quan, trường học. Qua nhiều hội thi, liên hoan đã góp phần giới thiệu, bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân.

Ngoài ra, việc truyền dạy các nhạc cụ truyền thống cũng được gìn giữ và phát huy hiệu quả; việc bảo tồn trang phục truyền thống cũng được lớp trẻ đón nhận với niềm tự hào.

Công tác quy hoạch và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở được lãnh đạo tỉnh, huyện quan tâm đầu tư lớn về quy mô và phong phú về nội dung hoạt động. Đến nay, có 3 nhà văn hóa dân tộc ở xã được tỉnh hỗ trợ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ nhiệm vụ cho nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Chúng ta biết rằng, văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số rất phong phú, độc đáo, đa dạng làm nên bản sắc dân tộc, tồn tại trong dân gian dưới dạng vật thể và phi vật thể nhưng cũng rất dễ bị mai một. Với những cách làm trên, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa tốt đẹp của người Choro.

(Đào Văn Phước - Dân tộc Choro
Hiệu phó Trường phổ thông Dân tộc nội trú
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

CẦN THƠ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER

Thành phố Cần Thơ có 12 ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer, với 115 vị sư sãi (gồm 2 vị Hòa thượng, 4 vị Thượng tọa, 44 vị Đại đức và Tỷ khưu, 65 vị Sa di).

Ngôi chùa Nam tông Khmer vừa là nơi tu hành, vừa là nơi thực hiện các lễ nghi thuần túy tín ngưỡng, tôn giáo, vừa là trung tâm văn hóa, sinh hoạt xã hội, là nơi thực hiện các lễ hội theo phong tục tập quán, mang tín ngưỡng truyền thống, đặc thù của dân tộc Khmer.

Sau hơn 10 năm thực hiện theo Tờ trình số 01/TTr-TGCP ngày 11-2-2004 của Ban Tôn giáo Chính phủ về việc hỗ trợ hoạt động của Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả sau đây:

- Về việc xác định tên gọi: Nay đã thống nhất tên gọi chung là “Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer”;

- Về việc khắc dấu cho chùa: Đến nay đã có 12/12 chùa Khmer đã được cấp dấu theo mẫu thống nhất;

- Về hoạt động của Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đặt tại thành phố Cần Thơ: Học viện đang đào tạo được 3 khóa (khóa III, năm học 2013-2017). Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, đến nay Học viện chưa có trụ sở riêng, phải học tạm tại chùa Pôthi Sômrôn, kinh phí hoạt động phụ thuộc vào sự vận động, quyên góp của nhà chùa trên 8 năm qua nên nhà chùa còn nhiều khó khăn nhất định;

- Về việc hỗ trợ kinh phí cho lớp học trong chùa (cơ sở và sơ cấp): đã hỗ trợ tổ chức được 4 lớp Pali sơ cấp;

- Về việc cấp giấy chứng nhận tu sĩ cho Phật giáo Nam tông Khmer: Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã hỗ trợ và cấp được 2 đợt... nhưng do tính biệt truyền của hệ phái, đối với việc tu học theo truyền thống (xuất gia, hoàn tục) nên việc cấp giấy chứng nhận tu sĩ hiện nay khó tiếp tục triển khai thực hiện;

- Về việc in ấn kinh sách: Đến nay đã in (2 đợt) được 52 đầu kinh sách Phật giáo Nam tông Khmer với 540.000 quyển kinh sách và gửi đến các chùa Phật giáo Nam tông Khmer đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ phục vụ kịp thời việc tu học của chư tăng;

- Về việc lập hồ sơ và khen thưởng cho sư sãi có công với cách mạng: Mặc dù, có chủ trương nhưng việc triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn về vấn đề thủ tục, vì đa số các chùa Khmer do bị ảnh hưởng chiến tranh tàn phá, không giữ được các giấy tờ cần thiết và do nhiều lý do khách quan khác hoặc những người chứng kiến dần dần qua đời, như: chùa Amper Vone, chùa Nery Vone (xã Định Môn, huyện Thới Lai), chùa Pôthi Sômrôn, chùa San Vor (Châu Văn Liêm - Ô Môn), chùa Muni Răng Sây, chùa Pitu Khôsa Răngsây (An Cư - Ninh Kiều) và ba vị Hòa thượng (Hòa thượng Thạch Khiêng, Hòa thượng Thạch Chương và Hòa thượng Lý Chương).

Ngoài ra, Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn thành phố Cần Thơ còn chỉ đạo, phối hợp thực hiện nhiều hoạt động khác như:

- Về hoạt động của Ban Quản trị chùa và Phật tử trong Phật giáo Nam tông Khmer: Do đặc thù của Phật giáo Nam tông Khmer từ xưa đến nay mỗi ngôi chùa đều thành lập một Ban Quản trị (hiện nay, toàn thành phố Cần Thơ có 102 vị là thành viên Ban Quản trị), mỗi thành viên Ban Quản trị đều có ảnh hưởng đến cộng đồng dân tộc Khmer, giúp các vị trụ trì chùa hướng dẫn Phật tử thực hiện phong tục, tập quán và các lễ nghi tôn giáo thuần túy, đồng thời hướng dẫn Phật tử sống và làm việc đúng theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Trụ trì cùng Ban Quản trị chùa với sự sẵn thường xuyên phối hợp với tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ở cơ sở vận động đồng bào ra sức cần kiệm, phát triển kinh tế, đổi mới cách làm ăn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiến tới xóa hộ đói nghèo...

- Tham gia động viên đồng bào Khmer thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tham gia xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa các ban, ngành của địa phương, vận động xóa bỏ tập tục lạc hậu, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, làm lành mạnh các quan hệ xã hội ngay trong từng gia đình; động viên các gia đình cho con em học hành, thực hiện sống khỏe, sống vui, sống có ích, chống các tệ nạn xã hội, đoàn kết chống lại âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch.

- Về hoạt động văn hóa - xã hội: Các lễ hội truyền thống của Phật giáo Nam tông và dân tộc như: Tết cổ truyền dân tộc Chol chnam thmây, lễ Sên đôn ta, lễ Ok om bok, lễ dâng Y kathina... được các cấp chính quyền tạo điều kiện tổ chức vui chơi lành mạnh trên tinh thần đoàn kết, tiết kiệm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Chùa Pôthi Sômrôn được Ủy ban nhân

dân thành phố Cần Thơ công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp Thành phố.

Hỗ trợ Bảo tàng thành phố Cần Thơ thực hiện các dự án văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một: “Phục dựng dự án Dù kê” (chùa Settodor, huyện Cờ Đỏ), “Truyền dạy kỹ thuật cắt, may trang phục tu sĩ truyền thống dân tộc Khmer” (huyện Thới Lai), “Khôi phục và truyền dạy nghi thức dẫn dắt linh hồn của Achar Yuki trong lễ tang truyền thống dân tộc Khmer” (chùa San Vor, quận Ô Môn) do quỹ hỗ trợ Bảo tồn nghệ thuật Văn hóa dân gian tài trợ.

Hỗ trợ các văn nghệ sĩ, vận động viên tham gia ngày hội văn hóa Khmer Nam Bộ; tổ chức lớp dạy múa Aday, Dù kê tại chùa Settodor, các lớp nhạc công sử dụng nhạc cụ ngũ âm cho các chùa ở quận Ninh Kiều, quận Ô Môn, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ; đặc biệt có một đội ngũ nhạc công ngũ âm Trường phổ thông Dân tộc nội trú thành phố Cần Thơ tại quận Ô Môn. Ngoài ra còn tham gia nhiều cuộc lễ hội như: Festival Công chiêng quốc tế lần thứ nhất tại tỉnh Gia Lai...

- Về hoạt động từ thiện - xã hội: Hưởng ứng sự kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, một số chùa tham gia đóng góp cứu trợ bà con vùng bị thiên tai, lũ lụt, nạn nhân chất độc màu da cam... Nhiều chùa tích cực vận động các

Phật tử Khmer và các nhà hảo tâm tham gia đóng góp xây dựng cầu bê tông cốt thép và đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà tình thương; hỗ trợ chỗ ở cho học sinh, sinh viên nghèo...

- Về hoạt động tuyên truyền: Hằng năm, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước thành phố Cần Thơ đã phối hợp tốt với các ngành, các cấp tổ chức tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là tuyên truyền về lược sử vùng đất Nam Bộ do Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ tổ chức đến các sư sãi, Ban Quản trị chùa, người có uy tín, học sinh, sinh viên và trong đồng bào Khmer.

Để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của Phật giáo Nam tông Khmer cần thực hiện:

- Xác định cơ cấu của hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam; xác định vị trí, vai trò, nội dung, phương thức hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước, Ban Quản trị chùa trong tình hình mới.

- Hỗ trợ về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công tác của Hội và quan tâm thực hiện chế độ chính sách đối với các thành viên Ban Quản trị chùa; xác định cơ chế hỗ trợ cụ thể, rõ ràng từ phía Nhà nước đối với Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; nâng cao năng lực của Hội đồng điều hành Học viện;

hỗ trợ, tạo điều kiện để giới sư sãi trong Phật giáo Nam tông Khmer, nhất là chư tăng trẻ tuổi có cơ hội hòa nhập trong xu thế phát triển chung của đất nước.

*(Thượng tọa **Lý Hùng** - Phó Hội trưởng
Thường trực Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước
thành phố Cần Thơ)*

NGƯỜI NÔNG DÂN KHMER VỚI GIỐNG LÚA MỚI

Giương cá nhân điển hình: **Danh Văn Dưỡng**

Dân tộc: Khmer

*Tổ 3, ấp Trung Sơn, xã Vọng Thê, huyện
Thoại Sơn, tỉnh An Giang*

Danh Văn Dưỡng người dân tộc Khmer sinh năm 1951, hiện ngụ tại tổ 3, ấp Trung Sơn, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Gia đình sinh sống với nghề làm ruộng, Danh Văn Dưỡng may mắn được học đến hết trung học phổ thông.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, quê hương Vọng Thê còn gặp nhiều khó khăn, đường sá giao thông chưa thuận tiện, đa số nhân dân chủ yếu làm ruộng sạ lúa mùa một vụ (lúa nổi). Đến năm 1989, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện, bà con xã Vọng Thê chuyển sang làm lúa hai vụ. Lúc bấy giờ, nông dân chưa quen cách chăm sóc lúa cao sản ngắn ngày nên năng suất không cao.

Với lòng đam mê của mình, Danh Văn Dưỡng đã mày mò lựa chọn những bụi lúa có bông to

nhieu hạt, trong, đẹp đem về gieo trồng cho mùa vụ tiếp theo. Kết quả rất khả quan, lúa phát triển tốt, ít sâu bệnh, năng suất cao, đó là niềm khích lệ cho bản thân Dường.

Sau 4 năm tự làm, tự học qua sách báo, nghe đài, đến năm 2004, anh cùng 18 nông dân trong thị trấn Óc Eo tham dự lớp tập huấn “Kỹ thuật chọn tạo và sản xuất giống tại cộng đồng” do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thoại Sơn tổ chức. Được học hỏi tiến bộ khoa học kỹ thuật và áp dụng những kỹ năng sản xuất vào đồng ruộng, anh hy vọng với những giống lúa có đặc tính tốt, năng suất chất lượng cao phù hợp với đất đai ở địa phương sẽ góp phần xã hội hóa công tác giống lúa, đáp ứng yêu cầu năng suất cao và chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Từ thử nghiệm ban đầu đến áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc lai tạo giống lúa, hiện nay bản thân anh đã chọn được 4 bộ giống tốt đó là: Hồng Ngọc Óc Eo, Óc Eo 7, Óc Eo 8 và giống lúa Huyền Ngọc với hạt gạo màu tím đen rất có giá trị về dinh dưỡng. Riêng giống lúa Hồng Ngọc Óc Eo với hạt gạo màu đỏ hồng có đặc tính nổi trội là chống chịu tốt bệnh đạo ôn, rầy, thích nghi với vùng đất phèn, vùng đất cao và thiếu nước tưới tiêu. Vụ đông xuân năm 2014, anh được Công ty Bảo Ngọc Thành phố Hồ Chí Minh mời sang làm dự án nông nghiệp cho tỉnh Champasack của Lào. Anh mạnh

dạn áp dụng khoa học kỹ thuật và cùng 24 nông dân khác của huyện Thoại Sơn đem giống lúa Hồng Ngọc Óc Eo sang Lào trồng thử nghiệm ở huyện Mường Khổng - vùng đất nghèo dinh dưỡng, lắm phèn, khô hạn lại chưa có hệ thống tưới tiêu với diện tích 100 hecta. Dù gặp không ít khó khăn vì bất đồng ngôn ngữ nhưng kết quả thu hoạch cuối vụ rất khả quan, năng suất bình quân đạt trên 6 tấn/hecta (bình quân năng suất lúa của Lào chỉ 2 - 2,5 tấn/hecta).

Với kết quả tìm tòi, nghiên cứu ra những bộ giống lúa lai chất lượng cao, năng suất tốt, Danh Văn Dưỡng mong góp một phần công sức mình vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, phát huy lợi thế, tiềm năng nông nghiệp của quê hương để đời sống nông dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, để tỉnh An Giang ngày càng phát triển, thịnh vượng.

NGƯỜI CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ TẬN TÌNH

Gương điển hình cá nhân: **Thị Bận**

Dân tộc: Khmer

*Cộng tác viên dân số ấp 5, xã Xà Phiên,
huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang*

Sinh ra và lớn lên tại mảnh đất vùng đặc biệt khó khăn, có đông đồng bào dân tộc sinh sống, hằng ngày chứng kiến cảnh nhiều gia đình đông con nên dẫn đến đói nghèo, cuộc sống vất vả, khó khăn, cơm không đủ no, áo không có mặc, những đứa trẻ neho nhóc, còi cọc không được đến trường, nhiều bà mẹ xanh xao gầy ốm, bên những mái nhà tranh vách lá..., tất cả những hình ảnh đó đã thôi thúc chị Bận đến với công tác dân số.

Năm 1997, chị được phân công làm cộng tác viên dân số của ấp 5, xã Xà Phiên. Với mong muốn giúp bà con thay đổi nếp nghĩ, thực hiện kế hoạch hóa gia đình để phát triển kinh tế, nuôi dạy con tốt, chị đã tham mưu cho chính quyền địa phương kết hợp với các tổ chức đoàn thể, trao đổi, gặp gỡ

những người có uy tín trong phum sóc, tranh thủ uy tín của họ để tuyên truyền, vận động, phân tích và giải thích, giúp cho bà con Khmer hiểu ra lợi ích thiết thực của chính sách dân số.

Lúc đó công tác tuyên truyền, vận động gặp rất nhiều khó khăn do quan niệm của bà con dân tộc là sinh nhiều con thì sẽ nhiều của và phải sinh bằng được con trai để làm trụ cột gia đình... Để giúp cho bà con dân tộc nhận thức được về kế hoạch hóa gia đình, chị đã phải nhiều ngày đi đến từng tổ dân cư để vận động tuyên truyền bằng nhiều hình thức, giúp bà con dân tộc dễ hiểu và dễ tiếp thu.

Công tác tuyên truyền, vận động không phải lúc nào cũng dễ dàng. Nhiều người lấy lý do là chưa có con trai nối dõi để không thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Thấu hiểu tâm tư, tình cảm cũng như các phong tục tập quán của mỗi dân tộc, chị đã áp dụng phương pháp đến nhà để thuyết phục. “Mưa dầm thấm đất”, nhiều cặp vợ chồng đã đồng ý thực hiện các biện pháp tránh thai và đình sản.

Để công tác tuyên truyền có hiệu quả, chị luôn bám sát các chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình của huyện, xã vào tháng 3 hằng năm để triển khai vận động. Cùng với kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn đã được tập huấn, chị đã chủ động đề xuất với Đảng ủy, chính quyền xã triển khai thành lập 3 nhóm và 2 câu lạc

bộ về kế hoạch hóa gia đình, sinh hoạt thường kỳ mỗi tuần một buổi, tạo điều kiện để chị em tiếp cận với những biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khỏe sinh sản...

Kết hợp với người có uy tín, trưởng ấp và chi tổ hội phụ nữ rà soát lại số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, cặp vợ chồng đã có hai con, hoặc có hai con gái để chủ động đến gặp gỡ, thuyết phục, giúp họ thay đổi được nếp nghĩ lạc hậu và tham gia tích cực vào các đợt sinh hoạt truyền thông dân số.

Ngoài ra, chị còn đề xuất với địa phương khuyến khích, hỗ trợ các hộ thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước được tiếp cận các nguồn vốn từ Chương trình 135 và vốn vay ưu đãi để tăng gia sản xuất.

Nhờ vậy, trong 5 năm qua (2011-2015) trên địa bàn ấp không có người sinh con thứ 3, tỷ lệ hộ nghèo giảm 12,85% (năm 2009 có 52,25% hộ nghèo, cuối năm 2013 còn 39,40% hộ nghèo). Hiện nay, 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai, số trẻ bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 17%, đặc biệt đã có 85 cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện đi đình sản.

Để duy trì và tạo nhận thức tốt hơn trong công tác truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình trong vùng đồng bào dân tộc, chị có một số đề xuất với các cấp, các ngành như sau:

- Cần có các chính sách hỗ trợ lồng ghép với chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình để mang lại hiệu quả cao nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc Khmer.

- Hằng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng bằng tiếng dân tộc để nâng cao trình độ, kỹ năng truyền thông, chuyển đổi hành vi và tuyên truyền vận động về dân số - kế hoạch hóa gia đình dành cho đội ngũ cộng tác viên truyền thông dân số công tác ở vùng dân tộc.

- Tổ chức nhiều hơn nữa các chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đến với vùng sâu, vùng khó khăn, đặc biệt là các ấp có đông bà con dân tộc thiểu số để thu hút người dân tộc thiểu số tham gia đến khám sức khỏe, thực hiện các dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao sức khỏe, tuổi thọ của người dân tộc thiểu số.

Đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ về vật chất và tinh thần để các mô hình truyền thông dành cho đồng bào dân tộc thiểu số như: ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên; mô hình tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; câu lạc bộ tiền hôn nhân; câu lạc bộ gia đình trẻ; câu lạc bộ nam nông dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình... được tiếp tục

nhân rộng đặc biệt là trong phum sóc có đông bà con dân tộc thiểu số đang sinh sống.

- Các sản phẩm truyền thông và các kênh truyền thông cần được thường xuyên bổ sung, thay đổi để phù hợp với nhận thức của từng nhóm đối tượng và từng địa bàn. Đồng thời hỗ trợ đầu tư các thiết bị truyền thông cho xã, ấp và phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc nhiều hơn để người dân tộc thiểu số nghe được và hiểu nhiều hơn về các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, từ đó tạo thay đổi về nhận thức và hành vi có liên quan để xây dựng gia đình, xóm, ấp... thực hiện sinh ít con, đem lại cuộc sống hạnh phúc và văn minh.

NGƯỜI CHĂM Ở TRÀ VINH SỐNG TỐT ĐỜI, ĐẸP ĐẠO

Cộng đồng người Chăm tại tỉnh Trà Vinh hiện có trên 56 hộ, gồm có 350 nhân khẩu sống chủ yếu trên địa bàn phường 2, phường 8 thành phố Trà Vinh và các huyện Châu Thành, Trà Cú và huyện Cầu Ngang. Có 99% người Chăm theo đạo Islam. Thánh đường Hồi giáo tọa lạc tại số 133 Trần Quốc Tuấn, phường 2, thành phố Trà Vinh. Đây là trung tâm sinh hoạt tôn giáo trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Chăm. Thánh đường có một vị Imam, một vị Khatib, một vị Tuan - giáo viên dạy học kinh Kôran (Qur'an) và giáo lý.

Nhằm duy trì và gìn giữ bản sắc dân tộc trong các buổi Khutbah - thuyết giảng tại Thánh đường, các vị Imam, Khatib ngoài bài thuyết giảng giáo lý còn lồng ghép tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới cộng đồng người Chăm. Từ đó, bà con luôn ý thức được trách nhiệm của một người công dân và tích cực vận động chức sắc, tín đồ luôn thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về

tín ngưỡng, tôn giáo với phương châm “tốt đời - đẹp đạo”.

Trong nhiều năm qua, cộng đồng người Chăm tham gia tốt các phong trào do địa phương phát động, các sinh hoạt tôn giáo luôn được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 1-3-2005 của Chính phủ.

Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã đi vào đời sống, tinh thần của cộng đồng người Chăm, là chìa khóa mở rộng cánh cửa cho cộng đồng người Chăm nâng cao kiến thức văn hóa, hòa nhập vào cuộc sống văn minh, hiện đại sánh vai cùng các dân tộc anh em Khmer, Hoa, Ấn tại tỉnh Trà Vinh. Những giáo lý được cộng đồng người Chăm thực hiện vào đời sống tôn giáo Islam - Hồi giáo.

Cộng đồng người Chăm thường xuyên cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để gây chia rẽ giữa các dân tộc, chống lại chính sách đại đoàn kết, chính sách dân tộc, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Tham gia tốt cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở như: đăng ký xây dựng cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo văn minh, đăng ký xây dựng quy định văn hóa với 3 tiêu chuẩn, 11 tiêu chí theo Quyết định số 62 ngày 23-6-2006 của Bộ Văn hóa -

Thông tin, đăng ký xây dựng hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự với 7 nội dung theo hướng dẫn của Công an phường. Đến nay có 100% hộ được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 100% số hộ được công nhận là “Gia đình an toàn”.

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, tín đồ và bà con cộng đồng dân tộc Chăm vẫn tích cực tham gia đóng góp cùng địa phương trong công tác xóa nghèo, xây dựng nhà đại đoàn kết, ủng hộ đồng bào bị thiên tai.

Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta đối với đồng bào các dân tộc thiểu số như kinh tế, giáo dục, y tế đã được cộng đồng người Chăm đón nhận như một món quà vô giá, là động lực để họ phấn đấu vươn lên phát triển đời sống, kinh tế, văn hóa. Hiện có 60% hộ khá giàu, 40% hộ trung bình, không có hộ nghèo.

Về kinh tế, xóa đói giảm nghèo: có 2 hộ tại khóm 6, phường 8, thành phố Trà Vinh được cấp căn nhà tình thương vào năm 2009.

Về giáo dục: có 6 em tốt nghiệp đại học, cao đẳng; 19 em học cấp III; 22 em học cấp II; 30 em học cấp I và 3 em đang tu học Trường Trung học tôn giáo tại Malaixia; 1 em tu học tại Trường Đại học tôn giáo Madnah tại Ả-rập Xêút.

Về y tế: 100% cộng đồng người Chăm tại tỉnh Trà Vinh được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cộng đồng người Chăm ở Trà Vinh ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và phát huy những việc làm tích cực trong thời gian qua sẽ tiếp tục bảo tồn và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Chăm, góp phần làm đa dạng văn hóa các dân tộc, giữ gìn truyền thống đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

(Đô Ha Mid - Dân tộc Chăm
Trưởng ban Quản trị Thánh đường
Hội giáo Trà Vinh, Đại diện cộng đồng người Chăm
tỉnh Trà Vinh)

LÀM GIÀU TỪ NGHỀ TRUYỀN THỐNG

*Gương cá nhân điển hình: **Lâm Quốc Tuấn***

Dân tộc: Hoa

Chủ doanh nghiệp tư nhân Mỹ Trân, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Lâm Quốc Tuấn, dân tộc Hoa là chủ doanh nghiệp tư nhân sản xuất lập xưởng, bánh pía Mỹ Trân. Lập nghiệp năm 1980 từ một cơ sở sản xuất nhỏ, hoàn toàn làm bằng thủ công, với nguồn vốn tích góp khởi nghiệp là 5 triệu đồng. Thời gian đầu cơ sở gặp khó khăn về mọi mặt. Nhờ cần cù lao động, nỗ lực học hỏi kinh nghiệm, cải tiến trang thiết bị, máy móc để nâng cao hiệu quả sản xuất, đồng thời luôn cải tiến chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng nên hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở ngày một hiệu quả. Đến năm 1992 vốn điều lệ tăng khoảng 300 triệu, Lâm Quốc Tuấn quyết định mở rộng cơ sở sản xuất và chuyển cơ sở về số 352, 354, quốc lộ 1A, khóm 1, phường 7, thành phố Sóc Trăng.

Qua nhiều năm liên phần đấu, nỗ lực phát triển sản xuất kinh doanh, tích cực chuyển giao khoa học kỹ thuật và đúc kết nhiều kinh nghiệm, cùng với đó là sự giúp đỡ của nhà khoa học, các ngành, các cấp đã tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Đến nay, Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Trân luôn tự hào về thành quả của mình: doanh nghiệp đã có vốn điều lệ trên 10 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thành đạt có hệ thống trang thiết bị, máy móc và dây chuyền sản xuất theo dạng khép kín, sử dụng lao động có kinh nghiệm kỹ thuật cao. Bình quân mỗi ngày doanh nghiệp sử dụng khoảng 50 lao động, chủ yếu là người dân tộc thiểu số ở địa phương với mức lương ổn định 3,5 triệu đồng/tháng, các chi phí ăn ở do doanh nghiệp chi trả.

Lâm Quốc Tuấn chia sẻ: “Hiện nay, gia đình tôi ổn định về kinh tế, nhà cửa khang trang, con cái đều thành đạt. Ngoài việc chăm lo sản xuất kinh doanh, tôi còn tích cực tham gia công tác xã hội với vai trò là Phó Chủ tịch Hội tương tế người Hoa thành phố, là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp phường và thành phố (nhiệm kỳ 2011-2016). Gia đình tôi thường xuyên giúp đỡ, hỗ trợ và đóng góp cho địa phương với tinh thần “của ít lòng nhiều”. Với trách nhiệm là Phó Chủ tịch Hội tương tế người Hoa thành phố và là thành viên của Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc thành phố, trong những năm qua, Lâm Quốc Tuấn đã cùng với Mặt trận và các đoàn thể tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới đồng bào người Hoa, vận động người Hoa gương mẫu chấp hành tốt các chủ trương đó, tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do chính quyền và đoàn thể phát động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh - trật tự xã hội ở địa phương.

Trong những năm qua, gia đình ông luôn thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ và đóng góp cho địa phương như góp tiền xây dựng hẻm, tặng học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu..., tham gia đóng góp xây dựng Trường song ngữ Dục Anh, dạy hai thứ tiếng Việt - Hoa với số tiền 120 triệu đồng và cùng với Hội tương tế người Hoa tỉnh Sóc Trăng vận động nhân dân đóng góp xây dựng trường khoảng 13 tỷ đồng, đến nay trường đã hoạt động được 7 năm; bên cạnh đó, phối hợp cùng với Hội phát gạo cho hộ nghèo mỗi năm khoảng 10 tấn.

Thời gian tới, doanh nghiệp sẽ tập trung mở rộng, nâng cấp cơ sở sản xuất, đầu tư kỹ thuật hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ và

liên kết với các doanh nghiệp khác để phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của tỉnh Sóc Trăng.

Với những thành tích đạt được, doanh nghiệp đã được tặng nhiều giấy khen và bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh như: Bằng khen về thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, gương điển hình tiên tiến trong Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần II; Giấy khen trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn thành phố; đồng thời được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen do có thành tích trong phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

VĨNH TRẠCH ĐÔNG VỚI MÔ HÌNH TỰ QUẢN

Vĩnh Trạch Đông là xã bãi ngang khó khăn thuộc thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt và khai thác thủy sản. Đồng bào Khmer ở Bạc Liêu cùng với các dân tộc anh em khác sống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Công an xã Vĩnh Trạch Đông về vấn đề an ninh, trật tự tại địa phương, thành phố đã triển khai xây dựng mô hình tổ tự quản dòng tộc và chọn Vĩnh Trạch Đông là xã đầu tiên thực hiện mô hình này trên địa bàn. Tháng 11-2013, tổ tự quản dòng tộc ở Vĩnh Trạch Đông đã ra mắt và bước đầu đi vào hoạt động với hai đơn vị: Tổ tự quản dòng tộc họ Thạch và Tổ tự quản dòng tộc họ Sơn với 54 thành viên gồm có 2 tổ trưởng, 12 tổ phó, 2 thư ký của hai họ trên 6 ấp nhằm giữ gìn an ninh, trật tự và sự bình yên cho nhân dân. Để duy trì hoạt động và đạt kết quả tốt, các thành viên trong tổ tự quản

đã đoàn kết vượt qua mọi khó khăn để giữ bình yên cho phum sóc. Hoạt động của tổ được duy trì hợp thường lệ vào ngày cuối cùng của tháng theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thành phố, Ban chỉ đạo xã, đặc biệt là lãnh đạo Công an thành phố. Các tổ báo cáo tình hình chung ở địa phương, đồng thời trao đổi thông tin hai chiều để các thành viên trong tổ nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương về phổ biến lại cho gia đình và trong họ tộc.

Các thành viên trong tổ tự quản dòng tộc còn có trách nhiệm giáo dục con cháu trong họ tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghiêm chỉnh thực hiện luật giao thông; không tham gia các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác; tạo mọi điều kiện và vận động con cháu không bỏ học; cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, khi phát hiện có kẻ xấu, báo cáo ngay cho Công an để kịp thời xử lý. Chính nhờ trách nhiệm và tinh thần cảnh giác cao đó, hai cá nhân trong tổ tự quản dòng tộc ở Vĩnh Trạch Đông đã được Giám đốc Công an tỉnh Bạc Liêu khen thưởng đột xuất vì đã có thành tích trong đấu tranh tố giác tội phạm.

Có thể nói, việc cho ra đời tổ tự quản của hai dòng họ Thạch và Sơn có vai trò quan trọng, mang

lại những kết quả đáng khích lệ trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương, số vụ phạm pháp hình sự giảm rõ rệt qua các năm, các tụ điểm tệ nạn xã hội được triệt xóa.

Ông Thạch Quết - Tổ trưởng Tổ tự quản dòng họ Thạch ở xã Vĩnh Trạch Đông cho biết: Từ khi tổ tự quản dòng tộc ra đời và đi vào hoạt động, tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội địa phương luôn được ổn định. Từ kết quả đó, ngày 26-3-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định nhân rộng mô hình này toàn thành phố; đồng thời xã Vĩnh Trạch Đông là một trong ba xã đang thực hiện xây dựng nông thôn mới và hiện nay đã được các cấp lãnh đạo thẩm định đạt tiêu chí thứ 19 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tổ tự quản dòng tộc còn tham gia công tác giảm nghèo của địa phương. Các thành viên trong tổ cùng với chính quyền địa phương, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tham gia công tác vận động, tuyên truyền bà con dân tộc quyết tâm làm ăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình vươn lên thoát nghèo bền vững bằng nhiều hình thức như hỗ trợ vốn, phương tiện, cây, con giống; thăm hỏi, tặng quà cho những hoàn cảnh khó khăn khi ốm đau, bệnh tật; làm tốt công tác hòa

giải, giải quyết ổn thỏa các vấn đề xung đột, mâu thuẫn xảy ra trong đồng bào dân tộc thiểu số và trong họ tộc.

(**Thạch Quết** - *Dân tộc Khmer*
Đại diện ấp Biểu Đông B,
xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu,
tỉnh Bạc Liêu)

VƯỢT KHÓ VƯỜN LÊN

*Gương cá nhân điển hình: **Thạch Dũng***

Dân tộc: Khmer

*Ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện
Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau*

Thạch Dũng là người dân tộc Khmer, quê gốc ở xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Anh sinh ra trong một gia đình có 13 anh, chị em; cha mẹ lại không có đất sản xuất, quanh năm suốt tháng chỉ biết làm thuê, làm mướn để sống qua ngày. Đến tuổi trưởng thành, năm 1989, Thạch Dũng thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Sau 3 năm phục vụ trong quân ngũ và hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, năm 1997, Thạch Dũng quyết định rời quê hương đến xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau lập nghiệp nhưng vẫn không thoát khỏi cảnh đói nghèo. Nhờ chính sách của Đảng và Nhà nước, Thạch Dũng được chính quyền địa phương ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận xét cấp cho một căn nhà theo Chương trình 134 để có nơi

ở ổn định và được xét là hộ nghèo của xã. Theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 9-6-2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010, gia đình anh cũng được hỗ trợ vay 10 triệu đồng để làm vốn phát triển sản xuất. Khi được vay vốn, anh bàn bạc cùng gia đình mua được 4 con dê giống về nuôi. Sau một thời gian hơn 2 năm, đàn dê sinh sản, anh bán dê thịt và dê giống hoàn trả được vốn vay của Nhà nước, đồng thời đầu tư thêm từ tiền lãi bán dê mua giống heo rừng và heo mồi về thả nuôi. Nói về kinh nghiệm phát triển đàn heo, Thạch Dũng cho biết: Chăn nuôi heo tiết kiệm được chi phí mua thức ăn vì thức ăn của heo chỉ là cây cỏ mọc theo bờ ruộng và thân cây chuối mà người dân đã bán bông nên có thể đến xin thân cây đem về dự trữ. Qua thời gian đầu tư chăn nuôi đến nay, đàn dê của Thạch Dũng hiện có 30 con, đàn heo 40 con, ước tính thời gian nuôi dê và nuôi heo gia đình lãi khoảng 200 triệu đồng.

Thạch Dũng chia sẻ: Từ mô hình chăn nuôi của gia đình, anh đã tích lũy mua được 3 hecta đất, sửa lại nhà để ở và cũng nhờ có tích lũy được mà gia đình anh có tiền nuôi con ăn học. Anh cho biết, thời gian tới, gia đình sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng

chuồng trại, tăng thêm số lượng đàn dê và đàn heo. Cuối năm 2013, gia đình anh tự nguyện làm đơn gửi đến chính quyền địa phương ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận xin thoát nghèo. Nhờ ý chí quyết tâm vươn lên làm giàu, Thạch Dũng được Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo huyện Đầm Dơi khen ngợi với danh hiệu Nông dân sản xuất giỏi.

Mô hình phát triển kinh tế của Thạch Dũng tuy không mới nhưng với lòng kiên trì, chịu khó, anh đã thu lại được những kết quả đáng khích lệ. Mô hình này cần được nhân rộng hơn nữa trên toàn địa bàn.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<ul style="list-style-type: none">• Lai Châu chú trọng thực hiện chính sách dân tộc trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo	7
<ul style="list-style-type: none">• Mường Tè với công tác bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc	11
<ul style="list-style-type: none">• Người Dao ở Sá Nhè phát triển kinh tế hộ gia đình	20
<ul style="list-style-type: none">• Nậm Pồ với công tác giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội	22
<ul style="list-style-type: none">• Làm giàu từ nuôi trồng, đánh bắt, thu mua hải sản	25
<ul style="list-style-type: none">• “Phải làm gương để quần chúng noi theo”	29
<ul style="list-style-type: none">• Người sản xuất giỏi xóm Lũng Vài	33
<ul style="list-style-type: none">• Bảo tồn, phát triển cây dược liệu để xóa đói giảm nghèo	36
<ul style="list-style-type: none">• Gương đồng bào Cao Lan làm kinh tế giỏi	41
<ul style="list-style-type: none">• Phong trào thi đua yêu nước ở Thượng Long	44
	195

• Chuyển đổi cơ cấu cây trồng để thoát nghèo	48
• Gương người có uy tín trong cộng đồng người Dao ở Na Rì, Bắc Kạn	52
• Thoát nghèo từ trồng rừng	57
• Xã Chi Lăng trên hành trình xây dựng nông thôn mới	60
• Ứng dụng khoa học kỹ thuật để tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng cao	64
• “Để làm tốt công tác dân tộc phải tận tâm, tận lực”	68
• Kinh nghiệm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống ở Ba Vì	72
• Cán bộ xã làm kinh tế giỏi	78
• Đồng bào Mông ở Pù Nhi chung tay xây dựng nếp sống văn hóa	84
• Sáng kiến bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của Nghệ An	88
• Làm kinh tế giỏi, tích cực vận động đồng bào bảo vệ đường biên, cột mốc	94
• Sáng kiến trong công tác bảo vệ cột mốc, đường biên ở Hướng Việt	97
• Làm kinh tế giỏi, tham gia công tác xã hội tích cực	102

• Kinh tế gia đình phát triển nhờ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi	107
• Cách làm hay ở An Lão	111
• Áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất để làm giàu	117
• Người Chăm ở Bình Nghĩa giúp nhau làm kinh tế	122
• Công tác khuyến học, khuyến tài ở Phú Lạc	125
• Biết học cái hay, làm theo cái đúng để thoát nghèo	131
• Huyện Ia Grai với công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh nông thôn trên địa bàn	134
• Làm giàu cho gia đình là làm giàu cho đất nước	140
• Người trưởng bon gương mẫu	143
• Người có uy tín ở Lạc Dương với công tác vận động đồng bào hiến đất làm đường	146
• Gương nông dân Cao Lan sản xuất giỏi	148
• Đồng Nai phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	151
• Bà Rịa - Vũng Tàu với công tác bảo tồn văn hóa Chơro	159
• Cần Thơ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của Phật giáo Nam tông Khmer	165
• Người nông dân Khmer với giống lúa mới	172
• Người cộng tác viên dân số tận tình	175

• Người Chăm ở Trà Vinh sống tốt đời, đẹp đạo	180
• Làm giàu từ nghề truyền thống	184
• Vĩnh Trạch Đông với mô hình tự quản	188
• Vượt khó vươn lên	192

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung:	NGUYỄN HOÀI ANH NGUYỄN MINH HIỀN TRẦN THỊ THU VÂN HOÀNG THỊ THU
Trình bày bìa:	PHẠM DUY THÁI
Chế bản vi tính:	PHẠM NGUYỆT NGÀ
Sửa bản in:	NGUYỄN THỊ LƯƠNG
Đọc sách mẫu:	MINH HIỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT; Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH

Khu Di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

- MỖI CÂU CHUYỆN NHỎ, MỘT BÀI HỌC LỚN

Phạm Minh Thảo

- VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI VIỆT

Bảo An (Biên soạn)

- KỂ CHUYỆN TRẠNG NGUYÊN VIỆT NAM



8935211187818

ISBN 978-604-57-2839-0



9 786045 728390

SÁCH KHÔNG BÁN